UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4079/SXD-QLHĐXD

Lào Cai, ngày 30 tháng 6 năm 2026

CÔNG BỐ
THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ II NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ–CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 10/2024/TT–BXD ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quản lý chất lượng, sản phẩm,hàng hoá vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 1 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành sửa đổi bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Trên cơ sở kết quả khảo sát, thu thập thông tin, đánh giá giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai; thông tin giá vật liệu xây dựng do UBND các xã, phường và các tổ chức đơn vị sản xuất kinh doanh cung cấp; ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các Ban QLDA chuyên ngành, ban QLDA xã, phường. Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng Quý II năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lào Cai và hướng dẫn áp dụng, cụ thể như sau:

1. Công bố thông tin giá vật liệu xây dựng: Chi tiết tại phụ lục I, II, III kèm theo.

2. Thông tin giá vật liệu xây dựng được công bố tại Phụ lục I, II, II kèm theo văn bản này là giá vật liệu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Thông tin giá vật liệu trong bảng công bố thông tin này được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai, báo giá của nhà sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, báo cáo giá vật liệu xây dựng của UBND các xã, phường; một số thông tin giá vật liệu công bố theo địa chỉ nơi sản xuất, nhà cung cấp.

3. Các loại vật liệu xây dựng trong công bố thông tin đã quy định rõ kích thước, quy cách, xuất sứ, cơ sở sản xuất. Những loại vật liệu xây dựng không đúng với kích thước, quy cách trong công bố thông tin giá, thì không tham khảo, áp dụng.

4. Thông tin giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố thông tin này là các loại vật liệu phổ biến để các chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng tham khảo thông tin về giá để xác định giá xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, không thay thế trách nhiệm khảo sát, xác định giá của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn. Chủ đầu tư và các tổ chức tư vấn khi sử dụng thông tin

về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng phải căn cứ vào địa điểm xây dựng công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế, quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét lựa chọn sử dụng vật liệu xây dựng tại Phụ lục I, II, III kèm theo văn bản này hoặc vật liệu khác trên cơ sở đáp ứng về tiêu chuẩn, chất lượng và xác định giá vật liệu phù hợp với giá thị trường, đảm bảo hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí cho công trình và đáp ứng mục tiêu đầu tư.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 29/12/2023 và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, đảm bảo chính xác, hiệu quả, chống thất thoát trong đầu tư công.

6. Trường hợp đối với các loại vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị công trình không có trong công bố thông tin giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì Chủ đầu tư, căn cứ thẩm quyền được phân cấp, phân quyền chủ động xác định giá theo quy định như sau:

6.1. Đối với vật liệu xây dựng*:* Các tiêu chí cần đánh giá, xem xét khi lựa chọn giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1.1 Phụ lục số IV, Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

6.2. Đối với thiết bị lắp đặt vào công trình

- Trường hợp xác định giá thiết bị trong tổng mức đầu tư của dự án: Xác định theo hướng dẫn tại mục 2.3 Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Trường hợp xác định giá thiết bị trong dự toán xây dựng: Xác định theo hướng dẫn tại mục 1. sửa đổi, bổ sung mục 2.1 mục 1 phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

6.3. Chủ đầu tư được thuê doanh nghiệp thẩm định giá có đủ điều kiện, năng lực để thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá

7. Khi thực hiện tổ chức khảo sát, xác định giá vật liệu chủ đầu tư và đơn vị tư vấn cần lưu ý:

- Các chủng loại vật liệu sử dụng phải đáp ứng quy định tại Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan;

- Vật liệu phải đáp ứng phù hợp giá thị trường, nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn về kỹ thuật, chất lượng phù hợp với hồ sơ thiết kế; phải có chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước khi lưu thông trên thị trường theo quy định hiện hành;

- Thông tin giá các loại vật liệu phải từ nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng có giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật, giá các loại vật liệu phải đảm bảo phù hợp tại thời điểm lập;

- Khảo sát về khả năng cung cấp vật liệu tại nơi được lựa chọn cung ứng, đảm bảo phù hợp với nhu cầu sử dụng của dự án, công trình.

8. Các đơn vị sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng và giá của các vật liệu gửi đăng công bố.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để được hướng dẫn, giải đáp theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Bộ Xây dựng (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã;
- Các phòng, ban, đơn vị SXD;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLHĐXD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH LÀO CAI

Nguyễn Tiến Nam

PHỤ LỤC I

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ II NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(CÁT, ĐÁ, SỎI, XI MĂNG, THÉP, GẠCH XÂY, NHÓM SẢN PHẨM GỖ)

(Kèm theo Văn bản số 4079/SXD-QLHĐXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai)

STT	Nhóm vật liệu (*)	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển(*)	Giá bán (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
I	**CÁT XÂY DỰNG**								
	HỢP TÁC XÃ KHAI MINH (Công văn số 327/KTHTĐT ngày 16/6/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Phường Yên Bái và Công văn số 8/KTHT-ĐT ngày 16/6/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng xã Trấn Yên, Văn bản số 03/2026/CBG-KM ngày 11/6/2026 của HTX Khai Minh) **Địa chỉ: Tổ dân phố Phúc Xuân, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai - Bãi tập kết thôn Đào Thịnh 4, xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại liên hệ: 0982.423.246** **Giấy phép khai thác còn hiệu lực: Số 49/GP-UBND do UBND tỉnh Yên Bái ký ngày 13/01/2026 có thời hạn đến 17/01/2030;** **Giấy chứng nhận hợp quy số 003.25.00 doTrung tâm ứng dụng Tiêu chuẩn chất lượng cấp, có giá trị từ 11/03/2025 đến 10/03/2028;** **Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 2991/TB-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai ký ngày 18/11/2025**							
1	Cát xây dựng	Cát mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Khai Minh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua	195.000
2	Cát xây dựng	Cát thô	m3	QCVN 16:2023/BXD		Hợp tác xã Khai Minh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua	215.000
	CÔNG TY TNHH MTV KHÁNH DUY YB (Báo cáo số 200/BC-UBND ngày 15/6/2026 của UBND xã Tân Hợp; Văn bản KKG số 19/BC-KD ngày 19/5/2026 và Văn bản số 21/ĐK-KD ngày 19/5/2026 của Công ty TNHH MTV Khánh Duy YB) **Địa chỉ nơi khai thác hoặc địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Gốc Gạo, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại liên hệ: 0971452499** **Giấy phép khai thác còn hiệu lực: 547/GP-UBND ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh Yên Bái;** **Giấy chứng nhận hợp quy: 289/QĐ-TTGĐ ngày 21/11/2025; Thông báo tiếp nhận hợp quy: 239/TB-SXD ngày 09/12/2025 của Sở xây dựng- UBND tỉnh Lào Cai**							
1	Cát xây dựng	Cát đen hạt mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD	Ml=0,7~2mm	Công ty TNHH MTV Khánh Duy YB	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Gốc Gạo, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	207.000
2	Cát xây dựng	Cát đen hạt thô	m3	QCVN 16:2023/BXD	Ml = 2~3,3mm	Công ty TNHH MTV Khánh Duy YB	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Gốc Gạo, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	207.000
3	Sỏi	Sỏi	m3		1x2 cm	Công ty TNHH MTV Khánh Duy YB	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Gốc Gạo, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	233.000
4	Sỏi	Sỏi	m3		2x4 cm	Công ty TNHH MTV Khánh Duy YB	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ Thôn Gốc Gạo, xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai	233.000
	CÔNG TY TNHH TMTH VI ANH **- Giấy phép khai thác hiệu lực 19/9/2035; Chứng nhận hợp quy từ ngày 03/02/2026-02/02/2029** **- Theo báo cáo số 1043/UBND-KT ngày 18/6/2026 của UBND xã Bảo Thắng**								
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđ1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TMTH Vi Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Nam Hải, xã Bảo Thắng	227.273
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđ1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TMTH Vi Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Nam Hải, xã Bảo Thắng	227.273
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđ1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TMTH Vi Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Nam Hải, xã Bảo Thắng	227.273
	CÔNG TY TNHH TMTH MTV MINH THẮNG **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 19/4/2028; Giấy chứng nhận hợp quy 19/4/2025-18/4/2027; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 8/TB - SGTVTXD ngày 09/07/2025, hạn đến 18/4/2027** **- Theo báo cáo số 1043/UBND-KT ngày 18/6/2026 của UBND xã Bảo Thắng và Bản kê khai giá số 02/KKG-MT ngày 24/03/2026 của Công ty TNHH TMTH MTV MINH THẮNG**								
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđ1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TMTH Minh Thắng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn An Trà, xã Bảo Thắng	272.727
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđ1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TMTH Minh Thắng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn An Trà, xã Bảo Thắng	272.727
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđ1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TMTH Minh Thắng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn An Trà, xã Bảo Thắng	272.727
	CÔNG TY TNHH TMTH MTV MINH NGỌC **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 24/7/2028; Giấy chứng nhận hợp quy đến 13/09/2026; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 289/TB - SGTVTXD ngày 27/10/2023, hạn đến 13/9/2026** **- -Theo báo cáo số 1043/UBND-KT ngày 18/6/2026 của UBND xã Bảo Thắng và Bản Kê khai giá số 1512/KKG-MN ngày 15/12/2025, Số 0903/KKG-MN ngày 09/03/2026 của Công ty TNHH MTV ĐTXD Minh Ngọc** **- Theo thông tin từ văn bản Kê khai giá của công ty: Đối với những khách hàng lớn, khách hàng truyền thống mức giá bán có thể thấp hơn so với giá niêm yết 10.000đ/m3 (đã bao gồm cả VAT)**								
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđ1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TMTH MTV Minh Ngọc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Đồng Tâm, thôn An Tiến, thôn Nam Hải xã Bảo Thắng	272.727

2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđl 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TMTH MTV Minh Ngọc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Đồng Tâm, thôn An Tiến, thôn Nam Hải xã Bảo Thắng	272.727
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđl >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TMTH MTV Minh Ngọc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thuộc thôn Đồng Tâm, thôn An Tiến, thôn Nam Hải xã Bảo Thắng	272.727
	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỄN CÔNG CHIỂU **Địa chỉ nơi khai thác: Thôn An Hồng, xã Sơn Hà và Thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (cũ).** **Số điện thoại liên hệ: 0562666668** **Thông tin về đại lý (Địa chỉ, SĐT): Đường Cách mạng tháng 8, Thôn Phú Thịnh 1, xã Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.** **Giấy phép khai thác còn hiệu lực: 19/5/2025; Giấy chứng nhận hợp quy 25/12/2025-25/12/2028; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 23/TB - SXD ngày 08/01/2026, hạn đến 25/12/202**								
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđl 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Công Chiểu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thôn An Hồng, xã Sơn Hà và Thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (cũ).	227.273
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđl 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Công Chiểu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thôn An Hồng, xã Sơn Hà và Thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (cũ).	227.273
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđl >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Công Chiểu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ thôn An Hồng, xã Sơn Hà và Thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (cũ).	227.273
	CÔNG TY TNHH TM&XNK ĐẠI MINH (Theo báo cáo số 654/UBND-KT ngày 19/06/2026 của UBND xã Bảo Hà) **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 19/10/2039; Giấy chứng nhận hợp quy đến 107/8/2026; Thông báo tiếp nhận hợp quy số /TB - SGTVTXD ngày , hạn đến 10/8/2026** **- Địa chỉ công ty: Số 1538 đường Trần Phú, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai** **- Điện thoại: 0982 986 778**								
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđl 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TM&XNK Đại Minh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ (Thôn Tân Sơn, thôn Tân Trúc xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai	227.273
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđl 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TM&XNK Đại Minh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ (Thôn Tân Sơn, thôn Tân Trúc xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai	227.273
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđl >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH TM&XNK Đại Minh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ (Thôn Tân Sơn, thôn Tân Trúc xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai	227.273
4	Sỏi	Sỏi Dmax 20mm&40mm	m3			Công ty TNHH TM&XNK Đại Minh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ (Thôn Tân Sơn, thôn Tân Trúc xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai	227.273
	CÔNG TY TNHH ĐỨC BỘ **- Địa chỉ công ty: đường Lê Thanh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai** **- Mỏ cát tại thôn Hồng Cam, xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai** **- SĐT: 0936662826** **(Theo bản kê khai giá số 20.1/KKG ngày 22/01/2026 của Công ty TNHH Đức Bộ)**								
1	Cát xây dựng	Cát thô và cát mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Đức Bộ	Việt Nam		290.909
	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG QUỐC ĐẠT **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 19/10/2026; Giấy chứng nhận hợp quy đến 19/10/2026; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 121/TB -SXD ngày 31/5/2024, hạn đến 19/10/2026** **- Theo văn bản số 178/PKT-XD ngày 15/6/2026 của Phòng Kinh tế xã Văn Bàn**								
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđl 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Cong ty TNHH xây dựng Quốc Đạt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn Làng Nòm - xã Văn Bàn	272.727
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđl 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Cong ty TNHH xây dựng Quốc Đạt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn Làng Nòm - xã Văn Bàn	272.727
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđl >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Cong ty TNHH xây dựng Quốc Đạt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ tại thôn Làng Nòm - xã Văn Bàn	272.727
	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÀ NAM 91-94 **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 16/9/2027; Giấy chứng nhận hợp quy đến 19/10/2026 đối với sản phẩm cát; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 67/TB-SXD ngày 26/4/2025 có hiệu lực đến ngày 20/3/2026 đối với sản phẩm cát** **- Theo báo cáo ngày 15/03/2026 của Phòng Kinh tế xã Bảo Yên và Bản kê khai giá ngày 07/01/2026 của Công ty CP Khoáng sản Hà Nam 91-94**								
1	Cát xây dựng	Cát vàng đổ bê tông	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam 91-94	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát thuộc khu 8 xã Bảo Yên	290.909
2	Cát xây dựng	Cát vàng xây, trát	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam 91-94	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát thuộc khu 8 xã Bảo Yên	290.909

3	Sỏi	Sỏi 1 x 2	m3			Công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam 91-94	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát thuộc khu 8 xã Bảo Yên	272.727
4	Sỏi	Sỏi 2 x 4	m3			Công ty cổ phần khoáng sản Hà Nam 91-94	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát thuộc khu 8 xã Bảo Yên	172.727
	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƯỜNG TUẤN **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 24/02/2036; Giấy chứng nhận hợp quy đến 09/9/2027; Thông báo tiếp nhận hợp quy số 240/TB-SXD ngày 14/10/2024 có hiệu lực đến ngày 09/9/2027** **- Theo báo cáo ngày 22/6/2026 của Phòng Kinh tế - Phường Cam Đường và Kê khai số 01/KKG-CT ngày 08/3/2026 của DNTN Cường Tuấn**								
1	Cát xây dựng	Cát xây (Mđ1 1,4 - 2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Doanh nghiệp tư nhân Cường Tuấn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát trên sông Hồng thuộc phường Cam Đường và xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	272.727
2	Cát xây dựng	Cát trát (Mđ1 0,7 - 1,4)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Doanh nghiệp tư nhân Cường Tuấn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát trên sông Hồng thuộc phường Cam Đường và xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	272.727
3	Cát xây dựng	Cát đổ bê tông (Mđ1 >2)	m3	QCVN 16:2023/BXD		Doanh nghiệp tư nhân Cường Tuấn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát trên sông Hồng thuộc phường Cam Đường và xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	272.727
	CÔNG TY TNHH MTV HẬU TƯƠI **- Địa chỉ công ty: Thôn Làng San, xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai** **- SĐT: 0972148842** **(Theo bản kê khai giá số 2412/KKG-HT ngày 24/12/2025 của Công ty TNHH MTV Hậu Tươi)**								
1	Cát xây dựng	Cát thô và cát mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH MTV Hậu Tươi	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát, sỏi trên suối Cạn, xã Y Tý, tỉnh Lào Cai	381.818
2	Cát xây dựng	Sỏi Dmax=20mm	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Hậu Tươi	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát, sỏi trên suối Cạn, xã Y Tý, tỉnh Lào Cai	363.636
3	Cát xây dựng	Sỏi Dmax=40mm	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Hậu Tươi	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ cát, sỏi trên suối Cạn, xã Y Tý, tỉnh Lào Cai	363.636
	CÔNG TY CP ĐTXD THƯƠNG MẠI MIỀN BẮC **- Địa chỉ công ty: Số 432 đường Lê Thanh, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai** **- Mỏ cát tại Bản Rằm, xã Xuân Hòa, tỉnh Lào Cai** **- SĐT: 0977639629** **(Theo bản kê khai giá số 30.1/KKG ngày 30/01/2026 của Công ty CP ĐTXD TM Miền Bắc)**								
1	Cát xây dựng	Cát thô và cát mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty CP ĐTXD Thương Mại Miền Bắc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại Mỏ cát tại Bản Rằm, xã Xuân Hòa, tỉnh Lào Cai	390.909
	CÔNG TY CP KD VLXD TRUNG THÀNH **- Địa chỉ công ty: Số 10 đường Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai** **- Mỏ cát trên suối Ngòi Bo, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai** **- SĐT: 0913287163** **(Theo bản kê khai giá số 1405/KKG-TT ngày 14/05/2026 của Công ty CP KD VLXD Trung Thành)**								
	Sản phẩm bán từ ngày 15/05/2026								
1	Cát xây dựng	Cát thô và cát mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty CP KD VLXD Trung Thành	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại Mỏ cát trên suối Ngòi Bo, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	345.455
	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP GIA PHÚ **- Địa chỉ công ty: Thôn Bến Phà, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai** **- Sản phẩm cát nghiền tại thôn Bến Phà, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai** **- SĐT: 00368564800** **(Theo bản kê khai giá số 01/KKG ngày 16/04/2026 của Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Gia Phú)**								
1	Cát xây dựng	Cát thô và cát mịn	m3	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Gia Phú	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Bến Phà, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	418.182
II	**ĐÁ XÂY DỰNG**								
	CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN TÂY (Văn bản số 01/TB-MT ngày 01/5/2026 của Công ty CP Miền Tây) **Địa chỉ nơi khai thác: Tổ 11, Phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại liên hệ: 0914212997**								

1	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015		Công ty cổ phần Miền Tây	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất TDP Suối Quẻ, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	345.454
2	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015		Công ty cổ phần Miền Tây	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất TDP Suối Quẻ, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	345.454
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015		Công ty cổ phần Miền Tây	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất TDP Suối Quẻ, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	345.454
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015		Công ty cổ phần Miền Tây	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất TDP Suối Quẻ, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	345.454
5	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015		Công ty cổ phần Miền Tây	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất TDP Suối Quẻ, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	345.454
6	Đá xây dựng	Đá mạt	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015		Công ty cổ phần Miền Tây	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất TDP Suối Quẻ, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	209.090
7	Đá xây dựng	Đá Base (Bây A)	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015		Công ty cổ phần Miền Tây	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất TDP Suối Quẻ, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	327.272
8	Đá xây dựng	Đá Subbase (Bây B)	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015		Công ty cổ phần Miền Tây	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất TDP Suối Quẻ, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	290.909
9	Đá xây dựng	Đá xô bồ (sau nổ mìn)	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015		Công ty cổ phần Miền Tây	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất TDP Suối Quẻ, phường Trung Tâm, tỉnh Lào Cai	272.727
	CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN (Báo cáo số 939/UBND-TH ngày 19/6/2026 của UBND xã Văn Chấn và Văn bản số 12/TB-ĐĐT ngày 09/3/2026 của Công ty TNHH Đại Đồng Tiến) **Địa chỉ nơi khai thác: Thôn Bản Hốc xã Văn Chấn (Mỏ đá Đồng Khê)** **Số điện thoại liên hệ: 0913.251.392** **Giấy phép khai thác còn hiệu lực: 24/04/2042** **Giá bán áp dụng từ 15/3/2026 đã bao gồm chi phí bốc xúc lên xe, thuế tài nguyên 10% và phí bảo vệ môi trường, chưa bao gồm thuế VAT**								
1	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm2		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	301.000
2	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm3		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	311.000
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm4		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	328.000
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm5		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	346.000
5	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm6		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	274.000
6	Đá xây dựng	Đá mạt	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm7		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	182.000
7	Đá xây dựng	Đá bây A	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm8		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	301.000
8	Đá xây dựng	Đá bây B	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm9		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	246.000

9	Đá xây dựng	Đá xô bồ (sau nổ mìn)	m3	QCVN 16:2019/BXD. Kết quả kiểm tra cường độ nén đá số 05/HĐ-TN đạt 85,1 N/mm10		CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	180.000
10	Đá xây dựng	Cấp phối mỏ tỷ lệ đá thải 10%	m3			CÔNG TY TNHH ĐẠI ĐỒNG TIẾN	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác sản xuất, chuyển ra bãi tập kết, xúc lên xe tại mỏ đá Đồng Khê Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn	66.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT YÊN LÀO - CHI NHÁNH SXVL LÂM GIANG (Văn bản số 67/ĐN-VLLG ngày 13/6/2026 của CN SXVL Lâm Giang) **Địa chỉ công ty: Số 99 đường Trần Hưng Đạo, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai** **Địa chỉ Chi nhánh SXVL Lâm Giang: Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại: 0982535277-0986664579** **Giấy chứng nhận hợp quy (11/6/2025-11/6/2028)**								
1	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	TCVN 7572-10:2006	200-300mm	Chi nhán SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	182.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7572-10:2006	5-20mm	Chi nhán SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	255.000
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7572-10:2006	10-40mm	Chi nhán SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	250.000
4	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 7572-10:2006	10-60mm	Chi nhán SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	240.000
5	Đá xây dựng	Đá 2,5x5	m3	TCVN 7572-10:2006	15-50mm	Chi nhán SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	240.000
6	Đá xây dựng	Đá Subase	m3	TCVN 7572-10:2006	0,075-37,5mm	Chi nhán SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	210.000
7	Đá xây dựng	Đá Base	m3	TCVN 7572-10:2006	0,075-37,5mm	Chi nhán SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	225.000
8	Đá xây dựng	Đá mạt	m3	TCVN 7572-10:2006	0,1-0,5m	Chi nhán SXVL Lâm Giang - Công ty cổ phần đường sắt Yên Lào	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất Thôn Thọ Lâm, xã Lâm Giang, tỉnh Lào Cai	255.000
	CÔNG TY TNHH XDSX&TMDV HÙNG ĐẠI SƠN (Văn bản số 1300/UBND-PKT ngày 18/6/2026 của UBND xã Lục Yên và Báo cáo ngày 09/4/2026 của Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn ngày 09/4/2026) **Địa chỉ nhà máy sản xuất: thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại liên hệ: 0917187596** **Thông tin về đại lý (Địa chỉ, SĐT): Không** **Giấy chứng nhận hợp quy Đá hộc số XN.007.22; cấp phối đá dăm số SP 025.00.23**								

1	Đá xây dựng	Đá hỗn hợp sau nổ mìn	m3	TCCS 01:2022/HĐS		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	86.363
2	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	304.545
3	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	340.909
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	340.909
5	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	340.909
6	Đá xây dựng	Đá bột mạt	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	177.273
7	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	245.455
8	Đá xây dựng	Đá Bây A	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	268.182
9	Đá xây dựng	Đá Bây B	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	240.909
10	Đá xây dựng	Đá Bây C	m3	TCVN 8859:2011		Công ty TNHH XDSX&TMDV Hùng Đại Sơn	Việt Nam	Giá bán tại thôn Yên Thịnh, xã Mường Lai, tỉnh Lào Cai	101.091
	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÀNH HƯƠNG NGHĨA LỘ **Địa chỉ: Thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại: 0961444855**								
1	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	10mm	DNTN Thành Hương Nghĩa Lộ	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	345.454
2	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	20-70mm	DNTN Thành Hương Nghĩa Lộ	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	345.454
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	10-40mm	DNTN Thành Hương Nghĩa Lộ	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	345.454
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	05-20mm	DNTN Thành Hương Nghĩa Lộ	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	345.454
5	Đá xây dựng	Đá 0.5 x1	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	05-10mm	DNTN Thành Hương Nghĩa Lộ	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	345.454
6	Đá xây dựng	Đá mạt	m3	TCVN 7570:2006 ISO 9001:2015	5mm	DNTN Thành Hương Nghĩa Lộ	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	209.090
7	Đá xây dựng	Đá Base	m3	TCVN 8859:2023 ISO-2015	Dmax=25	DNTN Thành Hương Nghĩa Lộ	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	327.272
8	Đá xây dựng	Đá Subbase	m3	TCVN 8859:2023 ISO-2015	Dmax=37.5	DNTN Thành Hương Nghĩa Lộ	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	290.909
9	Đá xây dựng	Đá xô bồ (sau nổ mìn)	m3	TCVN 8859:2023 ISO-2015	Hỗn hợp	DNTN Thành Hương Nghĩa Lộ	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại thôn Bản Hốc, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai	272.727
	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THAN ĐÁ SUỐI BẮC (Văn bản số 271/UBND-KTHTĐT ngày 06/5/2026 của UBND phường Trung Tâm) **- Giá bán tại nơi khai thác, đã bao gồm: chi phí bốc xúc lên xe, thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường, tiền CQKTKS, tiền KQPHMT** **- Địa chỉ nơi khai thác: TDP Suối Đao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai** **- Điện thoại: 0987372888** **- Công suất khai thác: 40.000m3/năm đá vôi nguyên khối** **- Công suất chế biến: 59.600m3/năm sản phẩm đá các loại**								
1	Đá xây dựng	Đá sau nổ mìn + cào Quăng khỏi bãi	m^3			Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Đao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	272.727
2	Đá xây dựng	Đá dăm 1x2	m^3			Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Đao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	354.545
3	Đá xây dựng	Đá dăm0.5x1				Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Đao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	354.545
4	Đá xây dựng	Đá dăm 2x4	m^3			Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Đao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	354.545

5	Đá xây dựng	Đá dăm 4x6	m³			Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Đao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	345.455
6	Đá xây dựng	Đá hộc	m³			Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Đao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	345.455
7	Đá xây dựng	Đá Base (bây A)	m³	QCVN 16:2023/BXD		Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Đao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	327.273
8	Đá xây dựng	Đá SubBase (bây B)	m³	QCVN 16:2023/BXD		Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Đao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	290.909
9	Đá xây dựng	Đá mạt	m³			Doanh nghiệp tư nhân than đá Suối Bắc	Việt Nam	Giá bán tại nơi khai thác TDP Suối Đao, phường Trung Tâm, Tỉnh Lào Cai	209.091
	CÔNG TY TNHH HUY HOÀNG LỤC YÊN (Văn bản số 1300/UBND-PKT ngày 18/6/2026 của UBND xã Lục Yên và Công văn số 01/2026/BG-HHLY ngày 20/3/2026 của Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên) **Địa chỉ: Thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại liên hệ: 0914356078** **Địa điểm khai thác: Mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai** **Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hạng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.** **Giấy phép khai thác còn hiệu lực: Số 413/GP-UBND cấp ngày 24/4/2012; Giấy chứng nhận hợp quy số 032.VT.HCPT05.0123 ngày 28/4/2023**								
1	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hạng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	305.000
2	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hạng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	335.000
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hạng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	335.000
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hạng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	335.000
5	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	QCVB 16/2019/BXD		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hạng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	230.000
6	Đá xây dựng	Đá bây A	m3	TCVN8859:2011		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hạng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	265.000
7	Đá xây dựng	Đá bây B	m3	TCVN8859:2011		Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hạng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	230.000
8	Đá xây dựng	Mạt đá	m3			Công ty TNHH Huy Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí chuyển tập kết + xúc lên xe trên phương tiện vận chuyển của khách hạng tại mỏ đá thôn Xuân Yên, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai.	175.000
	CÔNG TY TNHH XD LƯƠNG HÀ **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 06/12/2028; Chứng nhận hợp chuẩn (16/12/2024 - 15/12/2027)** **- Theo Bản Kê khai giá số 01/KKG-LH ngày 06/3/2026 của Công ty TNHH XD Lương Hà**								
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)	Công ty TNHH XD Lương Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	245.455
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH XD Lương Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	318.182
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH XD Lương Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	290.909

4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH XD Lương Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	272.727
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH XD Lương Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636
6	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 1 (đá hỗn hợp không có đất)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)	Công ty TNHH XD Lương Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636
7	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 2 (đá hỗn hợp có đất)	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty TNHH XD Lương Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	195.455
8	Đá xây dựng	Đá mạt	m3			Công ty TNHH XD Lương Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	172.727
9	Đá xây dựng	Đá xô bồ	m3			Công ty TNHH XD Lương Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	225.455
	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ HÀ **- Chứng nhận hợp chuẩn (30/8/2024 - 29/8/2027)** **- Theo Báo cáo số 1033 ngày 22/6/2026 của Phòng Kinh tế xã Phong Hải**								
	Giá bán từ ngày 10/03/2026 đến hết ngày 07/6/2026 (Theo bản kê khai giá của Công ty số 05/KKG-PH ngày 06/03/2026)								
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (30/8/2024 - 29/8/2027)	Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	245.455
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	318.182
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	290.909
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006		Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	272.727
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636
6	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 1 (đá hỗn hợp không có đất)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (30/8/2024 - 29/8/2027)	Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636
7	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 2 (đá hỗn hợp có đất)	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	195.455
8	Đá xây dựng	Đá mạt	m3			Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	172.727
9	Đá xây dựng	Đá xô bồ	m3			Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	225.455
	Giá bán từ ngày 08/6/2026 (Theo bản kê khai giá của Công ty số 09/KKG-PH ngày 08/6/2026)								
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (30/8/2024 - 29/8/2027)	Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	236.364
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	318.182
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	290.909
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006		Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	272.727
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636
6	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 1 (đá hỗn hợp không có đất)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (30/8/2024 - 29/8/2027)	Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636
7	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 2 (đá hỗn hợp có đất)	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	186.364
8	Đá xây dựng	Đá mạt	m3			Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	163.636
9	Đá xây dựng	Đá xô bồ	m3			Công ty cổ phần Phú Hà	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	225.455
	CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN BẢN CẦM **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 15/3/2029; Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)** **- Chính sách ưu đãi về giá cho những khách hàng lớn, khách hàng truyền thống của doanh nghiệp (Khách hàng có ký hợp đồng mua bán mua với khối lượng trên 1.000m3), Mức giá bán sẽ thấp hơn so với giá niêm yết trên 5,000đ/m3 đến 10.000đ/m3 tùy vào từng loại sản phẩm)**								

	Giá bán từ ngày 12/03/2026 đến hết ngày 14/04/2026 (Theo Bản kê khai giá số 103 KKG/BC ngày 10/03/2026 của Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm)								
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)	Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	218.182
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	290.909
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	245.455
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3			Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	236.364
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	218.182
6	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I (Dmax=25mm)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)	Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	218.182
7	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại II (Dmax=37,5mm)	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	163.636
8	Đá xây dựng	Đá mạt	m3			Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	145.455
	Giá bán từ ngày 15/04/2026 (Theo Bản kê khai giá số 124 KKG/BC ngày 12/04/2026 của Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm)								
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)	Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	209.091
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	290.909
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	245.455
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3			Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	236.364
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	218.182
6	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I (Dmax=25mm)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)	Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	209.091
7	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại II (Dmax=37,5mm)	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	145.455
8	Đá xây dựng	Đá mạt	m3			Công ty TNHH Khoáng sản Bản Cầm	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Bản Cầm, thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	145.455
	CÔNG TY TNHH QUANG HƯNG **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 20/2/2027; Chứng nhận hợp chuẩn (05/12/2024 - 20/02/2027)** **- Theo báo cáo ngày 16/6/2026 của Phòng Kinh tế xã Mường KHương**								
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (05/12/2024 - 20/02/2027)	Công ty TNHH Quang Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	245.455
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Quang Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	318.182
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Quang Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	290.909
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Quang Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	272.727
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH Quang Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	263.636
6	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (05/12/2024 - 20/02/2027)	Công ty TNHH Quang Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	263.636
7	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại II	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty TNHH Quang Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	195.455
8	Đá xây dựng	Đá mạt (bột đá)	m3			Công ty TNHH Quang Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	172.727
	CÔNG TY TNHH HƯNG PHÁT **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 13/7/2027; Chứng nhận hợp chuẩn (09/3/2026 - 13/7/2027);** **- Theo báo cáo ngày 16/6/2026 của Phòng Kinh tế xã Mường Khương**								

1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026)	Công ty TNHH Hưng Phát	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	245.455
2	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hưng Phát	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	318.182
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hưng Phát	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	290.909
4	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hưng Phát	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	272.727
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH Hưng Phát	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	263.636
6	Đá xây dựng	Đá mạt (bột đá)	m3			Công ty TNHH Hưng Phát	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	172.727
7	Đá xây dựng	Đá 3 (đá xô bồ)	m3			Công ty TNHH Hưng Phát	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	195.455
8	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I (Dmax=25mm)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026)	Công ty TNHH Hưng Phát	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	263.636
9	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại II (Dmax=37,5mm)	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty TNHH Hưng Phát	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ khai thác thuộc xã Mường Khương	195.455
	CÔNG TY TNHH MTV DUY HIẾU **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 19/01/2031; Chứng nhận hợp chuẩn (09/3/2026 - 08/3/2027)** **- Theo Bản kê khai giá số 01/KKG ngày 01/4/2026 của Công ty TNHH MTV Duy Hiếu**								
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026)	Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	210.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	290.000
3	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	260.000
4	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	240.000
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	210.000
6	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại I (Dmax=25mm)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (08/3/2025 - 07/3/2026)	Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	218.182
7	Đá xây dựng	Đá dăm cấp phối loại II (Dmax=37,5mm)	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	170.000
8	Đá xây dựng	Đá mạt	m3			Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại xã Xuân Hòa	140.000
	CÔNG TY TNHH MTV TRUNG ANH **- Giấy phép khai thác hiệu lực: 04/5/2031; Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)** **Theo thông tin từ Bản kê khai giá số 24/CV-TA ngày 04/6/2026 của CÔng ty TNHH MTV XD Trung Anh**								
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)	Công ty TNHH MTV Trung Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	210.000
2	Đá xây dựng	Đá 1x 2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Trung Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	290.000
3	Đá xây dựng	Đá 2 x3	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Trung Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	272.727
4	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Trung Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	260.000
5	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Trung Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	240.000
6	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH MTV Trung Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	210.000
7	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 1 (đá hỗn hợp không có đất)	m3	TCVN 8859: 2023	Chứng nhận hợp chuẩn (20/8/2024 - 19/8/2027)	Công ty TNHH MTV Trung Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	218.182
8	Đá xây dựng	Đá dăm CP loại 2 (đá hỗn hợp có đất)	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty TNHH MTV Trung Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	170.000
9	Đá xây dựng	Đá mạt	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty TNHH MTV Trung Anh	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Vinh 1, xã Võ Lao	163.636
	CÔNG TY TNHH ANH NGUYÊN **- Chứng nhận hợp chuẩn (04/5/2026-03/5/2029)** **- Theo thông tin từ Bản kê khai giá số 054/AN-KK ngày 06/5/2026 của Công ty TNHH Anh Nguyên (Giá bán áp dụng từ ngày 06/5/2026)**								

1	Đá xây dựng	Đá mạt	m3			Công ty TNHH Anh Nguyên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Hoàng Thu Phố A, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	172.727
2	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Anh Nguyên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Hoàng Thu Phố A, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	200.000
3	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Anh Nguyên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Hoàng Thu Phố A, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	345.455
4	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Anh Nguyên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Hoàng Thu Phố A, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	290.909
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH Anh Nguyên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Hoàng Thu Phố A, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	220.000
6	Đá xây dựng	CPDD loại 1	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty TNHH Anh Nguyên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Hoàng Thu Phố A, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	250.000
7	Đá xây dựng	CPDD loại 2	m3	TCVN 8859: 2023		Công ty TNHH Anh Nguyên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Hoàng Thu Phố A, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	195.455
8	Đá xây dựng	Đá xô bồ	m3			Công ty TNHH Anh Nguyên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Hoàng Thu Phố A, xã Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	118.182
	HTX MẠNH CHIẾN **- Chứng nhận hợp chuẩn (04/5/2026-03/5/2029)** **- Theo thông tin từ Bản kê khai giá số 060626/MC-KK ngày 06/6/2026 của HTX Mạnh Chiến (Giá bán áp dụng từ ngày 10/6/2026)**								
1	Đá xây dựng	Đá mạt	m3			HTX Mạnh Chiến	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Thôn Na Lo, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	172.727
2	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m3			HTX Mạnh Chiến	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Thôn Na Lo, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	200.000
3	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			HTX Mạnh Chiến	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Thôn Na Lo, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	318.182
4	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			HTX Mạnh Chiến	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Thôn Na Lo, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	309.091
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			HTX Mạnh Chiến	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Thôn Na Lo, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	218.182
6	Đá xây dựng	CPDD loại 1	m3			HTX Mạnh Chiến	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Thôn Na Lo, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	254.545
7	Đá xây dựng	CPDD loại 2	m3			HTX Mạnh Chiến	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Thôn Na Lo, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	200.000
8	Đá xây dựng	Đá xô bồ	m3			HTX Mạnh Chiến	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá Thôn Na Lo, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	136.364
	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÂN HOÀNG LONG **- Chứng nhận hợp chuẩn** **- Theo thông tin Bản Kê khai giá số 02/2026/CVG-THL ngày 15/3/2026 của Công tyTân Hoàng Long (mức giá áp dụng từ ngày 01/4/2026)**								

1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3			Công ty CP đầu tư Tân Hoàng Long	Việt Nam	mỏ đá Bản Cầm, Thôn Bản Cầm, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai	245.455
2	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty CP đầu tư Tân Hoàng Long	Việt Nam	mỏ đá Bản Cầm, Thôn Bản Cầm, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai	318.182
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Công ty CP đầu tư Tân Hoàng Long	Việt Nam	mỏ đá Bản Cầm, Thôn Bản Cầm, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai	290.909
4	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty CP đầu tư Tân Hoàng Long	Việt Nam	mỏ đá Bản Cầm, Thôn Bản Cầm, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai	263.636
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty CP đầu tư Tân Hoàng Long	Việt Nam	mỏ đá Bản Cầm, Thôn Bản Cầm, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai	195.455
6	Đá xây dựng	CPDD loại 1	m3			Công ty CP đầu tư Tân Hoàng Long	Việt Nam	mỏ đá Bản Cầm, Thôn Bản Cầm, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai	263.636
7	Đá xây dựng	CPDD loại 2	m3			Công ty CP đầu tư Tân Hoàng Long	Việt Nam	mỏ đá Bản Cầm, Thôn Bản Cầm, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai	172.727
8	Đá xây dựng	Đá xô bồ	m3			Công ty CP đầu tư Tân Hoàng Long	Việt Nam	mỏ đá Bản Cầm, Thôn Bản Cầm, xã Phong Hải, tỉnh Lào Cai	225.455
	CÔNG TY TNHH XLCT HỒNG TOÀN **- Chứng nhận hợp chuẩn (18/12/2025 - 17/12/2028)** **- Chính sách ưu đãi về giá cho những khách hàng lớn, khách hàng truyền thống của doanh nghiệp, Mức giá bán sẽ thấp hơn so với giá niêm yết trên 5,000đ/m3 tùy vào từng loại sản phẩm)** **- Theo thông tin Bản Kê khai giá số 15/KKG-HT ngày 08/3/2026 của Công ty Hồng Toàn**								
1	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH XLCT Hồng Toàn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	245.455
2	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH XLCT Hồng Toàn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	318.182
3	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH XLCT Hồng Toàn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	290.909
4	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH XLCT Hồng Toàn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	272.727
5	Đá xây dựng	Đá hộc	m3			Công ty TNHH XLCT Hồng Toàn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636
6	Đá xây dựng	CPDD loại 1	m3			Công ty TNHH XLCT Hồng Toàn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	263.636
7	Đá xây dựng	CPDD loại 2	m3			Công ty TNHH XLCT Hồng Toàn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	195.455
8	Đá xây dựng	Đá mạt	m3			Công ty TNHH XLCT Hồng Toàn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	172.727
9	Đá xây dựng	Đá xô bồ (Đá sau nổ mìn)	m3			Công ty TNHH XLCT Hồng Toàn	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Phong Hải	225.455
III	**XI MĂNG**								
	CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH **Số điện thoại liên hệ: 02163.852.630** **Thông tin về đại lý: Số nhà 349 đường Nguyễn Thái Học, tổ dân phố số 15, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai**								
1	Xi măng	Xi măng CHINFON PCB30	kg	PCB30		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.831
2	Xi măng	Xi măng CHIINFON PCB40	kg	PCB40		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.859
3	Xi măng	Xi măng NORCEM PCB30	kg	PCB30	Vỏ 3 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.287
4	Xi măng	Xi măng NORCEM PCB40	kg	PCB40	Vỏ 3 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.379
5	Xi măng	Xi măng Yên Bái PCB30	kg	PCB30	Vỏ 2 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.285
6	Xi măng	Xi măng Yên Bái PCB30	kg	PCB30	Vỏ 3 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.300
7	Xi măng	Xi măng Yên Bái PCB40	kg	PCB40	Vỏ 2 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.385
8	Xi măng	Xi măng Yên Bái PCB40	kg	PCB40	Vỏ 3 lớp	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.400
9	Xi măng	Xi măng trắng	kg			CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	5.093
	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN MINH LONG **(Theo Bản kê khai giá số T13.3/2026 ngày 13/3/2026 của Công ty TNHH ĐT&PT Minh Long)**								

1	Xi măng	Xi măng Hoàng Long	Tấn	PCB30	PCB30		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.287.037
2	Xi măng	Xi măng Hoàng Long	Tấn	PCB40	PCB40		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.379.630
3	Xi măng	Xi măng Hà Trung	Tấn	PCB30	PCB30		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.296.296
4	Xi măng	Xi măng Hà Trung	Tấn	PCB40	PCB40		Việt nam	Giá bán tại kho trên phương tiện bên mua (Địa chỉ kho: Số 386 đường Bình Minh, Phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai)	1.388.889
	CÔNG TY TNHH XD&TM THÁI BÌNH MINH (Theo văn bản kê khai giá số 01/TBM-BG ngày 23/03/2026 và số 02/TBM-BG ngày 22/6/2026)								
	Giá bán lẻ áp dụng từ ngày 23/03/2026 đến hết ngày 21/6/2026								
1	Xi măng	Xi măng Tân Quang	Kg	PCB 30	PCB 30	Công ty CP xi măng Tân Quang	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.185
2	Xi măng	Xi măng Tân Quang	Kg	PCB 40	PCB 40	Công ty CP xi măng Tân Quang	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.278
3	Xi măng	Xi măng Yên Bái	Kg	PCB 30	PCB 30	Công ty CP Xi măng và khoáng sản Yên Bái	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.093
4	Xi măng	Xi măng Yên Bái	Kg	PCB 40	PCB 40	Công ty CP Xi măng và khoáng sản Yên Bái	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.185
5	Xi măng	XM Hải Phòng	Kg	PCB 30	PCB 30	Công ty TNHH MTV xi măng vicem Hải Phòng	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.546
6	Xi măng	XM Hải Phòng	Kg	PCB40	PCB40	Công ty TNHH MTV xi măng vicem Hải Phòng	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.565
7	Xi măng	Xi măng Bút Sơn	Kg	PCB 30		Công ty cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.528
8	Xi măng	Xi măng Bút Sơn	Kg	PCB 40		Công ty cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.546
9	Xi măng	Xi măng Yên Bình	Kg	PCB 30	PCB 30	Công ty CP xi măng Yên Bình	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.185
10	Xi măng	Xi măng Yên Bình	Kg	PCB 40	PCB 40	Công ty CP xi măng Yên Bình	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.278

11	Xi măng	Xi măng Mai Sơn	Kg	PCB 30		Công ty cổ phần xi măng Mai Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.130
12	Xi măng	Xi măng Mai Sơn	Kg	PCB 40		Công ty cổ phần xi măng Mai Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.222
13	Xi măng	Xi măng Miền Bắc	Kg	PCB 30		Công ty CP kinh doanh xi măng Miền Bắc	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.111
14	Xi măng	Xi măng Miền Bắc	Kg	PCB 40		Công ty CP kinh doanh xi măng Miền Bắc	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.204
	Giá bán lẻ áp dụng từ ngày 22/6/2026								
1	Xi măng	Xi măng Tân Quang	Kg	PCB 30	PCB 30	Công ty CP xi măng Tân Quang	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.157
2	Xi măng	Xi măng Tân Quang	Kg	PCB 40	PCB 40	Công ty CP xi măng Tân Quang	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.250
3	Xi măng	Xi măng Yên Bái	Kg	PCB 30	PCB 30	Công ty CP Xi măng và khoáng sản Yên Bái	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.074
4	Xi măng	Xi măng Yên Bái	Kg	PCB 40	PCB 40	Công ty CP Xi măng và khoáng sản Yên Bái	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.167
5	Xi măng	XM Hải Phòng	Kg	PCB 30	PCB 30	Công ty TNHH MTV xi măng vicem Hải Phòng	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.417
6	Xi măng	XM Hải Phòng	Kg	PCB40	PCB40	Công ty TNHH MTV xi măng vicem Hải Phòng	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.435
7	Xi măng	Xi măng Bút Sơn	Kg	PCB 30		Công ty cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.398
8	Xi măng	Xi măng Bút Sơn	Kg	PCB 40		Công ty cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.417
9	Xi măng	Xi măng Yên Bình	Kg	PCB 30	PCB 30	Công ty CP xi măng Yên Bình	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.111
10	Xi măng	Xi măng Yên Bình	Kg	PCB 40	PCB 40	Công ty CP xi măng Yên Bình	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.204

11	Xi măng	Xi măng Mai Sơn	Kg	PCB 30		Công ty cổ phần xi măng Mai Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.111
12	Xi măng	Xi măng Mai Sơn	Kg	PCB 40		Công ty cổ phần xi măng Mai Sơn	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.204
13	Xi măng	Xi măng Miền Bắc	Kg	PCB 30		Công ty CP kinh doanh xi măng Miền Bắc	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.111
14	Xi măng	Xi măng Miền Bắc	Kg	PCB 40		Công ty CP kinh doanh xi măng Miền Bắc	Việt nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty, địa chỉ: (1) Lô 02 Đường Trần Hưng Đạo (Phường Cam Đường); (2) Lô F7 KCN Đông Phố Mới - Phường Lào Cai.	1.204
IV	**THÉP XÂY DỰNG**								
	CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH **Số điện thoại liên hệ: 02163.852.630** **Thông tin về đại lý: Số nhà 349 đường Nguyễn Thái Học, tổ dân phố số 15, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai**								
1	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ6 +Φ8	kg	CT240-T	Φ6 +Φ8	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	15.363
2	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Φ8 Gai	kg	CB300 - V	Φ8 Gai	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	15.463
3	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ10 Gai 11,7m	kg	Gr40	Φ10 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.903
4	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ10 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ10 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.903
5	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ10 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ10 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	18.103
6	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ12 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ12 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.373
7	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ12 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ12 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.573
8	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ14 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ14 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.373
9	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ14 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ14 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.573
10	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ16 Gai 11,7m	kg	Gr40	Φ16 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.373
11	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ16 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ16 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.373
12	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ16 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ16 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.573
13	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ18 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ18 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.373
14	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ18 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ18 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.573
15	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ20 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ20 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.673
16	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ20 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ20 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.873
17	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ22 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ22 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.973
18	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ22 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ22 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	18.173
19	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ25 Gai 11,7m	kg	CB300-V	Φ25 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.973
20	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ25 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ25 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	18.173
21	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ28 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ28 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	18.173
22	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép Φ32 Gai 11,7m	kg	CB400-V	Φ32 Gai 11,7m	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	18.173
23	Thép xây dựng	Thép buộc 1ly đa hội	kg	không có thông tin		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	22.472
24	Thép xây dựng	Thép Hòa Phát: Thép buộc 1ly	kg	Hòa Phát		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	23.200
25	Thép xây dựng	Đinh 5 phân	kg	Việt Nhật		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	20.909
26	Thép xây dựng	Đinh 7 phân	kg	Việt Nhật		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.909
27	Thép xây dựng	Thép góc: Góc 30x30 ĐH	kg	Gia công	30x30 ĐH	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	18.544
28	Thép xây dựng	Thép góc: Góc 40+50+63 ĐH	kg	Gia công	40+50+63 ĐH	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	18.031
29	Thép xây dựng	Thép góc: Góc 70+75 ĐH	kg	Gia công	70+75 ĐH	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.570
30	Thép xây dựng	Thép góc: 40+50+63+75 An Khánh	kg	TCVN197;TCVN198 (JISZ2241;JIS Z2248)	50+63+75 An Khánh	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	20.918
31	Thép xây dựng	Thép U+1: U50,65 Đúc	kg	TCVN197;TCVN198 (JISZ2241;JIS Z2248)	U50,65 An Khánh	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.926
32	Thép xây dựng	Thép U+1: U80-100	kg	TCVN197;TCVN198 (JISZ2241;JIS Z2248)	U80-100 An Khánh	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	18.934
33	Thép xây dựng	Thép U+1: U120-140	kg	TCVN197;TCVN198 (JISZ2241;JIS Z2248)	U120-140 An Khánh	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.926

34	Thép xây dựng	Thép U+1: I100,120	kg	TCVN197;TCVN198 (JISZ2241;JIS Z2248)	I100,120 An Khánh	CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.430
35	Thép xây dựng	Thép U+1: U Dập các loại từ 2,5-2,8	kg	Gia công		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.943
36	Thép xây dựng	Thép U+1: U dập các loại từ 3,0- 3,5	kg	Gia công		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	18.439
37	Thép xây dựng	Thép Hộp + Ống: Thép hộp đen, ống đen từ 0,8 đến 1,8 ly	kg	TCCS03:2012		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	16.818
38	Thép xây dựng	Thép Hộp + Ống: Hộp mạ kẽm, ống mạ kẽm từ 0,8 đến 1,8 ly	kg	TCCS03:2012		CT TNHH Hòa Bình	Việt Nam	Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.272
	CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN (Theo thông tin tại văn bản số 504/GTTN-TT ngày 23/6/2026 của Công ty CP Gang thép Thái Nguyên)								
	THÉP CỐT BÊ TÔNG								
	Giá bán từ ngày 23/03/2026 đến hết ngày 03/6/2026								
1	Thép xây dựng	Thép trơn CT3, CB240-T d6-T,d8-T cuộn	Kg	TCVN 1651 -1:2018	Cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.150
2	Thép xây dựng	Thép vằn SD295A, CB300-V D8 cuộn	Kg	JIS G 3112-2020, TCVN 1651-2	Cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.150
3	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300, Gr40 d10	Kg	TCVN 1651 -2:2018 Việt Nam; A	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.800
4	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300-V d12	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.600
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300-V d14	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.550
6	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Gr40 d16	Kg	TCVN 1651 -2:2018 Việt Nam; A	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.550
7	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Gr40, CB300-V d18 ÷ D40	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.550
8	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d10	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	16.100
9	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d12	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.900
10	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d14 ÷ D40, CB300-V D16	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.850
	Giá bán từ ngày 04/6/2026 đến hết ngày 16/6/2026								
1	Thép xây dựng	Thép trơn CT3, CB240-T d6-T,d8-T cuộn	Kg	TCVN 1651 -1:2018	Cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.850
2	Thép xây dựng	Thép vằn SD295A, CB300-V D8 cuộn	Kg	JIS G 3112-2020, TCVN 1651-2	Cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.850
3	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300, Gr40 d10	Kg	TCVN 1651 -2:2018 Việt Nam; A	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.500
4	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300-V d12	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.300
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300-V d14	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
6	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Gr40 d16	Kg	TCVN 1651 -2:2018 Việt Nam; A	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
7	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Gr40, CB300-V d18 ÷ D40	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
8	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d10	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.800
9	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d12	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.600
10	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d14 ÷ D40, CB300-V D16	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.550
	Giá bán từ ngày 17/6/2026 trở đi								

1	Thép xây dựng	Thép trơn CT3, CB240-T d6-T,d8-T cuộn	Kg	TCVN 1651 -1:2018	Cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.850
2	Thép xây dựng	Thép vằn SD295A, CB300-V D8 cuộn	Kg	JIS G 3112-2020, TCVN 1651-2	Cuộn	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	14.850
3	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300, Gr40 d10	Kg	TCVN 1651 -2:2018 Việt Nam; A	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.500
4	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300-V d12	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.300
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB300-V d14	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
6	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Gr40 d16	Kg	TCVN 1651 -2:2018 Việt Nam; A	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
7	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Gr40, CB300-V d18 ÷ D40	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.250
8	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d10	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.600
9	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d12	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.400
10	Thép xây dựng	Thép thanh vằn CB400-V, CB500-V d14 ÷ D40, CB300-V D16	Kg	TCVN 1651 -2:2018	L=11,7m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt nam	Trên phương tiện bên mua tại kho của bên bán (tỉnh Thái Nguyên)	15.350
	Công ty TNHH NATSTEELVINA (Nhà máy thép Việt - Sing - Tổ 13 - Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên)								
	Giá bán trong tháng 4/2026								
1	Thép xây dựng	Thép cuộn tròn trơn d6 CB240-T	Kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.970
2	Thép xây dựng	Thép cuộn tròn trơn d8 CB240-T	Kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.970
3	Thép xây dựng	Thép cuộn vằn d8 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép cuộn	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.970
4	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d9 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.420
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.420
6	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
7	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
8	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
9	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
10	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
11	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
12	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
13	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.720
14	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.520
15	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.520
16	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.520
17	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.520

18	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.520
19	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.520
20	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.520
21	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d28 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.520
22	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d32 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.520
23	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.820
24	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.620
25	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.620
26	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.620
27	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.620
28	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.620
29	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.620
30	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.620
31	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d28 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.620
32	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d32 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.620
	Giá bán trong tháng 5/2026								
1	Thép xây dựng	Thép cuộn tròn trơn d6 CB240-T	Kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
2	Thép xây dựng	Thép cuộn tròn trơn d8 CB240-T	Kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
3	Thép xây dựng	Thép cuộn vằn d8 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép cuộn	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.670
4	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d9 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.120
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.120
6	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
7	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
8	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
9	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
10	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
11	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
12	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
13	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.420

14	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
15	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
16	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
17	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
18	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
19	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
20	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
21	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d28 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
22	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d32 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
23	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.520
24	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.320
25	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.320
26	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.320
27	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.320
28	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.320
29	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.320
30	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.320
31	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d28 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.320
32	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d32 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.320
	Giá bán trong tháng 6/2026								
1	Thép xây dựng	Thép cuộn tròn trơn d6 CB240-T	Kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.370
2	Thép xây dựng	Thép cuộn tròn trơn d8 CB240-T	Kg	TCVN 1651-1:2018	Thép cuộn	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.370
3	Thép xây dựng	Thép cuộn vằn d8 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép cuộn	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.370
4	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d9 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.820
5	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.820
6	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.620
7	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.620
8	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.620
9	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.620

10	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.620
11	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.620
12	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB300-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.620
13	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.120
14	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
15	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
16	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
17	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
18	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
19	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
20	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
21	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d28 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
22	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d32 CB400-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	15.920
23	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d10 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.220
24	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d12 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.020
25	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d14 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.020
26	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d16 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.020
27	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d18 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.020
28	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d20 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.020
29	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d22 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.020
30	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d25 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.020
31	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d28 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.020
32	Thép xây dựng	Thép thanh vằn d32 CB500-V	Kg	TCVN 1651-2:2018	Thép thanh 11.7m	Thép Việt - Sing (Công ty TNHH NatSteelVina)	Việt Nam	Giá bán tại phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trên phương tiện bên mua	16.020
V	**GẠCH XÂY DỰNG**								
	CÔNG TY CPSX -XNK PHÚ HƯNG **- Theo Báo cáo số 404/BC-UBND của xã Bát Xát ngày 22/6/2026 và Bản kê khai giá số 2106/2026/KG-PH của công ty ngày 21/6/2026** **- Địa chỉ công ty: Số 002A, đường Hàm Nghi, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai** **- Điện thoại: 0984 202 894**								
1	Gạch xây	Gạch nung rỗng 53-2T-20-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x53	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thôn Hải Khê, xã Bát Xát	1.065
2	Gạch xây	Gạch nung đặc 53-M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x53	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thôn Hải Khê, xã Bát Xát	1.250
3	Gạch xây	Gạch nung đặc 50-M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 200x90x50	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thôn Hải Khê, xã Bát Xát	1.111

4	Gạch xây	Gạch nung rỗng 48-2T-15-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 196x88x48	Công ty CPSX - XNK Phú Hưng	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thôn Hải Khê, xã Bát Xát	926
	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VLXD GỐM TÂN AN(Theo báo cáo số 654/UBND-KT của Phòng Kinh tế xã Bảo Hà ngày 19/6/2026) **- Giấy phép khai thác mỏ sét đến 16/10/2027; Thông báo hợp quy hạn đến 23/6/2027** **- Điện thoại: 097 4191977**								
1	Gạch xây	Gạch rỗng 60 - 2T- M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT (220*105*60mm)	Công ty cổ phần sản xuất VLXD gốm Tân An	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bảo Hà	1.204
2	Gạch xây	Gạch đặc 60 - M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT (220*105*60mm)	Công ty cổ phần sản xuất VLXD gốm Tân An	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại nhà máy thuộc xã Bảo Hà	1.481
	CÔNG TY CP SX VÀ XD TIẾN THÀNH **- Địa chỉ công ty: Số nhà 202, Đường Điện Biên, Phường Lào Cai** **- Điện thoại: 0984 202 894** **- Văn bản báo giá số 01/2026 ngày 12/03/2026 và số 02/2026 ngày 15/03/2026 của Công ty CP SX và XD Tiến Thành**								
1	Gạch xây	Gạch bê tông (loại đặc)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác 10,0MPA; KT (220 x 105 x 60) mm	Công ty CP SXD và XD Tiến Thành	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	1.600
2	Gạch xây	Gạch bê tông (loại đặc)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác 10,0MPA; KT (210 x 105 x 60) mm	Công ty CP SXD và XD Tiến Thành	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	1.600
3	Gạch xây	Gạch bê tông (loại hai lỗ rỗng)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác ≥ 7,5; KT (220 x 105 x 60) mm	Công ty CP SXD và XD Tiến Thành	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	1.600
4	Gạch xây	Gạch Terazo ngoại thất (gạch giả đá vuông)	viên	TCVN 7744: 2013	KT: (40 x 40 x 5) cm	Công ty CP SXD và XD Tiến Thành	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	22.400
5	Gạch xây	Gạch Terazo ngoại thất	viên	TCVN 7744:2013	KT: (40 x 40 x 3) cm	Công ty CP SXD và XD Tiến Thành	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	20.800
6	Gạch xây	Gạch Terazo ngoại thất	viên	TCVN: 7744:2013	KT: (40 x 40 x 5) cm	Công ty CP SXD và XD Tiến Thành	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	25.600
7	Gạch tự chèn	Gạch lục lăng nhiều màu hoa văn chìm (23v/m2);	viên	TCVN 6476: 1999	220x250x60mm	Công ty CP SXD và XD Tiến Thành	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho công ty thuộc phường Lào cai (địa chỉ: Lô 17, đường A4, KCN Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai)	6.522
	CÔNG TY CỔ PHẦN TM&XD DUYÊN HẢI **- Địa chỉ công ty: Lô 18, đường Thủ Dầu Một khu tiểu thủ CN Bắc Duyên Hải , phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai** **- Điện thoại: 0982 661 666** **- Giấy chứng nhận hợp quy số 131//QĐ-TTGĐ ngày 19/6/2024 của TTGĐCLXD tỉnh Lào Cai, có hiệu lực đến 18/6/2027** **- Theo báo cáo số 60/BC-PKT ngày 20/6/2026 của Phòng Kinh tế xã Gia Phú và Đề nghị của Công ty Duyên Hải tại văn bản số 58/BTDH-PL ngày 25/06/2026**								
1	Gạch xây	Gạch bê tông (loại đặc)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác 10,0MPA; KT (220 x 105 x 60) mm			Giá bán trên phương tiện bên mua tại Thôn Mường 1, xã Gia Phú	1.343
2	Gạch xây	Gạch bê tông (loại hai lỗ rỗng)	viên	QCVN 16:2023/BXD	Mác 7,5MPA; KT (220 x 105 x 60) mm			Giá bán trên phương tiện bên mua tại Thôn Mường 1, xã Gia Phú	1.296
	CÔNG TY CỔ PHẦN TM THÀNH CÔNG **- Điện thoại: 0973 453 538** **- Thông báo tiếp nhận hợp quy số 30/TB-SXD ngày 14/02/2025, hạn đến ngày 27/12/2027.** **- Theo báo cáo số 60/BC-PKT ngày 20/6/2026 của Phòng Kinh tế xã Gia Phú và Bản kê khai giá số 16,04/2026/CV-TC ngày 16/4/2026 của Công ty CPTM Thành Công**								

1	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, đặc 50-M100	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x90x50mm, Mác 100			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.528
2	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, rỗng 55-2T-20-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x55mm, 2 lỗ tròn, độ rỗng 20%, Mác 75			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.343
3	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, rỗng 55-2T-35-M50	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 205x95x55mm, 2 lỗ tròn, độ rỗng 35%, Mác 50			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.204
4	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, rỗng 60-2T-30-M50	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 220x105x60mm, 2 lỗ tròn, độ rỗng 30%, Mác 50			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.528
5	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, rỗng 60-2T-20-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 220x105x60mm, 2 lỗ tròn, độ rỗng 20%, Mác 75			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.806
	CÔNG TY CỔ PHẦN TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRUNG KIÊN - CN TỈNH LÀO CAI **- Địa chỉ công ty:** **- Điện thoại: 0963618045** **- Thông báo tiếp nhận hợp quy số 95/TB-SXD ngày 21/5/2025, hạn đến ngày 19/03/2026** **- Theo báo cáo số 60/BC-PKT ngày 20/6/2026 của Phòng Kinh tế xã Gia Phú**								
1	Gạch đất sét nung	Gạch đất sét nung, rỗng 55-2T-20-M75	viên	QCVN 16:2023/BXD	KT 210x95x55mm, 2 lỗ tròn, độ rỗng 20%, Mác 75			Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Tân Tiến, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.111
	CÔNG TY TNHH LÂM HOÀNG LỤC YÊN (Văn bản số 1300/UBND-PKT ngày 18/6/2026 của UBND xã Lục Yên) **Địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn 13, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại liên hệ: 0818334999** **Thông tin về đại lý (Địa chỉ, SĐT): Công ty TNHH Lâm Hoàng Lục Yên** **Giấy chứng nhận chất lượng: ngày 12/8/2025; Giấy chứng nhận hợp quy số 0197/2025/QĐ-QUASTA-CE; Thông báo tiếp nhận hợp quy: số 019.25.00 cho sản phẩm gạch**								
1	Gạch xây	Gạch bê tông đặc M100	Viên	QCVN 16/2023/BXD	22x10,5x 6,5	Công ty TNHH Lâm Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại nơi sản xuất Thôn 13, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	1.389
2	Gạch xây	Gạch bê tông rỗng M75	Viên	QCVN 16/2023/BXD	22x10,5x 6,5	Công ty TNHH Lâm Hoàng Lục Yên	Việt Nam	Giá bán tại nơi sản xuất Thôn 13, xã Lục Yên, tỉnh Lào Cai	1.343
	HỢP TÁC XÃ TAM HỒNG (Báo cáo số 726/BC-UBND ngày 12/6/2026 của UBND xã Nghĩa Tâm) **Địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Tho, xã Nghĩa Tâm** **Số điện thoại liên hệ: 0979.909809** **Giấy chứng nhận chất lượng: Số 032/2025/QĐ-QUASTA-CE ngày 15/3/2025 có giá trị đến ngày 14/3/2028; Giấy chứng nhận hợp quy: Số 004.25.00 có giá trị đến ngày 14/3/2028.**								
1	Gạch xây	Gạch đặc	Viên	M100	65x105x22	HTX Tam Hồng	Việt Nam	Giá bán tại xưởng	1.300
2	Gạch xây	Gạch lỗ	Viên	M75	65x105x22	HTX Tam Hồng	Việt Nam	Giá bán tại xưởng	1.200
	CÔNG TY TNHH VLXD HÙNG HƯỜNG (Văn bản số 327/KTHTĐT ngày 16/6/2026 của Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị Phường Yên Bái và Công văn số 02/2026/CV-HH ngày 14/5/2026 của Công ty TNHH VLXD Hùng Hường) **Địa chỉ nơi khai thác hoặc địa chỉ nhà máy sản xuất: Tổ dân phố Yên Ninh 14 phường Yên Bái tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại liên hệ: 0979.501.780** **Giấy phép khai thác còn hiệu lực: Số 49/GP-UBND do UBND tỉnh Yên Bái ký ngày 13/01/2026 có thời hạn đến 17/01/2030;** **Giấy chứng nhận hợp quy số 018,23,01 doTrung tâm ứng dụng Tiêu chuẩn chất lượng cấp, có giá trị từ 16/3/2026 đến 15/3/2029;** **Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 200/TB-SXD do Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai ký ngày 16/4/2026**								
1	Gạch xây dựng	Gạch bê tông rỗng 2 lỗ tròn M7,5	Viên	TCVN 6477:2016	250x130x90	Cty TNHH VLXD Hùng Hường	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn phường Yên Bái	2.700
2	Gạch xây dựng	Gạch bê tông đặc M100	Viên	TCVN 6477:2016	220x105x65	Cty TNHH VLXD Hùng Hường	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn phường Yên Bái	1.350
3	Gạch xây dựng	Gạch rỗng bê tông M75	Viên	TCVN 6477:2016	220x105x65	Cty TNHH VLXD Hùng Hường	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn phường Yên Bái	1.290
VI	**NHÓM SẢN PHẨM GỖ, CỬA GỖ CÁC LOẠI**								
	Theo thông tin của UBND xã Bảo Hà tại văn bản số 654/UBND-KT ngày 19/06/2026								
		Gỗ cốp pha nhóm 7,8	m3					Giá bán tại xưởng	2.800.000

PHỤ LỤC II

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ II NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(VẬT TƯ NGÀNH ĐIỆN, VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC)

(Kèm theo Văn bản số 4079/SXD-QLHĐXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai)

STT	Nhóm vật liệu (*)	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển(*)	Giá bán (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
I	**VẬT TƯ NGÀNH ĐIỆN**								
	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC **Địa chỉ: Số 30 khu C, khu đấu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội** **Số điện thoại: 0868496188** **Địa chỉ nhà máy: QL3, xóm Đoàn Kết, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên**								
	Đèn LED chiếu sáng (Chíp Led: Epistar, Cree, Osram, Bridgelux, Nichia, Luxeon 3030, Citizen, Lumiled Philips; Nguồn LED (Driver): Philips, Osram, Meanwell, DONE, Inventronic)								
1	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố EPSILON-100W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.286.000
2	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố NUY-100W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.100.000
3	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố NUY-150W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.320.000
4	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố UPSILON-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.990.000
5	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố IOTA-100W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.608.000
6	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố IOTA-120W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.774.000

7	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.135.000
8	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.721.000
9	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố IOTA-180W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.982.000
10	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX-50W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.250.000
11	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX- 60W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.980.000
12	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX- 80W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.484.000
13	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX-100W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.377.000

14	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX -100W DIM DALI	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.385.000
15	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX-120W DIM DALI	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.952.000
16	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX-150W DIM DALI	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.385.000
17	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố AWINMAX-160W DIM DALI	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.797.000
18	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố BWIN-100W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.710.000
19	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố BWIN-120W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.160.000
20	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố CWIN -150W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.510.000

21	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố DWIN -150W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.010.000
22	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-50W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.015.000
23	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-80W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.955.000
24	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.641.000
25	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.345.000
26	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.936.000
27	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.510.000

28	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.239.000
29	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-50W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.817.200
30	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-70W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.980.000
31	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-75W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.390.000
32	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-90W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.121.000
33	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-100W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.177.000
34	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-100W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.585.000

35	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-120W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.774.000
36	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.258.000
37	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-150W	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.235.000
38	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.721.000
39	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PI-160W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.797.000
40	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PHI-100W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.328.000
41	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PHI-120W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.850.000

42	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố PHI-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.018.000
43	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố CHI-80W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.070.000
44	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố CHI-100W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.536.000
45	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố CHI-120W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.050.000
46	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố CHI-150W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.881.000
47	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố CHI-180W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.280.000
48	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố CHI-200W, DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.480.000

49	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố ALUMOS-150W DIM	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.190.000
50	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời ALPHA-100W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.540.000
51	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-50W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.860.000
52	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-60W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.150.000
53	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời GAMMA-75W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.440.000
54	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời SIGMA-80W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.880.000
55	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-160W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.430.000

56	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-180W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	14.650.000
57	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời MOMO-120W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.120.000
58	Vật tư nghành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời NANO-150W NLMT	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.230.000
59	Vật tư nghành điện	Đèn pha LED MB05-200w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.297.000
60	Vật tư nghành điện	Đèn pha LED MB02-250w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.395.000
61	Vật tư nghành điện	Đèn pha LED MB02-300w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.795.000
62	Vật tư nghành điện	Đèn pha LED MB02- 400w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.155.000

63	Vật tư nghành điện	Đèn pha LED MB02-500w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.995.000
64	Vật tư nghành điện	Đèn pha LED MB03-600w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.952.000
65	Vật tư nghành điện	Đèn pha LED MB04-800w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	14.167.800
66	Vật tư nghành điện	Đèn pha LED MB07-1000w	Cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017) và TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3-2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ nhôm/hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	16.667.800
Khung móng									
67	Vật tư nghành điện	M16x240x240x500-4T (chiều dài 550)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	300.000
68	Vật tư nghành điện	M16x260x260x500-4T (chiều dài 550)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	325.000
69	Vật tư nghành điện	M16x340x340x500-4T (chiều dài 550)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	343.000
70	Vật tư nghành điện	M24x300x300x675-4T (chiều dài 750)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	500.000
71	Vật tư nghành điện	M24x400x1200-8T (chiều dài 1350) thép C45, lắp cột 13-16m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.985.000
72	Vật tư nghành điện	M24x450x1350-8T (chiều dài 1500) thép C45, lắp cột 17-18m không nâng hạ	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.480.000
73	Vật tư nghành điện	M30x800x1750-18T (chiều dài 1750) thép C45, 2 tầng đĩa định vị lắp cột nâng hạ 17-25m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.860.000

74	Vật tư nghành điện	M30x900x1750-20T (chiều dài 1750) thép C45, 2 tầng đĩa định vị lắp cột nâng hạ 30-35m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.850.000
Cột đèn sân vườn trang trí									
75	Vật tư nghành điện	Cột trang trí SV35 thân thép D141 LED 40W-50W-100W cao 3,5m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.115.000
76	Vật tư nghành điện	Cột trang trí SV35 thân thép D114 LED 40W-50W-100W cao 3,5m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.685.000
77	Vật tư nghành điện	Cột trang trí SV35 thân thép D168 LED 40W-50W-100W cao 3,5m	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.120.000
78	Vật tư nghành điện	Đế DP03	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.116.000
79	Vật tư nghành điện	Cột DP01 (lắp cho cột sân vườn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.147.000
80	Vật tư nghành điện	Cột củ tỏi DP04	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.905.000
81	Vật tư nghành điện	Cột sư tử DP02	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.699.000
82	Vật tư nghành điện	Đế cột PINE + Thân D108	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.900.000
83	Vật tư nghành điện	Đế cột DC06 + Thân D76	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.952.000
84	Vật tư nghành điện	Đế cột DC05 + Thân D108	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.794.000
85	Vật tư nghành điện	Cột DC01 (lắp cho cột thép)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.645.000
86	Vật tư nghành điện	Đế cột BANIAN + Thân D108	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.534.000

87	Vật tư nghành điện	Đế cột NOUVO + Thân D108	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.689.000
88	Vật tư nghành điện	Đế cột DC02 + Thân D76	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.513.000
Chùm đèn cột sân vườn									
89	Vật tư nghành điện	Chùm CH02 (4+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.178.000
90	Vật tư nghành điện	Chùm CH02 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.026.000
91	Vật tư nghành điện	Chùm CH04 (4+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.758.000
92	Vật tư nghành điện	Chùm CH04 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.524.000
93	Vật tư nghành điện	Chùm CH06 (4+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	972.000
94	Vật tư nghành điện	Chùm CH06 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	834.000
95	Vật tư nghành điện	Chùm CH07 (4+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.717.000
96	Vật tư nghành điện	Chùm CH07 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.386.000
97	Vật tư nghành điện	Chùm CH08 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.358.000
98	Vật tư nghành điện	Chùm CH11 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.717.000
99	Vật tư nghành điện	Chùm CH11 (4+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.993.000
100	Vật tư nghành điện	Chùm CH12 (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép/Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.593.900

101	Vật tư nghành điện	Đèn Jupiter	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Nhưa	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.731.000
102	Vật tư nghành điện	Cột Alequyn+Chùm Alequyn (3+1)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Nhôm	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.766.000
Cần đèn lắp vào thân cột thép - D78 mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123									
103	Vật tư nghành điện	Cần đơn MB01-D	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.157.000
104	Vật tư nghành điện	Cần kép MB01-K	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.595.000
105	Vật tư nghành điện	Cần đơn MB02-D	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	961.000
106	Vật tư nghành điện	Cần kép MB02-K	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.340.000
107	Vật tư nghành điện	Cần đơn MB06-D	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	686.000
108	Vật tư nghành điện	Cần kép MB06-K	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.013.000
109	Vật tư nghành điện	Cần đơn MB03-D	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.079.000
110	Vật tư nghành điện	Cần kép MB03-K	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.699.000
111	Vật tư nghành điện	Cần đơn MB04-D, MB05-D, MB07-D, MB08-D, MB09-D, MB10-D	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.378.000
112	Vật tư nghành điện	Cần kép MB04-K, MB05-K, MB07-K, MB08-K, MB09-K, MB10-K	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.617.000
Cột thép chiếu sáng - Liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123									
113	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=4m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.650.000
114	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=5m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.950.000

115	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.500.000
116	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.897.000
117	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.262.000
118	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.328.000
119	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.156.000
120	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.858.000
121	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.735.000
122	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.404.000
123	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.033.000
124	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.365.000
125	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.043.000
126	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=12m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.255.000
Thân cột thép chiếu sáng - D78 mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123									
127	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=3m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.550.000
128	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=4m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.700.000

129	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=5m, dày 3mm, bích đế 300x300	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.268.000
130	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=6m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.046.000
131	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.543.000
132	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=7m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.591.000
133	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.653.000
134	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=8m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.199.000
135	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 3,5mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.000.000
136	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=9m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.598.000
137	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=10m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.772.000
138	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=11m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.617.000
139	Vật tư nghành điện	Cột bát giác, tròn côn H=12m, dày 4mm, bích đế 400x400	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.179.000
Cột giàn đèn nâng hạ mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, nâng hạ tự động giàn đèn, kim thu sét thụ động D16, đèn báo không									
140	Vật tư nghành điện	Cột đèn nâng hạ 17m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	97.400.000
141	Vật tư nghành điện	Cột đèn nâng hạ 20m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	109.400.000
142	Vật tư nghành điện	Cột đèn nâng hạ 25m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	119.400.000

143	Vật tư nghành điện	Cột đèn nâng hạ 30m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	134.000.000
144	Vật tư nghành điện	Cột đèn nâng hạ 35m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	158.000.000
Cột đèn pha sân Golf mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123									
145	Vật tư nghành điện	Cột đa giác, tròn côn 13m (dày 4mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	16.500.000
146	Vật tư nghành điện	Cột đa giác, tròn côn 14m (dày 4mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	18.520.000
147	Vật tư nghành điện	Cột đa giác, tròn côn 15m (dày 4/5mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	23.530.000
148	Vật tư nghành điện	Cột đa giác, tròn côn 16m (dày 4/5mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	24.521.000
149	Vật tư nghành điện	Cột đa giác, tròn côn 17m (dày 5/6mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	27.520.000
150	Vật tư nghành điện	Cột đa giác, tròn côn 18m (dày 5/6mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	29.670.000
151	Vật tư nghành điện	Cột đa giác, tròn côn 19m (dày 5/6mm) bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	33.500.000
Nắp hố ga, song chắn rác bằng vật liệu Composite/Gang									
152	Vật tư nghành nước	Song chắn rác Composite, Gang 860x430mm + Khung 960x530mm tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.000.000
153	Vật tư nghành nước	Song chắn rác Composite, Gang 860x430mm + Khung 960x530mm tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.250.000
154	Vật tư nghành nước	Song chắn rác Composite, Gang 860x430mm + Khung 960x530mm tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.980.000
155	Vật tư nghành nước	Song chắn rác Composite , Gang 860x430mm tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.400.000
156	Vật tư nghành nước	Song chắn rác Composite , Gang 860x430mm tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.050.000

157	Vật tư nghành nước	Song chắn rác Composite , Gang 860x430mm tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.450.000
158	Vật tư nghành nước	Song chắn rác Composite, Gang 960x530mm tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.680.000
159	Vật tư nghành nước	Song chắn rác Composite, Gang 960x530mm tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.850.000
160	Vật tư nghành nước	Song chắn rác Composite, Gang 960x530mm tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.250.000
161	Vật tư nghành nước	Song chắn rác Composite 960x530mm tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.030.000
162	Vật tư nghành nước	Nắp hố ga Composite, Gang 850x850mm tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.100.000
163	Vật tư nghành nước	Nắp hố ga Composite, Gang 850x850mm tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.230.000
164	Vật tư nghành nước	Nắp hố ga Composite, Gang 850x850mm tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.980.000
165	Vật tư nghành nước	Nắp hố ga Composite, Gang 900x900mm D700 tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.700.000
166	Vật tư nghành nước	Nắp hố ga Composite, Gang 900x900mm D700 tải trọng 25 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.750.000
167	Vật tư nghành nước	Nắp hố ga Composite, Gang 900x900mm D700 tải trọng 40 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.250.000
168	Vật tư nghành nước	Nắp thăm thu kết hợp CPS KT 1660x950mm Tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-2:2015; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Gang/Composite	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.600.000
Cột đèn Tín hiệu giao thông									
169	Vật tư nghành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 6m dày 5mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.900.000
170	Vật tư nghành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 4m dày 5mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.300.000

171	Vật tư nghành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 3,3m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.600.000
172	Vật tư nghành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 6,2m dày 6mm, tay vươn vuông góc 5m + 2m dày 4mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	13.000.000
173	Vật tư nghành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 5,6m, tay vươn đơn 5m, dày 5mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.600.000
174	Vật tư nghành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 4,4m dày 3mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.670.000
175	Vật tư nghành điện	Thanh giá treo đèn thép mạ kẽm D60 dày 3mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	450.000
176	Vật tư nghành điện	Cột thép đa giác, tròn côn THGT H= 2,5m dày 3mm	Cái	TCCS 01:2025/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Thép	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.140.000
177	Vật tư nghành điện	Đèn cảnh báo tín hiệu giao thông màu vàng, màu đỏ, đi chậm SLOW D300 sử dụng năng lượng mặt trời (đã bao gồm pin năng lượng mặt trời, tủ điều khiển) hoặc điện áp (12V-24V-48V-220V)	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS/Thép/Hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.535.000
178	Vật tư nghành điện	Đèn tín hiệu giao thông 3 màu xanh, đỏ, vàng (72-125LED), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.056.000
179	Vật tư nghành điện	Đèn LED THGT 3 x D100	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.560.000
180	Vật tư nghành điện	Đèn LED THGT 3 x D200	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.060.000
181	Vật tư nghành điện	Đèn LED THGT 3 x D300 (128-168-216 LED)	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.970.000
182	Vật tư nghành điện	Đèn mũi tên chỉ hướng màu xanh D300, (125 LED)	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.900.000
183	Vật tư nghành điện	Đèn chữ thập D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.180.000
184	Vật tư nghành điện	Đèn LED chữ thập D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.620.000

185	Vật tư nghành điện	Đèn LED đếm ngược D300 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.835.000
186	Vật tư nghành điện	Đèn LED đếm ngược D400 (Led) vỏ hộp thép và tay đỡ	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS/Thép/Hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.295.000
187	Vật tư nghành điện	Đèn LED đếm ngược D600 (Led) vỏ hộp và tay đỡ thép sơn tĩnh điện	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS/Thép/Hợp kim	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.000.000
188	Vật tư nghành điện	Đèn LED đi bộ 2 x D300 (72/73 Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.900.000
189	Vật tư nghành điện	Đèn LED đi bộ D300 (48/48 Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Vỏ Nhựa ABS	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.950.000
190	Vật tư nghành điện	Trụ tủ điều khiển tín hiệu giao thông ổn áp 2000VA, UPS 1400VA, 1,2,3 pha (12V-24V-48V-220V) KT: 1000x600x400mm	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Huyndai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	52.500.000
191	Vật tư nghành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 50A (vỏ tủ 1200x600x400, tôn dày 1,2mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Huyndai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.350.000
192	Vật tư nghành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 63A (vỏ tủ 1200x600x400, tôn dày 1,2mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Huyndai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.950.000
193	Vật tư nghành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 100A (vỏ tủ 1200x600x400, tôn dày 1,2mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Huyndai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.950.000
194	Vật tư nghành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 50A (vỏ tủ 1200x600x350, tôn dày 1,5mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Huyndai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	11.350.000
195	Vật tư nghành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 63A (vỏ tủ 1200x600x350, tôn dày 1,5mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Huyndai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.950.000
196	Vật tư nghành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 100A (vỏ tủ 1200x600x350, tôn dày 1,5mm, thiết bị đóng cắt LS Hàn Quốc chính hãng) chưa bao gồm Công tơ điện lực cấp	Cái	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015	Chất liệu: vỏ tủ làm từ thép sơn tĩnh điện dày từ 0.8mm-2mm; Thiết bị đóng cắt LS hoặc Huyndai xuất xứ Hàn Quốc	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.950.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTO **Địa chỉ trụ sở: Tầng 4, Tòa nhà 29T1, Lô đất N05 khu đô thị Đông Nam, đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam** **Địa chỉ nhà máy sản xuất: Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam** **Số điện thoại: 024 3556 5727 - 0934500486**								
1	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 25	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 32mm, đường kính trong 25mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.200
2	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 30	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 40mm, đường kính trong 30mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	11.900
3	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 40	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 50mm, đường kính trong 40mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	17.100

4	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 50	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 65mm, đường kính trong 50mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	23.400
5	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 65	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 85mm, đường kính trong 65mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	34.000
6	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 72	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 95mm, đường kính trong 72mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	38.200
7	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 80	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 105mm, đường kính trong 80mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	44.200
8	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 90	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 110mm, đường kính trong 90mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	50.900
9	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 100	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 130mm, đường kính trong 100mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	62.500
10	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 125	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 160mm, đường kính trong 125mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	97.100
11	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 150	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 195mm, đường kính trong 150mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	132.600
12	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 160	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 205mm, đường kính trong 160mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	160.000
13	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 175	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 230mm, đường kính trong 175mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	197.800
14	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE Santo - ELP 200	m	TCVN8699:2011;TCVN7997:2009;KS C 8455:2005	Đường kính ngoài 260mm, đường kính trong 200mm	Công ty cổ phần Santo	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy sản xuất Khu công nghiệp Đồng Văn, phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	236.400
	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HUY BẢO **Địa chỉ nhà máy: Lô CN3.2C, khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.** **Số điện thoại: 0387908952 - 0387556886**								
1	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEx)	m	TCVN 8699:2011	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN32	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	15.000
2	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEx)	m	TCVN 8699:2012	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN40	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	21.000
3	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEx)	m	TCVN 8699:2013	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN50	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	29.000
4	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEx)	m	TCVN 8699:2014	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN95	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	65.000
5	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEx)	m	TCVN 8699:2015	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN125	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	121.000
6	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEx)	m	TCVN 8699:2016	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN150	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	165.000
7	Vật tư ngành điện	Ống nhựa HDPE xoắn (HDPEx)	m	TCVN 8699:2017	Dùng cho tuyến cáp ngầm DN200	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	290.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN WINCO VIỆT NAM **Địa chỉ công ty: Ô 12 TT3, Khu đô thị Văn Phú, phường Kiến Hưng, TP Hà Nội** **Số điện thoại: 0246.2934.886 - 0982.405.086**								
	CỘT THÉP LIỀN CẦN ĐƠN MẠ KẼM NHÚNG NÓNG								
1	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D130/58mm, H=6m tôn dày 3mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	2.656.000
2	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D140/58mm, H=7m tôn dày 3mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.120.000
3	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D150/58mm, H=8m tôn dày 3mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.616.000

4	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D151/58mm, H=8m tôn dày 3,5mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	4.065.000
5	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D161/58mm, H=9m tôn dày 3,5mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.056.000
6	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D171/58mm, H=10m tôn dày 3,5mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.600.000
7	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D182/58mm, H=11m tôn dày 4mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.247.500
8	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, D192/58mm, H=11m tôn dày 4mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.804.000
	CỘT THÉP ĐẦU NGỌN D78 MẠ KẼM NHÚNG NÓNG								
1	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 6m D150/78-3mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.010.000
2	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 7m D160/78-3mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.904.000
3	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 8m D171/78-3,5mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	4.992.000
4	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 9m D182/78-4mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.213.900
5	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 10m D192/78-4mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.046.550
6	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 11m D202/78-4mm	cột	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.906.500
	CẦN ĐÈN MẠ KẼM NHÚNG NÓNG								
1	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-01 cao 2m, vươn 1,5m, dày 3mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	1.280.000
2	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-01 cao 2m, vươn 1,5m, dày 3mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1996	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	1.840.000
3	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-04 cao 2m, vươn 1,5m, dày 3mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1997	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	1.328.000
4	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-04 cao 2m, vươn 1,5m, dày 3mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1998	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	1.700.000
5	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-05 cao 2m, vươn 1,5m, dày 3mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1999	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	1.120.000
6	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-05 cao 2m, vươn 1,5m, dày 3mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:2000	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	1.632.000
7	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-06 cao 2m, vươn 1,5m, dày 3mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:2001	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	768.000
8	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-06 cao 2m, vươn 1,5m, dày 3mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:2002	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	1.376.000
9	Vật tư ngành điện	Cần đèn Ngõ xóm lắp trên cột chữ H và bê tông ly tâm D60x3mm, cao 1,380mm, vươn 735mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:2003	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	1.200.000
10	Vật tư ngành điện	Cần đèn Ngõ xóm lắp trên cột chữ H và bê tông ly tâm D60x3mm, cao 1,800mm, vươn 1200mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:2004	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	1.376.000

11	Vật tư ngành điện	Cần đèn Ngõ xóm lắp trên cột chữ H và bê tông ly tâm D60x3mm, cao 2000mm, vươn 1500mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:2005	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	1.504.000
	CỘT THÉP TRÊN ĐẾ GANG CHƯA BAO GỒM CẦN								
1	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 8m ngọn D78-3.5	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	10.097.850
2	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 8m ngọn D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	10.829.700
3	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 9m ngọn D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	11.268.600
4	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 10m ngọn D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	11.853.450
5	Vật tư ngành điện	Đế gang DC05B cao 1,58m thân cột thép cao 8m ngọn D78-3.5	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	10.389.750
6	Vật tư ngành điện	Đế gang DC05B cao 1,58m thân cột thép cao 8m ngọn D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	11.121.600
7	Vật tư ngành điện	Đế gang DC05B cao 1,58m thân cột thép cao 9m ngọn D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	11.707.500
8	Vật tư ngành điện	Đế gang DC05B cao 1,58m thân cột thép cao 10m ngọn D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	12.146.400
9	Vật tư ngành điện	Đế gang sư tử cao 2,9m thân cột thép cao 9m ngọn D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	17.670.000
10	Vật tư ngành điện	Đế gang sư tử cao 2,9m thân cột thép cao 10m ngọn D78-4.0	bộ	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Gang, thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	19.800.000
	CỘT ĐA GIÁC MẠ KẼM NHÚNG NÓNG								
1	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 14m-130-5mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	19.636.000
2	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 17m-150-5mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	25.905.000
3	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 20m-180-5mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	35.175.000
4	Vật tư ngành điện	Lọng bắt pha không đèn 8 cạnh	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.750.000
5	Vật tư ngành điện	Cột đa giác nâng hạ 20m- ngọn D260/600-5/5mm, bắt 8-16 đèn	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	145.000.000
6	Vật tư ngành điện	Cột đa giác nâng hạ 25m- ngọn D260/600-5/6/6mm, bắt 8-16 đèn	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	185.000.000
7	Vật tư ngành điện	Cột đa giác nâng hạ 30m- ngọn D260/673-5/6/8mm, bắt 8-16 đèn	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	225.000.000
8	Vật tư ngành điện	Cột đa giác nâng hạ 35m- ngọn D260/728-6/6/8/8mm, bắt 8-16 đèn	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	350.000.000
9	Vật tư ngành điện	Cột đa giác SVĐ 30M + Dàn thao tác và Giá lắp đèn 24 - 32 đèn pha, có thang trèo - ngọn D950/450- 9/9/9/6mm dày 10/8/8/8mm	cái	ISO 9001:2015/ASTM A123/BS 5649:1995	Cột thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	550.000.000
	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ								
	ĐÈN ĐƯỜNG LED A-WIN MAX: CHÍP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA;								

1	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 60-80W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.875.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 90-100W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2012	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	8.375.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 110-150W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2013	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	8.750.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 160-200W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2014	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	10.125.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 210-240W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2015	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	11.875.000
6	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 250W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2016	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	14.125.000
	ĐÈN ĐƯỜNG LED A-WIN MINI: CHÍP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA;								
1	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 40-50W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.153.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 60-70W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.562.500
3	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 80-100W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.982.500
4	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 110-120W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.125.000
	ĐÈN ĐƯỜNG LED B-WIN: CHÍP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA;								
1	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led B-WIN công suất 40W-50W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.820.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led B-WIN công suất 60W-100W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.500.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led B-WIN công suất 110W-150W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	8.700.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led B-WIN công suất 160W-200W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	10.950.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led B-WIN công suất 210W-250W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	12.480.000
	ĐÈN ĐƯỜNG LED C-WIN MAX: CHÍP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA;								
1	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX công suất 60-80W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.625.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX công suất 90W-100W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	8.125.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX công suất 110W-150W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	8.600.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX công suất 160W-200W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	9.875.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX công suất 210W-240W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	11.625.000
6	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MAX công suất 250W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	13.875.000
	ĐÈN ĐƯỜNG LED C-WIN MINI: CHÍP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA;								

1	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI công suất 40W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.125.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI công suất 50 W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.250.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI công suất 60W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.300.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI công suất 70W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.375.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI công suất 80W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.500.000
6	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI công suất 90W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.625.000
7	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI công suất 100W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.900.000
8	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led C-WIN MINI công suất 120W DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.125.000
	ĐÈN PHA LED ANDES: CHÍP LED NICHIA-JAPAN; DRIVER: DIM 6 CẤP; BẢO VỆ XUNG ÁP 20-25KV;								
1	Vật tư ngành điện	Đèn pha led ANDES công suất 200w DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	7.750.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn pha led ANDES công suất 250w DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	9.250.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn pha led ANDES công suất 300w DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	10.625.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn pha led ANDES công suất 400w DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	13.125.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn pha led ANDES công suất 500w DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	16.250.000
6	Vật tư ngành điện	Đèn pha led ANDES công suất 600w DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	20.475.000
7	Vật tư ngành điện	Đèn pha led ANDES công suất 700w DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	23.625.000
8	Vật tư ngành điện	Đèn pha led ANDES công suất 800w DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	24.675.000
9	Vật tư ngành điện	Đèn pha led ANDES công suất 900w DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	26.775.000
10	Vật tư ngành điện	Đèn pha led ANDES công suất 1000w DIM 6 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	28.875.000
	ĐÈN ĐƯỜNG LED HAPY : CHÍP LED LUMILED; DRIVER: DIM 5 CẤP; BẢO VỆ XUNG ÁP 15KV;								
1	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 803 công suất 100w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.300.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 803 công suất 120w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.650.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 803 công suất 150w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.800.000

4	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 803 công suất 180w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.600.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 804 công suất 100w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.100.000
6	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 804 công suất 120w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.250.000
7	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 804 công suất 150w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.450.000
8	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 804 công suất 180w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	4.950.000
9	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 830 công suất 40w-50w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.810.000
10	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 830 công suất 60w-80w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	4.120.000
11	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 830 công suất 100w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	4.580.000
12	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 830 công suất 120w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.045.000
13	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led HAPY 830 công suất 150w DIM 5 cấp	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.250.000
	ĐÈN PHA LED HAPY 701: CHÍP LED LUMILEDS; DRIVER: DIM 6 cấp; BẢO VỆ XUNG ÁP 15KV;								
1	Vật tư ngành điện	Đèn pha led HAPY 701 công suất 200w	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	4.550.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn pha led HAPY 701 công suất 250w	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.350.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn pha led HAPY 701 công suất 300w	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	5.890.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn pha led HAPY 701 công suất 400w	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	6.850.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn pha led HAPY 701 công suất 600w	bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 61643-11:2011	Vỏ nhôm	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	8.800.000
	PHỤ KIỆN CHIẾU SÁNG								
1	Vật tư ngành điện	Cọc tiếp địa V63x63x6x2500	cọc	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	630.000
2	Vật tư ngành điện	KM cột M16x340x340x500	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	450.000
3	Vật tư ngành điện	KM cột M16x260x260x500	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	425.000
4	Vật tư ngành điện	KM cột M16x240x240x525	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	415.500
5	Vật tư ngành điện	KM cột M24x300x300x675	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	595.000
6	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M24x1375x8T	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	3.075.000

7	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M30x1750x20T	móng	TCVN 5828:1994	Thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	14.327.500
8	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1200x600x350 thiết bị ngoại 100A	tủ	TCVN 5828:1994	Vỏ thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	17.029.950
9	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1200x600x350 thiết bị ngoại 50A	tủ	TCVN 5828:1994	Vỏ thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	13.650.000
10	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1000x600x350 thiết bị ngoại 100A	tủ	TCVN 5828:1994	Vỏ thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	16.342.200
11	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1000x600x350 thiết bị ngoại 50A	tủ	TCVN 5828:1994	Vỏ thép	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	13.125.000
	HỆ THỐNG TRUNG TÂM ĐIỀU KHIỂN GIÁM SÁT QUẢN LÝ ĐÈN ĐƯỜNG THÔNG MINH								
1	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh 60-100A có gắn bộ kết nối trung tâm thu phát tín hiệu điều khiển (Gateway) sử dụng 01 Sim điện thoại 4G và 01 ăngten đi kèm. Bộ kết nối trung tâm (Gateway) được kết nối trực tiếp với mạng internet để chuyển tín hiệu điều khiển về máy chủ, phần mềm của Việt Nam và trung tâm điều khiển và quản lý chiếu sáng công cộng thông minh.	tủ	ISO 9001:2015/ QCVN 122:2020/BTTTT	Vỏ thép sơn tĩnh điện	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	85.000.000
2	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển Nema thông minh IDIM-WINCO/923LR tại đèn	Bộ	ISO 9001:2015/ QCVN 122:2020/BTTTT	Vỏ nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	2.798.000
3	Vật tư ngành điện	Bộ cổng chờ thông minh trong tương lai NEMA Shorting Cap	Bộ	ISO 9001:2015/ QCVN 122:2020/BTTTT	Vỏ nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	500.000
	SẢN PHẨM ỐNG NHỰA XOẮN								
1	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 32/25	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	12.800
2	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 40/30	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	14.900
3	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 50/40	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	21.400
4	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 65/50	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	29.300
5	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 85/65	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	42.500
6	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 90/72	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	52.400
7	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 105/80	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	55.300
8	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 110/90	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	63.600
9	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 130/100	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	78.100
10	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 160/125	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	121.400
11	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 195/150	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	165.800

12	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 230/175	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	247.200
13	Vật tư ngành điện	Ống nhựa xoắn HDPE WFP Ø 260/200	m	ISO 9001:2015/ TCVN 7997:2009/TCVN 8699:2011	Nhựa	Winco	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ Ô 12 TT3, KĐT Văn Phú, phường Kiến Hưng, Hà Nội	295.500
	CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VẠN XUÂN **Địa chỉ công ty: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội** **Số điện thoại: 02466725186 - 02438489055**								
	DÂY ĐƠN MỀM ĐIỆN ÁP 300/500V								
1	Vật tư ngành điện	VCSF 1x0.3	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.930
2	Vật tư ngành điện	VCSF 1x0.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.010
3	Vật tư ngành điện	VCSF 1x0.7	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.300
4	Vật tư ngành điện	VCSF 1x1.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	5.380
	DÂY ĐƠN MỀM ĐIỆN ÁP 450/750V								
1	Vật tư ngành điện	VCSF 1x1.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	7.770
3	Vật tư ngành điện	VCSF 1x2.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	12.500
4	Vật tư ngành điện	VCSF 1x4.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	20.000
5	Vật tư ngành điện	VCSF 1x6.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	30.810
6	Vật tư ngành điện	VCSF 1x10	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	54.150
	DÂY ĐIỆN HẠ THẾ CU/PVC - 1 RUỘT CỨNG								
1	Vật tư ngành điện	VC 1 x 1,5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	8.070
2	Vật tư ngành điện	VC 1 x 2,5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	12.770
3	Vật tư ngành điện	VC 1 x 4,0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	20.710
4	Vật tư ngành điện	VC 1 x 6,0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	30.920
	DÂY ÔVAN 2 RUỘT MỀM								
1	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x0.3	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.850
2	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x0.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	7.450
3	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x0.7	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	9.260
4	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x1.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	11.620
5	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x1.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	16.160
6	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x2.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	26.600
7	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x4.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	42.400
8	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x6.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	63.990
	DÂY SÚP RÃNH								
1	Vật tư ngành điện	CV 2 x 0.3	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.110
2	Vật tư ngành điện	CV 2 x 0.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	5.920
3	Vật tư ngành điện	CV 2 x 0.7	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	8.490
4	Vật tư ngành điện	CV 2 x 1.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	10.990
5	Vật tư ngành điện	CV 2 x 1.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	15.450

6	Vật tư ngành điện	CV 2 x 2.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	25.200
	DÂY TRÒN ĐẶC 3 RUỘT MỀM								
1	Vật tư ngành điện	VCTF 3x0.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	11.410
2	Vật tư ngành điện	VCTF 3x0.7 (bọc dẹt)	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	13.760
3	Vật tư ngành điện	VCTF 3x0.7 (bọc tròn)	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	14.370
4	Vật tư ngành điện	VCTF 3x1.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	25.070
5	Vật tư ngành điện	VCTF 3x2.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	40.910
6	Vật tư ngành điện	VCTF 3x4.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	64.390
7	Vật tư ngành điện	VCTF 3x6.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	97.970
8	Vật tư ngành điện	VCTF 3x10	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	172.960
	DÂY TRÒN ĐẶC 4 RUỘT MỀM								
1	Vật tư ngành điện	VCTF 4x0.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	14.270
2	Vật tư ngành điện	VCTF 4x0.75	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	19.340
3	Vật tư ngành điện	VCTF 4x1.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	23.430
4	Vật tư ngành điện	VCTF 4x1.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	32.890
5	Vật tư ngành điện	VCTF 4x2.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	52.360
6	Vật tư ngành điện	VCTF 4x2.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	54.940
7	Vật tư ngành điện	VCTF 4x3.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	70.460
8	Vật tư ngành điện	VCTF 4x4.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	86.100
9	Vật tư ngành điện	VCTF 4x6.0	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	129.280
	CÁP ĐỒNG 1 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN PVC (7 sợi, 19 sợi , 37 sợi)								
1	Vật tư ngành điện	CV 1x1.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	7.970
2	Vật tư ngành điện	CV 1x2.5	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	13.060
3	Vật tư ngành điện	CV 1x4	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	21.410
4	Vật tư ngành điện	CV 1x6	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	31.510
5	Vật tư ngành điện	CV 1x10	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	51.210
6	Vật tư ngành điện	CV 1x16	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	81.100
7	Vật tư ngành điện	CV 1x25	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	125.930
8	Vật tư ngành điện	CV 1x35	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	174.730
9	Vật tư ngành điện	CV 1x50	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	239.690
10	Vật tư ngành điện	CV 1x70	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	340.890
11	Vật tư ngành điện	CV 1x95	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	474.040
12	Vật tư ngành điện	CV 1x120	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	596.550
13	Vật tư ngành điện	CV 1x150	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	739.030
14	Vật tư ngành điện	CV 1x185	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	918.790

15	Vật tư ngành điện	CV 1x240	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.206.950
16	Vật tư ngành điện	CV 1x300	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.524.660
	CÁP ĐỒNG 1 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC								
1	Vật tư ngành điện	CXV 1x1.5	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	9.530
2	Vật tư ngành điện	CXV 1x2.5	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	14.670
3	Vật tư ngành điện	CXV 1x4	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	23.140
4	Vật tư ngành điện	CXV 1x6	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	33.350
5	Vật tư ngành điện	CXV 1x10	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	53.800
6	Vật tư ngành điện	CXV 1x16	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	83.500
7	Vật tư ngành điện	CXV 1x25	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	128.960
8	Vật tư ngành điện	CXV 1x35	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	177.540
9	Vật tư ngành điện	CXV 1x50	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	243.450
10	Vật tư ngành điện	CXV 1x70	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	347.020
11	Vật tư ngành điện	CXV 1x95	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	480.180
12	Vật tư ngành điện	CXV 1x120	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	601.220
13	Vật tư ngành điện	CXV 1x150	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	746.470
14	Vật tư ngành điện	CXV 1x185	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	928.790
15	Vật tư ngành điện	CXV 1x240	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.221.820
16	Vật tư ngành điện	CXV 1x300	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.527.120
	CÁP ĐỒNG 4 RUỘT (1 RUỘT TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC								
1	Vật tư ngành điện	CXV 3x4+1x2.5	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	86.700
2	Vật tư ngành điện	CXV 3x6+1x4	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	127.910
3	Vật tư ngành điện	CXV 3x10x1x6	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	199.120
4	Vật tư ngành điện	CXV 3x16+1x10	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	311.200
5	Vật tư ngành điện	CXV 3x25+1x16	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	476.030
6	Vật tư ngành điện	CXV 3x35+1x16	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	622.420
7	Vật tư ngành điện	CXV 3x35+1x25	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	669.810
8	Vật tư ngành điện	CXV 3x50+1x25	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	867.680
9	Vật tư ngành điện	CXV 3x50+1x35	m	TCVN 5935-1:2014		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	913.850
10	Vật tư ngành điện	CXV 3x70+1x35	m	TCVN 5935-1:2015		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.225.300
11	Vật tư ngành điện	CXV 3x70+1x50	m	TCVN 5935-1:2016		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.298.290
12	Vật tư ngành điện	CXV 3x95+1x50	m	TCVN 5935-1:2017		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.690.690
13	Vật tư ngành điện	CXV 3x95+1x70	m	TCVN 5935-1:2018		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.795.670
14	Vật tư ngành điện	CXV 3x120+1x70	m	TCVN 5935-1:2019		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.167.550

15	Vật tư ngành điện	CXV 3x120+1x95	m	TCVN 5935-1:2020		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.300.680
16	Vật tư ngành điện	CXV 3x150+1x70	m	TCVN 5935-1:2021		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.596.590
17	Vật tư ngành điện	CXV 3x150+1x95	m	TCVN 5935-1:2022		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.737.160
18	Vật tư ngành điện	CXV 3x150+1x120	m	TCVN 5935-1:2023		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.861.520
19	Vật tư ngành điện	CXV 3x185+1x95	m	TCVN 5935-1:2024		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.289.010
20	Vật tư ngành điện	CXV 3x185+1x120	m	TCVN 5935-1:2025		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.415.550
21	Vật tư ngành điện	CXV 3x185+1x150	m	TCVN 5935-1:2026		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.561.160
22	Vật tư ngành điện	CXV 3x240+1x120	m	TCVN 5935-1:2027		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.291.700
23	Vật tư ngành điện	CXV 3x240+1x150	m	TCVN 5935-1:2028		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.444.880
24	Vật tư ngành điện	CXV 3x240+1x185	m	TCVN 5935-1:2029		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.627.470
25	Vật tư ngành điện	CXV 3x300+1x150	m	TCVN 5935-1:2030		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	5.359.630
26	Vật tư ngành điện	CXV 3x300+1x185	m	TCVN 5935-1:2031		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	5.548.820
27	Vật tư ngành điện	CXV 3x300+1x240	m	TCVN 5935-1:2032		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	5.844.350
28	Vật tư ngành điện	CXV 3x400+1x240	m	TCVN 5935-1:2033		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	7.217.190
29	Vật tư ngành điện	CXV 3x400+1x300	m	TCVN 5935-1:2034		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	7.503.480
	CÁP ĐỒNG 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC								
1	Vật tư ngành điện	CXV 4x1.5	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	40.130
2	Vật tư ngành điện	CXV 4x2.5	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	61.450
3	Vật tư ngành điện	CXV 4x4	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	95.020
4	Vật tư ngành điện	CXV 4x6	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	138.460
5	Vật tư ngành điện	CXV 4x10	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	218.900
6	Vật tư ngành điện	CXV 4x16	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	336.750
7	Vật tư ngành điện	CXV 4x25	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	523.450
8	Vật tư ngành điện	CXV 4x35	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	718.360
9	Vật tư ngành điện	CXV 4x50	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	978.140
10	Vật tư ngành điện	CXV 4x70	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.403.900
11	Vật tư ngành điện	CXV 4x95	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.929.760
12	Vật tư ngành điện	CXV 4x120	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.423.710
13	Vật tư ngành điện	CXV 4x150	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.010.210
14	Vật tư ngành điện	CXV 4x185	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.744.970
15	Vật tư ngành điện	CXV 4x240	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.922.920
16	Vật tư ngành điện	CXV 4x300	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	6.152.400
	CÁP ĐỒNG ĐIỆN KẾ MULLER BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC								
1	Vật tư ngành điện	MULLER 2x4	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	57.940

2	Vật tư ngành điện	MULLER 2x6	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	79.700
3	Vật tư ngành điện	MULLER 2x7	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	90.890
4	Vật tư ngành điện	MULLER 2x10	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	121.590
5	Vật tư ngành điện	MULLER 2x11	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	128.350
6	Vật tư ngành điện	MULLER 2x16	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	181.040
	CÁP ĐỒNG NGẦM 2 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC								
1	Vật tư ngành điện	DSTA 2x2.5	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	40.910
2	Vật tư ngành điện	DSTA 2x4	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	59.000
3	Vật tư ngành điện	DSTA 2x6	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	82.000
4	Vật tư ngành điện	DSTA 2x10	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	124.230
5	Vật tư ngành điện	DSTA 2x16	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	185.840
6	Vật tư ngành điện	DSTA 2x25	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	281.000
7	Vật tư ngành điện	DSTA 2x35	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	384.000
8	Vật tư ngành điện	DSTA 2x50	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	520.000
9	Vật tư ngành điện	DSTA 2x70	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	731.850
10	Vật tư ngành điện	DSTA 2x95	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.015.000
11	Vật tư ngành điện	DSTA 2x120	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.265.910
12	Vật tư ngành điện	DSTA 2x150	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.565.000
	CÁP ĐỒNG NGẦM 4 RUỘT (1 RUỘT TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC								
1	Vật tư ngành điện	DSTA 3x2.5+1x1.5	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	55.250
2	Vật tư ngành điện	DSTA 3x4+1x2.5	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	78.200
3	Vật tư ngành điện	DSTA 3x6+1x4	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	106.250
4	Vật tư ngành điện	DSTA 3x10x1x6	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	157.250
5	Vật tư ngành điện	DSTA 3x16+1x10	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	238.000
6	Vật tư ngành điện	DSTA 3x25+1x16	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	361.250
7	Vật tư ngành điện	DSTA 3x35+1x16	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	467.500
8	Vật tư ngành điện	DSTA 3x50+1x25	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	650.250
9	Vật tư ngành điện	DSTA 3x70+1x35	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	918.000
10	Vật tư ngành điện	DSTA 3x95+1x50	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.241.000
11	Vật tư ngành điện	DSTA 3x120+1x70	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.598.000
12	Vật tư ngành điện	DSTA 3x150+1x95	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.997.500
13	Vật tư ngành điện	DSTA 3x185+1x120	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.473.500
14	Vật tư ngành điện	DSTA 3x240+1x150	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.230.000
15	Vật tư ngành điện	DSTA 3x300+1x150	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.012.000
	CÁP ĐỒNG NGẦM 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC								

1	Vật tư ngành điện	DSTA 4x2.5	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	72.720
2	Vật tư ngành điện	DSTA 4x4	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	106.500
3	Vật tư ngành điện	DSTA 4x6	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	149.000
4	Vật tư ngành điện	DSTA 4x10	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	232.000
5	Vật tư ngành điện	DSTA 4x16	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	355.000
6	Vật tư ngành điện	DSTA 4x25	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	543.930
7	Vật tư ngành điện	DSTA 4x35	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	742.060
8	Vật tư ngành điện	DSTA 4x50	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.006.420
9	Vật tư ngành điện	DSTA 4x70	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.448.280
10	Vật tư ngành điện	DSTA 4x95	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.968.490
11	Vật tư ngành điện	DSTA 4x120	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.464.400
12	Vật tư ngành điện	DSTA 4x150	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.056.660
13	Vật tư ngành điện	DSTA 4x185	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.820.000
14	Vật tư ngành điện	DSTA 4x240	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.995.000
15	Vật tư ngành điện	DSTA 4x300	m	TCVN 5935-1:2013		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	6.234.610
	CÁP NHÔM ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC (NHÔM THÍ NGHIỆM)								
1	Vật tư ngành điện	AV 16	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	9.100
2	Vật tư ngành điện	AV 25	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	13.600
3	Vật tư ngành điện	AV 35	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	17.900
4	Vật tư ngành điện	AV 50	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	24.900
5	Vật tư ngành điện	AV 70	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	35.000
6	Vật tư ngành điện	AV 95	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	47.800
7	Vật tư ngành điện	AV 120	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	58.500
8	Vật tư ngành điện	AV 150	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	73.200
9	Vật tư ngành điện	AV 185	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	91.200
10	Vật tư ngành điện	AV 240	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	117.200
	CÁP NHÔM VẶN XOẮN 2 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE (NHÔM THÍ NGHIỆM)								
1	Vật tư ngành điện	ABC 2x16	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	20.200
2	Vật tư ngành điện	ABC 2x25	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	28.300
3	Vật tư ngành điện	ABC 2x35	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	36.400
4	Vật tư ngành điện	ABC 2x50	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	49.800
5	Vật tư ngành điện	ABC 2x70	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	69.900
6	Vật tư ngành điện	ABC 2x95	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	94.100
7	Vật tư ngành điện	ABC 2x120	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	116.900

8	Vật tư ngành điện	ABC 2x150	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	141.500
9	Vật tư ngành điện	ABC 2x185	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	178.100
10	Vật tư ngành điện	ABC 2x 240	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	224.800
	CÁP NHÔM VẶN XOẮN 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE (NHÔM THÍ NGHIỆM)								
1	Vật tư ngành điện	ABC 4x16	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	38.900
2	Vật tư ngành điện	ABC 4x25	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	55.300
3	Vật tư ngành điện	ABC 4x35	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	72.100
4	Vật tư ngành điện	ABC 4x50	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	97.500
5	Vật tư ngành điện	ABC 4x70	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	136.800
6	Vật tư ngành điện	ABC 4x95	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	186.600
7	Vật tư ngành điện	ABC 4x120	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	235.000
8	Vật tư ngành điện	ABC 4x150	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	285.700
9	Vật tư ngành điện	ABC 4x185	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	354.900
10	Vật tư ngành điện	ABC 4x240	m	TCVN 6447:1998		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	454.300
	CÁP NHÔM TRẦN LÕI THÉP BỌC MỠ								
1	Vật tư ngành điện	ACKII 10/1.8	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	140.000
2	Vật tư ngành điện	ACKII 16/2.7	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	134.400
3	Vật tư ngành điện	ACKII 25/4.2	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	131.500
4	Vật tư ngành điện	ACKII 35/6.2	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	127.600
5	Vật tư ngành điện	ACKII 50/8	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	126.000
6	Vật tư ngành điện	ACKII 70/11	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	126.500
7	Vật tư ngành điện	ACKII 70/29	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	113.600
8	Vật tư ngành điện	ACKII 70/72	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	86.700
9	Vật tư ngành điện	ACKII 95/16	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	125.400
10	Vật tư ngành điện	ACKII 95/141	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	82.100
11	Vật tư ngành điện	ACKII 120/19	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	130.800
12	Vật tư ngành điện	ACKII 120/27	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	121.900
13	Vật tư ngành điện	ACKII 150/19	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	135.200
14	Vật tư ngành điện	ACKII 150/24	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	129.400
15	Vật tư ngành điện	ACKII 150/34	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	120.800
16	Vật tư ngành điện	ACKII 185/24	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	134.500
17	Vật tư ngành điện	ACKII 185/29	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	129.000
18	Vật tư ngành điện	ACKII 185/43	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	123.100
19	Vật tư ngành điện	ACKII 185/128	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	93.800

20	Vật tư ngành điện	ACKII 240/32	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	132.000
21	Vật tư ngành điện	ACKII 240/39	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	126.500
22	Vật tư ngành điện	ACKII 240/56	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	123.200
23	Vật tư ngành điện	ACKII 300/39	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	131.600
24	Vật tư ngành điện	ACKII 300/48	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	132.600
25	Vật tư ngành điện	ACKII 300/66	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	121.900
26	Vật tư ngành điện	ACKII 300/67	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	121.100
27	Vật tư ngành điện	ACKII 300/204	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	92.400
28	Vật tư ngành điện	ACKII 330/30	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	145.600
29	Vật tư ngành điện	ACKII 330/43	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	137.500
30	Vật tư ngành điện	ACKII 400/18	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	155.400
31	Vật tư ngành điện	ACKII 400/51	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	137.500
32	Vật tư ngành điện	ACKII 400/64	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	130.000
33	Vật tư ngành điện	ACKII 400/93	kg	TCVN 5064:1994, TCVN 5064:1994/ SĐ 1:1995		Công ty TNHH Dây và Cáp điện Vạn Xuân	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	125.400
	CÔNG TY CP DÂY VÀ CÁP ĐIỆN THƯỢNG ĐÌNH (CADISUN) **Địa chỉ trụ sở: Ngõ 320, Đường Khương Đình, P. Khương Đình, Hà Nội** **Địa chỉ nhà máy sản xuất: NM Bắc Dương (Km 35+400 Quốc lộ 5A, Xã Cẩm Giàng, TP Hải Phòng). NM Hoàng Dương (Cụm Công Nghiệp Lương Điền TP Hải Phòng).** **Số điện thoại: 0243 8588565 www : cadisun. com.vn Email: info@cadisun.com.vn** **Giấy chứng nhận chất lương: ISO 9001: 2015**								
	Cáp đồng trần ủ mềm ép chặt ≥10mm2 (TCVN 5604-1994 /6612)								
1	Vật tư ngành điện	CF 10	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	523.500
2	Vật tư ngành điện	CF 16	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.653
3	Vật tư ngành điện	CF 25	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.574
4	Vật tư ngành điện	CF 35	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.271
5	Vật tư ngành điện	CF 50	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	518.187
6	Vật tư ngành điện	CF 70	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.620
7	Vật tư ngành điện	CF 95	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.532
8	Vật tư ngành điện	CF 120	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.487
9	Vật tư ngành điện	CF 150	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.182
10	Vật tư ngành điện	CF 185	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.169

11	Vật tư ngành điện	CF 240	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	517.144
	Cáp đồng Cu/PVC (Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005 : Điện áp 0.6/1 KV)								
1	Vật tư ngành điện	CV 1x16 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	74.647
2	Vật tư ngành điện	CV 1x25 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	115.893
3	Vật tư ngành điện	CV 1x35 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	160.218
4	Vật tư ngành điện	CV 1x50 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	219.030
5	Vật tư ngành điện	CV 1x70 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	312.962
6	Vật tư ngành điện	CV 1x95 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	434.580
7	Vật tư ngành điện	CV 1x120 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	546.564
8	Vật tư ngành điện	CV 1x150 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	679.061
9	Vật tư ngành điện	CV 1x185 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	845.156
10	Vật tư ngành điện	CV 1x240 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.113.967
11	Vật tư ngành điện	CV 1x300 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.394.198
	Cáp đồng treo Cu/XLPE/PVC … (TCVN: 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp: 0.6/1 KV)								
1	Vật tư ngành điện	CXV 1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	221.429
2	Vật tư ngành điện	CXV 1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	315.926
3	Vật tư ngành điện	CXV 1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	437.764
4	Vật tư ngành điện	CXV 1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	550.551
5	Vật tư ngành điện	CXV 1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	683.650
6	Vật tư ngành điện	CXV 1x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	850.979
7	Vật tư ngành điện	CXV 1x240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.120.114
8	Vật tư ngành điện	CXV 1x300	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.400.890
9	Vật tư ngành điện	CXV 1x400	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.815.192

10	Vật tư ngành điện	CXV 2x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	43.990
11	Vật tư ngành điện	CXV 2x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	65.087
12	Vật tư ngành điện	CXV 2x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	102.646
13	Vật tư ngành điện	CXV 2x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	157.742
14	Vật tư ngành điện	CXV 2x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	244.483
15	Vật tư ngành điện	CXV 3x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	66.750
16	Vật tư ngành điện	CXV 3x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	95.466
17	Vật tư ngành điện	CXV 3x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	152.117
18	Vật tư ngành điện	CXV 3x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	232.609
19	Vật tư ngành điện	CXV 3x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	362.375
20	Vật tư ngành điện	CXV 3x6+1x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	116.113
21	Vật tư ngành điện	CXV 3x10+1x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	181.801
22	Vật tư ngành điện	CXV 3x16+1x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	283.435
23	Vật tư ngành điện	CXV 3x25+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	437.531
24	Vật tư ngành điện	CXV 3x35+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	572.236
25	Vật tư ngành điện	CXV 3x35+1x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	615.838
26	Vật tư ngành điện	CXV 3x50+1x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	795.937
27	Vật tư ngành điện	CXV 3x50+1x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	841.045
28	Vật tư ngành điện	CXV 3x70+1x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.129.246
29	Vật tư ngành điện	CXV 3x70+1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.188.774
30	Vật tư ngành điện	CXV 3x95+1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.545.121
31	Vật tư ngành điện	CXV 3x95+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.640.975

32	Vật tư ngành điện	CXV 3x120+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.981.697
33	Vật tư ngành điện	CXV 3x120+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.103.962
34	Vật tư ngành điện	CXV 3x150+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.381.826
35	Vật tư ngành điện	CXV 3x150+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.504.047
36	Vật tư ngành điện	CXV 3x150+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.617.759
37	Vật tư ngành điện	CXV 3x185+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.010.253
38	Vật tư ngành điện	CXV 3x185+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.125.079
39	Vật tư ngành điện	CXV 3x185+1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.258.550
40	Vật tư ngành điện	CXV 3x240+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.935.888
41	Vật tư ngành điện	CXV 3x240+1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.069.490
42	Vật tư ngành điện	CXV 3x240+1x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.237.155
43	Vật tư ngành điện	CXV 3x300+1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.914.554
44	Vật tư ngành điện	CXV 3x300+1x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	5.083.272
45	Vật tư ngành điện	CXV 4x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	125.670
46	Vật tư ngành điện	CXV 4x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	200.797
47	Vật tư ngành điện	CXV 4x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	308.048
48	Vật tư ngành điện	CXV 4x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	480.463
49	Vật tư ngành điện	CXV 4x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	660.798
50	Vật tư ngành điện	CXV 4x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	900.520
51	Vật tư ngành điện	CXV 4x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.286.098
52	Vật tư ngành điện	CXV 4x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.763.937
53	Vật tư ngành điện	CXV 4x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.216.915

54	Vật tư ngành điện	CXV 4x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.753.434
55	Vật tư ngành điện	CXV 4x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.426.908
56	Vật tư ngành điện	CXV 4x240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.507.976
	Cáp đồng ngầm Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC 1x... (TCVN: 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp: 0.6/1 KV)								
1	Vật tư ngành điện	DATA 1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	578.079
2	Vật tư ngành điện	DATA 1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	713.715
3	Vật tư ngành điện	DATA 1x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	883.318
4	Vật tư ngành điện	DATA 1x240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.156.816
5	Vật tư ngành điện	DATA 1x300	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.442.962
6	Vật tư ngành điện	DATA 1x400	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.862.135
	Cáp đồng ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC ... (TCVN: 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp 0.6/1 KV)								
1	Vật tư ngành điện	DSTA 2x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	53.781
2	Vật tư ngành điện	DSTA 2x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	74.218
3	Vật tư ngành điện	DSTA 2x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	113.027
4	Vật tư ngành điện	DSTA 2x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	170.106
5	Vật tư ngành điện	DSTA 3x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	76.591
6	Vật tư ngành điện	DSTA 3x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	105.146
7	Vật tư ngành điện	DSTA 3x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	162.511
8	Vật tư ngành điện	DSTA 3x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	246.719
9	Vật tư ngành điện	DSTA 3x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	375.450
10	Vật tư ngành điện	DSTA 3x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	512.238
11	Vật tư ngành điện	DSTA 3x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	694.666
12	Vật tư ngành điện	DSTA 3x2.5+1x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	60.547

13	Vật tư ngành điện	DSTA 3x4+1x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	90.334
14	Vật tư ngành điện	DSTA 3x6+1x4	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	126.104
15	Vật tư ngành điện	DSTA 3x10+1x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	193.003
16	Vật tư ngành điện	DSTA 3x16+1x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	296.148
17	Vật tư ngành điện	DSTA 3x25+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	451.288
18	Vật tư ngành điện	DSTA 3x35+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	587.606
19	Vật tư ngành điện	DSTA 3x35+1x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	632.343
20	Vật tư ngành điện	DSTA 3x50+1x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	813.267
21	Vật tư ngành điện	DSTA 3x50+1x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	860.396
22	Vật tư ngành điện	DSTA 3x70+1x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.163.903
23	Vật tư ngành điện	DSTA 3x70+1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.224.438
24	Vật tư ngành điện	DSTA 3x95+1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.582.885
25	Vật tư ngành điện	DSTA 3x95+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.679.396
26	Vật tư ngành điện	DSTA 3x120+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.024.172
27	Vật tư ngành điện	DSTA 3x120+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.148.255
28	Vật tư ngành điện	DSTA 3x150+1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.431.146
29	Vật tư ngành điện	DSTA 3x150+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.555.709
30	Vật tư ngành điện	DSTA 3x150+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.669.472
31	Vật tư ngành điện	DSTA 3x185+1x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.064.558
32	Vật tư ngành điện	DSTA 3x185+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.181.366
33	Vật tư ngành điện	DSTA 3x185+1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.316.252
34	Vật tư ngành điện	DSTA 3x240+1x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.995.625

35	Vật tư ngành điện	DSTA 3x240+1x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.131.574
36	Vật tư ngành điện	DSTA 4x6	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	136.094
37	Vật tư ngành điện	DSTA 4x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	212.445
38	Vật tư ngành điện	DSTA 4x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	324.189
39	Vật tư ngành điện	DSTA 4x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	495.188
40	Vật tư ngành điện	DSTA 4x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	677.742
41	Vật tư ngành điện	DSTA 4x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	920.532
42	Vật tư ngành điện	DSTA 4x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.322.135
43	Vật tư ngành điện	DSTA 4x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.802.832
44	Vật tư ngành điện	DSTA 4x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.261.705
45	Vật tư ngành điện	DSTA 4x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.804.528
46	Vật tư ngành điện	DSTA 4x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.484.995
47	Vật tư ngành điện	DSTA 4x240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.573.035
	Dây đơn mềm Cu/PVC ... (TCVN 6610-3 Điện áp: 450/750V)								
1	Vật tư ngành điện	VCSF 1x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	7.121
2	Vật tư ngành điện	VCSF 1x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	11.670
3	Vật tư ngành điện	VCSF 1x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	18.657
4	Vật tư ngành điện	VCSF 1x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	28.607
5	Vật tư ngành điện	VCSF 1x10.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	50.550
	Dây ovan 2 ruột mềm Cu/PVC/PVC 2x … (TCVN 6610-5 Điện áp: 300 /500 V)								
1	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x0.75	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	8.658
2	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	15.055
3	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	24.591

4	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	39.292
5	Vật tư ngành điện	VCTFK 2x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	59.624
	Dây tròn mềm đặc Cu/PVC/PVC … (TCVN 6610-5 Điện áp 300 /500 V)								
1	Vật tư ngành điện	VCTF 2x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	16.035
2	Vật tư ngành điện	VCTF 2x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	26.044
3	Vật tư ngành điện	VCTF 2x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	41.298
4	Vật tư ngành điện	VCTF 2x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	62.265
5	Vật tư ngành điện	VCTF 3x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	23.198
6	Vật tư ngành điện	VCTF 3x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	38.172
7	Vật tư ngành điện	VCTF 3x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	59.932
8	Vật tư ngành điện	VCTF 3x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	91.305
9	Vật tư ngành điện	VCTF 4x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	30.575
10	Vật tư ngành điện	VCTF 4x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	50.074
11	Vật tư ngành điện	VCTF 4x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	79.080
12	Vật tư ngành điện	VCTF 4x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	120.445
	Dây đơn cứng Cu/PVC 1x …. (TCVN 6610-3 Điện áp : 450/750 V)								
1	Vật tư ngành điện	VCSH 1x1.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	7.434
2	Vật tư ngành điện	VCSH 1x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	11.860
3	Vật tư ngành điện	VCSH 1x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	19.392
4	Vật tư ngành điện	VCSH 1x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	29.178
	Cáp chống cháy Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC …. (TCVN 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp: 0.6/1 KV)								
1	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	35.629
2	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	52.982
3	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	80.686

4	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	123.517
5	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	168.931
6	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	228.832
7	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 1x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	324.670
8	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 2x4.0 (Đặc)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	55.720
9	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 2x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	76.562
10	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 2x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	111.670
11	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 2x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	166.568
12	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 3x6.0+1x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	133.873
13	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 3x10x1x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	204.786
14	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 3x16+1x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	313.458
15	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 3x25+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	457.211
16	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 3x35+1x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	594.670
17	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x2.5	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	72.328
18	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x4.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	103.308
19	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x6.0	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	144.133
20	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x10	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	214.600
21	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	324.583
22	Vật tư ngành điện	FRN-CXV 4x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	502.155
	Cáp nhôm AL/PVC ... (Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005 Điện áp: 0.6/1 KV)								
1	Vật tư ngành điện	AV 1x50 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	22.697
2	Vật tư ngành điện	AV 1x70 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	32.023
3	Vật tư ngành điện	AV 1x95 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	43.887

4	Vật tư ngành điện	AV 1x120 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	54.472
5	Vật tư ngành điện	AV 1x150 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	67.412
6	Vật tư ngành điện	AV 1x185 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	83.705
7	Vật tư ngành điện	AV 1x240 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	108.039
8	Vật tư ngành điện	AV 1x300 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	134.188
9	Vật tư ngành điện	AV 1x400 (V-75)	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	178.287
	Cáp nhôm AL/XLPE/PVC 1X …. (TCVN: 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp: 0.6/1 KV)								
1	Vật tư ngành điện	AXV 150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	72.111
2	Vật tư ngành điện	AXV 185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	88.501
3	Vật tư ngành điện	AXV 240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	114.084
4	Vật tư ngành điện	AXV 300	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	140.392
5	Vật tư ngành điện	AXV 400	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	185.330
	Cáp nhôm ngầm AL/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x ... (TCVN: 5935-1/IEC 60502-1 Điện áp: 0.6/1 KV)								
1	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	180.710
2	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	234.029
3	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	289.869
4	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	352.683
5	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x185	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	427.120
6	Vật tư ngành điện	ADSTA 4x240	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	541.423
	Cáp vặn xoắn AL/XLPE…. (TCVN : 6447-1998 Điện áp: 0.6/1 KV)								
1	Vật tư ngành điện	ABC 2x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	18.051
2	Vật tư ngành điện	ABC 2x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	25.575
3	Vật tư ngành điện	ABC 2x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	33.453
4	Vật tư ngành điện	ABC 2x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	45.725

5	Vật tư ngành điện	ABC 4x16	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	34.737
6	Vật tư ngành điện	ABC 4x25	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	50.073
7	Vật tư ngành điện	ABC 4x35	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	65.793
8	Vật tư ngành điện	ABC 4x50	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	89.912
9	Vật tư ngành điện	ABC 4x70	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	125.934
10	Vật tư ngành điện	ABC 4x95	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	172.200
11	Vật tư ngành điện	ABC 4x120	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	214.214
12	Vật tư ngành điện	ABC 4x150	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	263.083
	Cáp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC -W 1x …. (TCVN 5935- 2 Điện áp: 12.7/22(24)kV)								
1	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x50 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	319.950
2	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x70 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	423.852
3	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x95 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	552.799
4	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x120 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	672.845
5	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x150 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	810.444
6	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x185 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	995.263
7	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x240 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.274.735
8	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x300 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.573.619
	Cáp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC/DATA/PVC -W 1x…. (TCVN 5935- 2 Điện áp: 12.7/22(24)kV)								
1	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x95 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	602.433
2	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x120 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	725.289
3	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x150 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	864.192
4	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x185 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.051.810
5	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x240 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.336.463

6	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x300 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.638.635
7	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x400 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.073.666
	Cáp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC -W 3x…. (TCVN 5935- 2 Điện áp:12.7/22(24)kV)								
1	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x50 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.050.730
2	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x70 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.376.400
3	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x95 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.771.822
4	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x120 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.142.169
5	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x150 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.563.360
6	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x185 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.158.358
7	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x240 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.022.396
8	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x300 (24)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.934.398
	Cáp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC -W 1x... (TCVN 5935- 2 Điện áp: 20/35(40.5)kV)								
1	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x50 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	361.527
2	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x70 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	468.845
3	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x95 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	599.315
4	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x120 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	722.083
5	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x150 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	859.493
6	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x185 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.045.783
7	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x240 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.329.017
8	Vật tư ngành điện	CXV/CTS-W 1x300 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.629.121
	Cáp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC/DATA/PVC -W 1x…. (TCVN 5935- 2 Điện áp:20/35(40.5)kV)								
1	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x95 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	659.479
2	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x120 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	783.657
3	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x150 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	925.858

4	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x185 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.114.916
5	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x240 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.401.345
6	Vật tư ngành điện	DATA/CTS-W 1x300 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.704.853
	Cáp trung thế Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC -W 3x... (TCVN 5935- 2 Điện áp:20/35(40.5)kV)								
1	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x50 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.211.316
2	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x70 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.577.988
3	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x95 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.989.392
4	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x120 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.364.085
5	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x150 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	2.792.308
6	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x185 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	3.362.224
7	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x240 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	4.231.959
8	Vật tư ngành điện	DSTA/CTS-W 3x300 (40.5)kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	5.149.884
	Cáp trung thế AL/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC -W 3x …. (TCVN 5935- 2 Điện áp: 12,7/22(24)kV)								
1	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x120 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	649.431
2	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x150 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	716.836
3	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x185 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	836.373
4	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x240 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	969.844
5	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x300 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.094.229
6	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x400 (24) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.280.020
	Cáp trung thế AL/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC -W 3x …. (TCVN 5935- 2 Điện áp: 20/35(40.5)kV)								
1	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x120 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	882.280
2	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x150 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	956.544
3	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x185 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.051.185
4	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x240 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.190.076

5	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x300 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.325.452
6	Vật tư ngành điện	ADSTA/CTS-W 3x400 (40.5) kV	m			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	1.519.581
	Cáp nhôm trần lõi thép As (ACSR) (TCVN 5604-1994 /6612)								
1	Vật tư ngành điện	As 50/8.0	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	113.580
2	Vật tư ngành điện	As 70/11	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	113.207
3	Vật tư ngành điện	As 95/16	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	113.109
4	Vật tư ngành điện	As 120/19	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	116.893
5	Vật tư ngành điện	As 150/24	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	115.668
6	Vật tư ngành điện	As 185/29	kg			CADISUN	Việt Nam	Giá trên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho của công ty tại Km 35+400, Quốc lộ 5, xã Cẩm Điền, Cẩm Giàng, Hải Dương	115.990
	CÔNG TY CỔ PHẦN SLIGHTING VIỆT NAM **Địa chỉ: ĐKKD168 đường K2, phường Từ Liêm, Hà Nội - VPGD 1146 Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Hưng, Hà Nội** **Nhà máy sản xuất: Cụm công nghiệp Phước Bình, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai** **Số điện thoại: 02436436537-0947696679**								
1	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED chiếu sáng sử dụng NLMT Florence SL22 - 70W Chíp LED Lumileds 5050 siêu sáng>140lm/W; Pin lưu trữ (lắp ngoài đèn) Lithium LiFePO4 12.8V/60AH + Tấm thu Solar đơn tinh thể 18V/150Wp + Bộ điều khiển sạc thông minh (Intelligent Controller Charge)	Bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	16.600.000
2	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED chiếu sáng sử dụng NLMT Katrina SL15 - 60W Chíp LED Lumileds 5050 siêu sáng>140lm/W; Pin lưu trữ (lắp trong đèn) Lithium LiFePO4 3.2V/120AH + Tấm thu Solar đơn tinh thể 18V/120Wp + Bộ điều khiển sạc thông minh (Intelligent Controller Charge)	Bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	14.100.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn LED Tembin SL7-80w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	590x260x90	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.820.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn LED Tembin SL7-100w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	590x260x90	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.350.000
5	Vật tư ngành điện	Đèn LED Tembin SL7-120w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	820x385x115	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.950.000
6	Vật tư ngành điện	Đèn LED Tembin SL7-150w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	820x385x115	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	8.340.000

7	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15-80w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.500.000
8	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15-100w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.150.000
9	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15-120w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.653.000
10	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15-150w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	8.150.000
11	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15-195w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	540x345x158	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	8.800.000
12	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-40w-50w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.050.000
13	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-60w-80w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.350.000
14	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-100w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.850.000
15	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-120w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.350.000
16	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-150w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.890.000
17	Vật tư ngành điện	Đèn LED Florence SL22-200w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	712x306x95	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	8.600.000

18	Vật tư ngành điện	Đèn LED Rita SL20-60w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	360x340x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.160.000
19	Vật tư ngành điện	Đèn LED Rita SL20-90w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	360x340x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.989.000
20	Vật tư ngành điện	Đèn LED Rita SL20-120w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	460x340x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.650.000
21	Vật tư ngành điện	Đèn LED Rita SL20-150w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	560x340x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.990.000
22	Vật tư ngành điện	Đèn LED Rita SL20-180w. DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	660x340x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.876.000
23	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Mirinae FL5-500w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	570x350x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	14.500.000
24	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Mirinae FL5-600w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	680x350x130	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	15.500.000
25	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Nora FL9-100w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	320x290x110	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.298.000
26	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Nora FL9-160w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	410x290x110	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.600.000
27	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Nora FL9-200w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	500x290x110	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	10.250.000
28	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Nora FL9-400w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	410x580x110 (4x2)	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	15.050.000

29	Vật tư ngành điện	Đèn Pha LED Nora FL9-500w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	590x580x110 (5x2)	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	16.500.000
30	Vật tư ngành điện	Đèn Sandy B SLV2-40w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	SLV2-40w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.320.000
31	Vật tư ngành điện	Đèn Sandy A SLV1-60w	bộ	TCVN 7722-1:2017; (IEC60598-1 :2014 WITH AMENDMENT 1:2017); TCVN 7722- 2-3:2019; (IEC 60598-2-3:2011)	SLV1-60w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.530.000
32	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp 70w/E27	cái	ISO 9001: 2015	70w/E27	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	300.000
33	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp 150W/E40	cái	ISO 9001: 2015	150W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	310.000
34	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp 250W/E40	cái	ISO 9001: 2015	250W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	320.000
35	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp Son 400W/E40	cái	ISO 9001: 2015	400W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	340.000
36	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp Metal 400W/E40	cái	ISO 9001: 2015	400W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	360.000
37	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp Son 1000W/E40	cái	ISO 9001: 2015	1000W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.550.000
38	Vật tư ngành điện	Bóng đèn cao áp Metal 1000W/E40	cái	ISO 9001: 2015	1000W/E40	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.630.000
39	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 70W	cái	ISO 9001: 2015	70W	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	330.000
40	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 150W	cái	ISO 9001: 2015	150W	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	420.000
41	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 250W	cái	ISO 9001: 2015	250W	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	470.000

42	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 400W	cái	ISO 9001: 2015	400W	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	755.000
43	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 1000W	cái	ISO 9001: 2015	1000W	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.010.000
44	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 150w/100w	cái	ISO 9001: 2015	150w/100w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	535.000
45	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 250w/150w	cái	ISO 9001: 2015	250w/150w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	795.000
46	Vật tư ngành điện	Chấn lưu đèn cao áp 400w/250w	cái	ISO 9001: 2015	400w/250w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.205.000
47	Vật tư ngành điện	Tụ kích 70-400 / Son/Metal 70w-400w	cái	ISO 9001: 2015	70w-400w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	265.000
48	Vật tư ngành điện	Tụ kích 1000 - EU Son/Metal 1000w	cái	ISO 9001: 2015	1000w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	490.000
49	Vật tư ngành điện	Tụ bù 8µf - 10µf	cái	ISO 9001: 2015	8µf - 10µf	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	120.000
50	Vật tư ngành điện	Tụ bù 16µf - 20µf	cái	ISO 9001: 2015	16µf - 20µf	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	150.000
51	Vật tư ngành điện	Tụ bù 28µf - 32µf	cái	ISO 9001: 2015	28µf - 32µf	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	210.000
52	Vật tư ngành điện	Tụ bù 75µf	cái	ISO 9001: 2015	75µf	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	390.000
53	Vật tư ngành điện	Bộ chuyển mạch (DIM)	cái	ISO 9001: 2015		Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	415.000
54	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3mm	cột	ISO 9001: 2015	7m-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	3.179.000
55	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3mm	cột	ISO 9001: 2015	8m-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.159.100

56	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3mm	cột	ISO 9001: 2015	9m-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.565.000
57	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3,5mm	cột	ISO 9001: 2015	9m-3,5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.016.000
58	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=10m tôn dày 4mm	cột	ISO 9001: 2015	10m-4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.567.100
59	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn rời cần đơn, H=11m tôn dày 4mm.	cột	ISO 9001: 2015	11m-4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.978.500
60	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn rời cần đơn, H=11,3m tôn dày 4mm. Mạ kẽm, sơn phủ	cột	ISO 9001: 2015	11,3m-4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	13.789.600
61	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 7m D78-3mm	cột	ISO 9001: 2015	7m D78-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.089.800
62	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 8m D78-3mm	cột	ISO 9001: 2015	8m D78-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.642.000
63	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 8m D78-3,5mm	cột	ISO 9001: 2015	8m D78-3,5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.465.240
64	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 9m D78-3,5mm	cột	ISO 9001: 2015	9m D78-3,5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.632.000
65	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 10m D78-4mm	cột	ISO 9001: 2015	10m D78-4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.413.000
66	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-01 cao 2m, vươn 1,5m	cột	ISO 9001: 2015	CD 01-2m-3mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.078.550
67	Vật tư ngành điện	Bộ cần đèn bắt vào cột bê tông	cột	ISO 9001: 2015		Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.100.000
68	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-02; CD-07; CD-14; CD-23; CD-32; CD-43; CD-45 cao 2m, vươn 1,5m	cần	ISO 9001: 2015	2m-1,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.408.000
69	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-02 cao 2m, vươn 1,5m	cần	ISO 9001: 2015	2m-1,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.755.160

70	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-03; CK-04; CK-22; CK-28; CK-32; CK-35 cao 2m, vươn 1,5m	cần	ISO 9001: 2015	2m-1,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.185.370
71	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-05 cao 2m, vươn 1,5m	cần	ISO 9001: 2015	2m-1,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.580.160
72	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 8m ngọn D78-3.5	cần	ISO 9001: 2015	2m-1,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	10.626.000
73	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 8m ngọn D78-4.0	cần	ISO 9001: 2015	DP01-1,38m, 8m D78,4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	11.396.000
74	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 9m ngọn D78-4.0	cột	ISO 9001: 2015	DP01-1,38m, 9m D78,4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	11.858.000
75	Vật tư ngành điện	Đế gang DP01 cao 1,38m thân cột thép cao 10m ngọn D78-4.0	cột	ISO 9001: 2015	DP01-1,38m, 10m D78,4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	12.474.000
76	Vật tư ngành điện	Đế gang DP05 cao 1,58m thân cột thép cao 9m ngọn D78-4.0	cột	ISO 9001: 2015	DP05-1,58m, 9m D78,4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	12.320.000
77	Vật tư ngành điện	Đế gang DP05 cao 1,58m thân cột thép cao 10m ngọn D78-4.0	bộ	ISO 9001: 2015	DP05-1,58m, 10m D78,4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	12.782.000
78	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 14m-141-4mm	cột	ISO 9001: 2015	14m-4mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	18.508.160
79	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 17m-143-5mm	cột	ISO 9001: 2015	17m-5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	26.424.530
80	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 20m-180-5mm	cột	ISO 9001: 2015	20m-5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	34.277.320
81	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 25m-260-5mm Giàn đèn pha di động lắp trên cột 25-30m không đèn	cột	ISO 9001: 2015	25m-5mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	200.818.200
82	Vật tư ngành điện	Cột đế gang thân nhôm C07 theo tiêu chuẩn 3,2m	cột	ISO 9001: 2015	3,2m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	7.397.495
83	Vật tư ngành điện	Cột C06 đế gang thân nhôm theo tiêu chuẩn 3,2m	cột	ISO 9001: 2015	3,2m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	4.155.687

84	Vật tư ngành điện	Cột C05 đế gang thân nhôm theo tiêu chuẩn 3,7m	cái	ISO 9001: 2015	3,7m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	9.372.000
85	Vật tư ngành điện	Cột đế nhôm thân nhôm C09 cao 4m	cái	ISO 9001: 2015	4m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	6.000.940
86	Vật tư ngành điện	Chùm CH05-2; Chùm CH06-4; Chùm CH1-2	cái	ISO 9001: 2015	635mm 800x860mm 1080mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.565.300
87	Vật tư ngành điện	Chùm CH08-4	cái	ISO 9001: 2015	970x1090mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	1.833.333
88	Vật tư ngành điện	Chùm CH09-1	cái	ISO 9001: 2015	600x1120mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.383.333
89	Vật tư ngành điện	Chùm CH09-2	cái	ISO 9001: 2015	1200x1120mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	3.941.667
90	Vật tư ngành điện	Chùm CH11-4	cái	ISO 9001: 2015	1064x620mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	3.098.333
91	Vật tư ngành điện	Chùm CH12-4	cái	ISO 9001: 2015		Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.658.333
92	Vật tư ngành điện	Cầu trang trí SV3A-D400	bộ	ISO 9001: 2015	D400	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	550.000
93	Vật tư ngành điện	Đèn cao áp 1 công suất 250W, Sodium - SLI-S6	bộ	ISO 9001: 2015	250w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.876.923
94	Vật tư ngành điện	Đèn cao áp 2 công suất 150/100, Sodium - SLI-S6	bộ	ISO 9001: 2015	150w/100w	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	3.046.154
95	Vật tư ngành điện	Cọc tiếp địa V63x63x6x2,5m	bộ	ISO 9001: 2015	V63x63x6x2,5m	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	587.000
96	Vật tư ngành điện	KM cột M16x240x240x500	bộ	ISO 9001: 2015	M16x240x240x500mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	390.500
97	Vật tư ngành điện	KM cột M24x300x300x675	bộ	ISO 9001: 2015	M24x300x300x675mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	624.000

98	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M24x1350x8	bộ	ISO 9001: 2015	M24x1350x8	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.953.500
99	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M30x1350x12	bộ	ISO 9001: 2015	M30x1350x12	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	5.170.000
100	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1000x600x350 100A	Tủ	ISO 9001: 2015	1200x600x350mm	Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	15.345.000
101	Vật tư ngành điện	Thiết bị đầu cuối thông tin di động truyền/nhận tín hiệu điều khiển SL1412: Nối trực tiếp với bộ nguồn Led (Driver) và gắn trên từng bộ đèn đường LED và đèn pha LED	tủ	ISO 9001:2015 QCVN 12:2015/BTTTT QCVN 15:2015/BTTTT QCVN 117:2018/BTTTT		Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	2.950.000
102	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh có gắn bộ kết nối trung tâm thu phát tín hiệu điều khiển (Gateway) sử dụng 01 Sim điện thoại 4G và 01 ăngten đi kèm. Bộ kết nối trung tâm (Gateway) được kết nối trực tiếp với mạng internet để chuyển tín hiệu điều khiển về máy chủ, phần mềm và trung tâm điều khiển và quản lý chiếu sáng công cộng thông minh.	tủ	ISO 9001:2015 QCVN 73:2013/BTTTT		Công ty cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí bốc xếp tại chân công trình, giao hàng tại kho bên bán 1146 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, TP Hà Nội	62.500.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN VÀ CHIẾU SÁNG PHÚ THẮNG **Địa chỉ: Tòa nhà Phú Thắng, 49 Lê Đức Thọ, Từ Liêm, Hà Nội** **Địa chỉ nhà máy: Lô CN1 Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội** **Số điện thoại: 0981.236.707**								
	Đèn LED dùng cho chiếu sáng đường phố - Phú Thắng (có thể tích hợp thêm hệ thống sử dụng Năng lượng mặt trời và Điều khiển thông minh)								
1	Vật tư ngành điện	Đèn LED STAR 804 công suất 60W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.444.550
2	Vật tư ngành điện	Đèn LED STAR 804 công suất 100W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.142.850
3	Vật tư ngành điện	Đèn LED STAR 804 công suất 150W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.811.180
4	Vật tư ngành điện	Đèn LED STAR 705 công suất 75W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.102.890
5	Vật tư ngành điện	Đèn LED STAR 705 công suất 100W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.111.880

6	Vật tư ngành điện	Đèn LED STAR 705 công suất 125W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.220.770
7	Vật tư ngành điện	Đèn LED STAR 705 công suất 150W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.609.380
8	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 40W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.194.800
9	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 45W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.244.750
10	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 50W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.294.700
11	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 60W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.494.500
12	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 75W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.994.000
13	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 80W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.243.750
14	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 100W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.092.900
15	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 120W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.692.300
16	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 125W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.479.512

17	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 150W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.691.300
18	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 180W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.190.800
19	Vật tư ngành điện	Đèn LED CIRCLE công suất 200W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.990.000
20	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 40W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.494.500
21	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 45W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.544.450
22	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 50W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.594.400
23	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 60W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.794.200
24	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 75W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.293.700
25	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 80W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.543.450
26	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 100W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.392.600
27	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 120W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.992.000

28	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 125W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.779.212
29	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 150W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.991.000
30	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 180W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.490.500
31	Vật tư ngành điện	Đèn LED TRIANGLE công suất 200W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.289.700
32	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 40W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.694.300
33	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 45W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.744.250
34	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 50W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.794.200
35	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 60W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.994.000
36	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 75W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.493.500
37	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 80W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.743.250
38	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 100W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.592.400

39	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 120W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.191.800
40	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 125W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	8.979.012
41	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 150W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.190.800
42	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 180W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.690.300
43	Vật tư ngành điện	Đèn LED DOLPHINTAIL công suất 200W-DIM	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.489.500
	Bộ đèn LED NLMT - Phú Thắng								
1	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 40W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.040.950
2	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 45W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.545.445
3	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 50W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.845.145
4	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 60W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	9.980.010
5	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 75W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.689.300
6	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 80W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	12.237.750

7	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 100W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	13.086.900
8	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 120W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	14.935.050
9	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 125W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	15.634.350
10	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 150W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	16.033.950
11	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 180W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	15.984.000
12	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT - PT.Solar.01 - 200W	bộ	TCVN 7722-1:2017/IEC 60598-1:2014, TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011 VÀ TCVN 4255:2008/IEC 60529:2001 (SP.008.23.27)	Vỏ nhôm/ hợp kim	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	18.231.750
	Cột thép liền cần đơn mạ kẽm nhúng nóng - Phú Thắng								
1	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn liền cần đơn, H=6m tôn dày 3mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.076.920
2	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.401.595
3	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3.5mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.095.900
4	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.295.700
5	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3.5mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.695.300
6	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3.5mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.244.750
7	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn liền cần đơn, H=9m tôn dày 4mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.494.500
8	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn liền cần đơn, H=10m tôn dày 3.5mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.694.300
9	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn liền cần đơn, H=10m tôn dày 4mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.994.000
10	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn liền cần đơn, H=11m tôn dày 4mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.493.500

	Cột thép đầu ngọn D78 mạ kẽm nhúng nóng - Phú Thắng								
1	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 5m D78-3mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.947.050
2	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 6m D78-3mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.006.990
3	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 6m D78-3.5mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.551.445
4	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 7m D78-3.5mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.900.096
5	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 7m D78-4mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.501.494
6	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 8m D78-3.5mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.990.005
7	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 8m D78-4mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.299.695
8	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 9m D78-3.5mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	5.779.215
9	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 9m D78-4mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	6.208.785
10	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 10m D78-4mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.042.950
11	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác hoặc Tròn côn 11m D78-4mm.	Cột	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	7.898.094
	Cần đèn mạ kẽm nhúng nóng - Phú Thắng								
	Vật tư ngành điện	Cần đèn đơn PT01-D; PT03-D; PT04-D; PT05-D; PT6-D cao 2m, vươn 1,5m	Cái	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.635.480
	Vật tư ngành điện	Cần đèn đôi PT01-K; PT02-K; PT03-K; PT04-K; PT05-K; PT06- K cao 2m, vươn 1,5m	Cái	TCCS 01:2020/PT (XN.003.21)	Thép	Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.930.500
	Dây đôi mềm nhiều sợi - loại dẹt Cu/PVC/PVC 300/500 V - Phú Thắng								
1	Vật tư ngành điện	2x1,5 mm2	m	**QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN**		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	15.055
2	Vật tư ngành điện	2x2,5 mm2	m	**QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN**		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	24.591
	Cáp ngầm hạ thế (3+1) lõi, 0,6/1kV - DSTA - Phú Thắng								
1	Vật tư ngành điện	DSTA 3x10+1x6 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	189.143
2	Vật tư ngành điện	DSTA 3x16+1x10 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	290.225
3	Vật tư ngành điện	DSTA 3x25+1x16 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	442.262
4	Vật tư ngành điện	DSTA 3x35+1x25 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	575.854
5	Vật tư ngành điện	DSTA 3x50+1x25 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	797.002
6	Vật tư ngành điện	DSTA 3x50+1x35 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	843.188

7	Vật tư ngành điện	DSTA 3x70+1x35 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.140.625
8	Vật tư ngành điện	DSTA 3x70+1x50 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.199.949
9	Vật tư ngành điện	DSTA 3x95+1x50 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.551.227
10	Vật tư ngành điện	DSTA 3x95+1x70 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.645.808
11	Vật tư ngành điện	DSTA 3x120+1x70 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.983.689
12	Vật tư ngành điện	DSTA 3x120+1x95 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.105.290
13	Vật tư ngành điện	DSTA 3x150+1x95 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.504.595
14	Vật tư ngành điện	DSTA 3x150+1x120 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.616.083
15	Vật tư ngành điện	DSTA 3x185+1x95 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.003.267
16	Vật tư ngành điện	DSTA 3x185+1x120 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.117.739
17	Vật tư ngành điện	DSTA 3x185+1x150 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.249.927
18	Vật tư ngành điện	DSTA 3x240+1x120 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.915.713
19	Vật tư ngành điện	DSTA 3x240+1x150 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.048.943
	Cáp ngầm hạ thế 4 lõi, 0,6/1kV - DSTA - Phú Thắng								
1	Vật tư ngành điện	DSTA 4x6 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	133.372
2	Vật tư ngành điện	DSTA 4x10 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	208.196
3	Vật tư ngành điện	DSTA 4x16 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	317.705
4	Vật tư ngành điện	DSTA 4x25 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	485.284
5	Vật tư ngành điện	DSTA 4x35 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	664.187
6	Vật tư ngành điện	DSTA 4x50 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	902.121
7	Vật tư ngành điện	DSTA 4x70 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.295.692
8	Vật tư ngành điện	DSTA 4x95 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	1.766.775
9	Vật tư ngành điện	DSTA 4x120 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.216.471

10	Vật tư ngành điện	DSTA 4x150 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	2.748.437
11	Vật tư ngành điện	DSTA 4x185 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	3.415.295
12	Vật tư ngành điện	DSTA 4x240 mm2	m	QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển từ KCN Thạch Thất, thành phố Hà Nội đến chân công trình trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	4.481.574
	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN MẠNH PHƯƠNG **Địa chỉ công ty: CA-11.09, Tháp T3, Đảo Kim Cương, Số 1 Đường số 104-BBT, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh** **Trung tâm phân phối miền bắc: 524 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội** **Số điện thoại: 02839241602-0909907756**								
1	Vật tư ngành điện	Led bulb nhựa 9W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LBD-9T/ V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	46.944
2	Vật tư ngành điện	Led bulb nhựa 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LBD-12T/ V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 80 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	57.500
3	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-7T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	99.630
4	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 12W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-12T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	142.870
5	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 18W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL-18T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	287.500
6	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 6W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-6T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	117.222
7	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 9W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-9T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	151.852
8	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 6W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-6T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	99.630
9	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 9W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-9T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	110.556
10	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	142.870
11	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	195.185
12	Vật tư ngành điện	Led Panel đa năng 12W 3 màu MRPL-12/3C	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	324.167
13	Vật tư ngành điện	Led Panel đa năng 18W 3 màu MRPL-18/3C	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	456.759

14	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 6W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLEL-6T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	71.944
15	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 9W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLEL-9T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	84.630
16	Vật tư ngành điện	LBD3-7T	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	40.093
17	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLE-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	190.926
18	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	112.963
19	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	154.722
20	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	126.019
21	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	168.426
22	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 24W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-24T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	249.630
23	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 8W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-8T/V/N	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	254.167
24	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-12T/V/N	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	303.519
25	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 7W SSL-7V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	382.037
26	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 12W SSL-12V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	413.333
27	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	478.148
28	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	804.907
29	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 24W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-25T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	895.278
30	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần (Dạng hộp, vuông) 2x7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) DLS-207T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	714.630
31	Vật tư ngành điện	Led tấm 20W 300x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-3030T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	468.981

32	Vật tư ngành điện	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-6060T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	744.630
33	Vật tư ngành điện	Led tấm 20W 300x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-3030T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	468.981
34	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-6060T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	744.630
35	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 120x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-12030T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	864.352
36	Vật tư ngành điện	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-12030T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	864.352
37	Vật tư ngành điện	Led tube bóng thủy tinh 1x9W 0.6m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT-110T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	89.352
38	Vật tư ngành điện	Led tube bóng thủy tinh 1x18W 1.2m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT-120T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	113.056
39	Vật tư ngành điện	Led tube bóng thủy tinh 2x9W 0.6m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT-210T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	6 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	172.222
40	Vật tư ngành điện	Led tube bóng thủy tinh 1x28W 1.2m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT3-120T	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	146.667
41	Vật tư ngành điện	Led chống thấm (IP65) 20W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LWP2-20T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9; IP 65 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	493.981
42	Vật tư ngành điện	Led chống thấm (IP65) 40W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LWP2-40T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9; IP 65 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	771.389
43	Vật tư ngành điện	Led pha 50W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-50T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	543.426
44	Vật tư ngành điện	Led pha 100W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-100T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.207.222
45	Vật tư ngành điện	Led pha 150W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-150T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.245.370
46	Vật tư ngành điện	Led pha 200W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-200T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/hộp 3 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.639.630
47	Vật tư ngành điện	Quạt hút âm tường AF2-150 (đường kính quạt 150mm) AF2-150	Cái	Motor sử dụng bạc đạn	1 cái/hộp 8 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	581.667
48	Vật tư ngành điện	Quạt hút âm tường AF2-200 (đường kính quạt 200mm) AF2-200	Cái	Motor sử dụng bạc đạn	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	650.833
49	Vật tư ngành điện	Quạt hút âm trần AFC2-130 (đường kính quạt 135mm) AFC2-130	Cái	Motor sử dụng bạc đạn	1 cái/hộp 6 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	560.556
50	Vật tư ngành điện	Quạt hút âm trần AFC2-250 (đường kính quạt 155mm) AFC2-250	Cái	Motor sử dụng bạc đạn	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	585.463
51	Vật tư ngành điện	Cầu dao 1 pha 16A MP6-C116	Cái	Cầu dao MCB 1P 16A 6kA	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	59.074
52	Vật tư ngành điện	Cầu dao 1 pha 20A MP6-C120	Cái	Cầu dao MCB 1P 20A 6kA	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	59.074
53	Vật tư ngành điện	Cầu dao 1 pha 25A MP6-C125	Cái	Cầu dao MCB 1P 25A 6kA	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	59.074
54	Vật tư ngành điện	Cầu dao 1 pha 32A MP6-C132	Cái	Cầu dao MCB 1P 32A 6kA	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	59.074
55	Vật tư ngành điện	Cầu dao 1 pha 40A MP6-C140	Cái	Cầu dao MCB 1P 40A 6kA	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	59.074

56	Vật tư ngành điện	Cầu dao 1 pha 50A MP6-C150	Cái	Cầu dao MCB 1P 50A 6kA	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	80.556
57	Vật tư ngành điện	Cầu dao 1 pha 63A MP6-C163	Cái	Cầu dao MCB 1P 63A 6kA	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	80.556
58	Vật tư ngành điện	Cầu dao 2 pha 16A MP6-C216	Cái	Cầu dao MCB 2P 16A 6kA	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	129.722
59	Vật tư ngành điện	Cầu dao 2 pha 20A MP6-C220	Cái	Cầu dao MCB 2P 20A 6kA	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	129.722
60	Vật tư ngành điện	Cầu dao 2 pha 25A MP6-C225	Cái	Cầu dao MCB 2P 25A 6kA	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	129.722
61	Vật tư ngành điện	Cầu dao 2 pha 32A MP6-C232	Cái	Cầu dao MCB 2P 32A 6kA	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	129.722
62	Vật tư ngành điện	Cầu dao 2 pha 40A MP6-C240	Cái	Cầu dao MCB 2P 40A 6kA	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	129.722
63	Vật tư ngành điện	Cầu dao 2 pha 50A MP6-C250	Cái	Cầu dao MCB 2P 50A 6kA	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	175.833
64	Vật tư ngành điện	Cầu dao 2 pha 63A MP6-C263	Cái	Cầu dao MCB 2P 63A 6kA	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	175.833
65	Vật tư ngành điện	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 16A RCBO-15/216	Cái	Cầu dao RCBO 2P 16A 15mA	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	418.704
66	Vật tư ngành điện	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 20A RCBO-30/220	Cái	Cầu dao RCBO 2P 20A 30mA	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	418.704
67	Vật tư ngành điện	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 32A RCBO-30/232	Cái	Cầu dao RCBO 2P 32A 30mA	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	418.704
68	Vật tư ngành điện	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 40A RCBO-30/240	Cái	Cầu dao RCBO 2P 40A 30mA	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	454.167
69	Vật tư ngành điện	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 63A RCBO-30/263	Cái	Cầu dao RCBO 2P 63A 30mA	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	642.593
70	Vật tư ngành điện	Cầu dao tự động 15A SB-15A	Cái	Cầu dao an toàn 15A	1 cái/hộp 50 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	57.222
71	Vật tư ngành điện	Cầu dao tự động 20A SB-20A	Cái	Cầu dao an toàn 20A	1 cái/hộp 50 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	57.222
72	Vật tư ngành điện	Ổ cắm sạc USB type A & type C, DC 5V-2.1A A6USB-A/C	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	6 cái/ hộp 324 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	345.926
73	Vật tư ngành điện	Ổ cắm 2 chấu A6US	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	30.741
74	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đôi 3 chấu A6UES2	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	4 cái/hộp 216 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	73.241
75	Vật tư ngành điện	Công tắc 1 chiều A6M/1	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	16.204
76	Vật tư ngành điện	Công tắc 2 chiều A6M/2	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	16.204
77	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đồng trục TV loại 75Ohm A6TV75	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	62.685
78	Vật tư ngành điện	Ổ cắm điện thoại 4 dây A6RJ64	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	62.685
79	Vật tư ngành điện	Ổ cắm mạng Lan 8 dây A6RJ88	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	137.130
80	Vật tư ngành điện	Nút nhấn chuông 3A A6MBP	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	51.019
81	Vật tư ngành điện	Dimmer điều chỉnh độ sáng đèn Led (200W) A6V200-LED	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	20 cái/hộp 200 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	575.000
82	Vật tư ngành điện	Led hightbay Nhà xưởng 100W HBV2-100T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.618.056
83	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBV2-150T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.971.574
84	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE-200T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.009.907
85	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 240W HBE-240T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.012.407
86	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 100W HBE2-100T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.860.833

87	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBE2-150T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.007.870
88	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE2-200T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.009.907
89	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng khẩn cấp 2x3W EML2	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 6 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	860.648
90	Vật tư ngành điện	Led downlight âm trần khẩn cấp 3W EM-AT	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	855.833
91	Vật tư ngành điện	Bộ nguồn khẩn cấp EM-LT	Cái	Công suất tối đa: 20W Dung lượng pin: 4000mAHx2	1 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.576.111
92	Vật tư ngành điện	Led thoát hiểm đa năng 1 mặt EX-P	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	735.093
93	Vật tư ngành điện	Led thoát hiểm đa năng 2 mặt EX-P	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	735.093
94	Vật tư ngành điện	Tủ điện âm tường 10-12 kênh TS-10	Cái	Tủ điện âm tường 10 đường dế sắt	1 Cái/ Hộp 20 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	281.019
95	Vật tư ngành điện	Tủ điện âm tường 11-14 kênh TS-14	Cái	Tủ điện âm tường 14 đường dế sắt	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	385.556
96	Vật tư ngành điện	Tủ điện âm tường 15-20 kênh TS-20	Cái	Tủ điện âm tường 20 đường dế sắt	1 Cái/ Hộp 6 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	564.259
97	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 50W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LST3-50T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 Cái/ Hộp 6 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.467.222
98	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 100W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-100N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.154.630
99	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 150W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-150N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.766.019
100	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 200W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-200N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.688.148
101	Vật tư ngành điện	Ống luồn PVC Ø16 320N A9016L	Cây	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD	50 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	16.574
102	Vật tư ngành điện	Ống luồn PVC Ø20 320N A9020L	Cây	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD	30 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	21.296
103	Vật tư ngành điện	Ống luồn PVC Ø25 320N A9025L	Cây	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD	25 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	35.185
104	Vật tư ngành điện	Ống luồn PVC Ø32 320N A9032L	Cây	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD	15 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	56.481
105	Vật tư ngành điện	Ống luồn PVC Ø16 750N A9016	Cây	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD	50 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	19.815
106	Vật tư ngành điện	Ống luồn PVC Ø20 750N A9020	Cây	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD	30 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	28.148

107	Vật tư ngành điện	Ống luồn PVC Ø25 750N A9025	Cây	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD	25 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	40.556
108	Vật tư ngành điện	Ống luồn PVC Ø32 750N A9032	Cây	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD	15 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	71.204
109	Vật tư ngành điện	Ống luồn dây điện đàn hồi Ø16 màu trắng A9016CT	Cuộn	Nhựa PVC cao cấp Chống ăn mòn Tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD	50m/ Cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	138.056
110	Vật tư ngành điện	Ống luồn dây điện đàn hồi Ø20 màu trắng A9020CT	Cuộn	Nhựa PVC cao cấp Chống ăn mòn Tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD	50m/ Cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	178.241
111	Vật tư ngành điện	Mặt dùng cho 1 thiết bị 120x70mm A601	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	17.685
112	Vật tư ngành điện	Mặt dùng cho 2 thiết bị 120x70mm A602	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	17.685
113	Vật tư ngành điện	Mặt dùng cho 4,5,6 thiết bị 120x116mm A60456	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	17.685
114	Vật tư ngành điện	Module rời lắp SB A6SB	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	40 Cái/ Hộp 520 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.352
115	Vật tư ngành điện	Mặt dùng cho cầu dao an toàn 120x70mm A60SB	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	20 Cái/ Hộp 200 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	17.685
116	Vật tư ngành điện	Mặt dùng cho MCB 1 cực 120x70mm A60MCB1	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	17.685
117	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đôi 2 chấu đế liền 16A KT120x70mm mã A20US2N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	50.185
118	Vật tư ngành điện	Ổ cắm ba 2 chấu đế liền 16A KT120x70mm mã A20US3N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	61.667
119	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đôi 3 chấu đế liền 16A KT120x70mm mã A20UES2N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	50.185
120	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đôi đa năng đế liền 16A KT120x70mm mã A20UESM2N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	64.167
121	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đa năng + Ổ cắm đơn 16A KT120x70mm mã A20US2MN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	58.426
122	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đôi 2 chấu 16A + 1 Lỗ mã A20US2XN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	48.981
123	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đôi 2 chấu 16A + 2 Lỗ mã A20US2XXN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	48.981
124	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đơn đa năng 16A + 1 Lỗ mã A20USMXN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	50.093
125	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đơn đa năng 16A + 2 Lỗ mã A20USMXXN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	50.093
126	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đơn đa năng 16A KT120x70mm mã A20USMN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	47.037
II	**VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC**								
	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN Á ĐẠI THÀNH **Địa chỉ: Khu công nghiệp Thanh Liêm, Phường Châu Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam** **Số điện thoại: 02436877777** **Giá bán áp dụng từ ngày 15/4/2026**								
	Giá bán chi tiết tại phụ biểu kèm theo					Công ty cổ phần Nhựa Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	
	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN TÂN Á ĐẠI THÀNH **Địa chỉ: 124 Tôn Đức Thắng, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội** **Đại lý: TDP số 02, đường Nguyễn Tất Thành, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai** **Điện thoại: 0243 687 7777**								
	Giá bán chi tiết tại phụ biểu kèm theo					Công ty CP Đầu tư Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	

	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG **Địa chỉ: Số 2 An Đà, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam** **Điện thoại: 02253.813979**								
	Giá bán chi tiết tại phụ biểu kèm theo					Công ty CP Nhựa thiếu niên Tiền Phong	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	
	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP THUẬN PHÁT **Địa chỉ: Nhà số 22, Ngõ 8, phố Hoàng Ngọc Phách, phường Láng, thành phố Hà Nội** **Số điện thoại: 0962655955 - 0364906456**								
	Ống HDPE PE 100								
1	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN20 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN20 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	9.630
2	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN20 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN20 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	11.389
3	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN25 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN25 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	11.852
4	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN25 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN25 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	12.315
5	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN25 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN25 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	14.630
6	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN25 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN25 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	17.130
7	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN32 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN32 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	16.481
8	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN32 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN32 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	20.093
9	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN32 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN32 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	23.519
10	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN32 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN32 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	28.333
11	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN40 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN40 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	20.833
12	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN40 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN40 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	25.093
13	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN40 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN40 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	30.370
14	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN40 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN40 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	36.481
15	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN40 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN40 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	43.333
16	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN50 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN50 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	32.315
17	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN50 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN50 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	38.519
18	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN50 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN50 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	46.389
19	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN50 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN50 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	56.574
20	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN50 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN50 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	66.944
21	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN63 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN63 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	50.093
22	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN63 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN63 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	61.574
23	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN63 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN63 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	74.630
24	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN63 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN63 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	88.981
25	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN63 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN63 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	106.574
26	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN75 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	71.296
27	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN75 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	87.870
28	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN75 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	105.926

29	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN75 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	126.389
30	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN75 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	150.926
31	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN90 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	112.500
32	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN90 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	124.630
33	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN90 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	150.648
34	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN90 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	180.926
35	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN90 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	216.574
36	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN110 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	151.019
37	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN110 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	188.889
38	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN110 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	225.648
39	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN110 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	272.500
40	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN110 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	327.963
41	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN125 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	195.000
42	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN125 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	238.426
43	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN125 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	290.556
44	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN125 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	352.500
45	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN125 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	420.370
46	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN140 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	242.870
47	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN140 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	297.593
48	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN140 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	360.463
49	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN140 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	437.037
50	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN140 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	525.648
51	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN160 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	318.889
52	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN160 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	391.111
53	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN160 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	470.370
54	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN160 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	577.963
55	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN160 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	689.537
56	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN180 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	401.481
57	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN180 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	492.407
58	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN180 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	599.630
59	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN180 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	727.037
60	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN180 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	871.852
61	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN200 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	500.093

62	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN200 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	617.037
63	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN200 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	734.815
64	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN200 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	909.630
65	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN200 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.084.630
66	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN225 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	629.815
67	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN225 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	758.426
68	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN225 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	928.889
69	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN225 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.112.130
70	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN225 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.341.481
71	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN250 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	623.796
72	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN250 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	768.519
73	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN250 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	939.630
74	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN250 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.151.907
75	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN250 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.383.611
76	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN250 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.655.463
77	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN280 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	773.519
78	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN280 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	980.370
79	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN280 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.170.833
80	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN280 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.447.963
81	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN280 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.734.074
82	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN280 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.073.519
83	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN315 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.490.926
84	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN315 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.811.019
85	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN315 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.195.000
86	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN315 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.641.481
87	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN355 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.252.870
88	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN355 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.544.352
89	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN355 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.894.630
90	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN355 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.296.944
91	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN355 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.786.574
92	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN355 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.350.926
93	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN400 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.407.500
94	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN400 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.907.963
95	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN400 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.551.296

96	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN400 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.267.685
97	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN450 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.042.130
98	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN450 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.676.667
99	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN450 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.494.907
100	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN450 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.395.093
101	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN500 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN500 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.783.056
102	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN500 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN500 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.575.648
103	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN500 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN500 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.571.944
104	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN500 (PN20)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN500 (PN20)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	6.673.148
105	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN560 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN560 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.114.815
106	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN560 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN560 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	6.243.148
107	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN560 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN560 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	7.540.926
108	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN630 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN630 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.280.648
109	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN630 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN630 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.263.611
110	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN630 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN630 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	6.478.426
111	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN630 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN630 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	7.890.926
112	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN630 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN630 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	9.675.800
113	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN710 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN710 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.450.000
114	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN710 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN710 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	6.711.389
115	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN710 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN710 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	8.232.963
116	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN710 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN710 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.039.815
117	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 100 DN710 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN710 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	12.154.537
	Ống HPDE PE 80								
118	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN110 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	150.463
119	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN110 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	185.185
120	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN110 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	228.148
121	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN110 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	270.370
122	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN125 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	236.667
123	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN125 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	291.111
124	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN125 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	351.852
125	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN140 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	296.852
126	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN140 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	362.963
127	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN140 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	433.981
128	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN160 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	387.130

129	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN160 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	476.111
130	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN160 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	570.463
131	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN160 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	689.815
132	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN180 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	398.148
133	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN180 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	491.019
134	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN180 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	602.037
135	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN180 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	723.519
136	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN200 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	610.093
137	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN200 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	749.352
138	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN200 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	892.593
139	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN200 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.084.444
140	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN250 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	763.333
141	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN250 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	946.667
142	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN250 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.144.537
143	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN250 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.396.111
144	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN250 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.657.037
145	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN280 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	960.556
146	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN280 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.188.519
147	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN280 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.435.648
148	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN280 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.749.630
149	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN280 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.075.926
150	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN315 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.207.407
151	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN315 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.504.444
152	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN315 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.816.389
153	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN355 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.544.537
154	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN355 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.896.111
155	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN355 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.306.019
156	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN355 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.775.000
157	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN355 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.352.407
158	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN400 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.946.111
159	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN400 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.421.389
160	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN400 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.931.944
161	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN450 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.045.000

162	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN450 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.712.500
163	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN450 (PN16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.388.611
164	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN500 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN500 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.038.519
165	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN500 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN500 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.783.889
166	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN500 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN500 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.603.889
167	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN500 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN500 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.537.315
168	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN560 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN560 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.114.815
169	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN560 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN560 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	6.243.148
170	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN630 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN630 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	5.263.611
171	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN630 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN630 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	6.478.426
172	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN630 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN630 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	7.890.926
173	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN630 (PN12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN630 (PN12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	8.959.074
174	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN710 (PN6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN710 (PN6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	6.711.389
175	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN710 (PN8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN710 (PN8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	8.232.963
176	Vật tư ngành nước	Ống HDPE PE 80 DN710 (PN10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN710 (PN10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.039.815
	Ống u.PVC - Hệ số an toàn 2.5								
177	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN21 (NTC)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN21 (NTC)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	7.900
178	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN21 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN21 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	9.600
179	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN21 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN21 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.500
180	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN21 (PN 16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN21 (PN 16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	12.600
181	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN21 (PN 25)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN21 (PN 25)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	14.800
182	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN27 (NTC)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN27 (NTC)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	9.800
183	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN27 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN27 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	12.300
184	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN27 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN27 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	14.400
185	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN27 (PN 16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN27 (PN 16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	16.000
186	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN34 (NTC)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN34 (NTC)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	12.600
187	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN34 (PN 8.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN34 (PN 8.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	14.800
188	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN34 (PN 10.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN34 (PN 10.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	18.100
189	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN34 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN34 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	22.100
190	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN34 (PN 16.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN34 (PN 16.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	25.100
191	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN42 (NTC)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN42 (NTC)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	18.900
192	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN42 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN42 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	21.100
193	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN42 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN42 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	24.900
194	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN42 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN42 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	28.300

195	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN42 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN42 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	33.300
196	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN42 (PN 16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN42 (PN 16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	41.100
197	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN48 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN48 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	25.900
198	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN48 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN48 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	29.600
199	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN48 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN48 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	34.100
200	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN48 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN48 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	41.300
201	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN60 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN60 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	34.400
202	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN60 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN60 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	41.900
203	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN60 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN60 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	48.800
204	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN60 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN60 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	59.000
205	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN60 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN60 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	74.000
206	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN75 (NTC)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (NTC)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	40.300
207	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN75 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	47.000
208	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN75 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	53.300
209	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN75 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	69.400
210	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN75 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	86.000
211	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN75 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	108.100
212	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN75 (PN 16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN 16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	130.500
213	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN75 (PN 25)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN75 (PN 25)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	188.600
214	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN90 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	56.100
215	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN90 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	65.800
216	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN90 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	76.000
217	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN90 (PN 8.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN 8.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	99.600
218	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN90 (PN 10.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN 10.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	123.800
219	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN90 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	153.800
220	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN90 (PN 16.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN90 (PN 16.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	185.800
221	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN110 (PN 4.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN 4.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	84.000
222	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN110 (PN 5.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN 5.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	97.900
223	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN110 (PN 6.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN 6.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	111.400
224	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN110 (PN 8.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN 8.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	156.000
225	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN110 (PN 10.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN 10.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	186.800
226	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN110 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	230.500
227	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN110 (PN 16.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN110 (PN 16.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	279.400

228	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN125 (PN 4.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN 4.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	103.400
229	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN125 (PN 5.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN 5.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	121.000
230	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN125 (PN 6.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN 6.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	143.400
231	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN125 (PN 8.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN 8.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	181.900
232	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN125 (PN 10.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN 10.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	229.100
233	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN125 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	280.900
234	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN125 (PN 16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN125 (PN 16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	344.500
235	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN140 (PN 4.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN 4.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	128.500
236	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN140 (PN 5.0)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN 5.0)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	151.300
237	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN140 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	178.300
238	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN140 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	238.500
239	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN140 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	291.900
240	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN140 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	359.000
241	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN140 (PN 16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN140 (PN 16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	440.600
242	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN160 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	171.600
243	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN160 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	200.000
244	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN160 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	230.900
245	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN160 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	298.600
246	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN160 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	378.900
247	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN160 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	465.100
248	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN160 (PN 16)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN160 (PN 16)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	572.000
249	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN180 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	211.300
250	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN180 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	245.100
251	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN180 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	291.800
252	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN180 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	372.600
253	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN180 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	476.900
254	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN180 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN180 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	590.800
255	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN200 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	311.500
256	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN200 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	362.300
257	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN200 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	462.300
258	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN200 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	592.400
259	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN200 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN200 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	730.100
260	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN225 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	316.000

261	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN225 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	379.800
262	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN225 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	450.100
263	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN225 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	584.600
264	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN225 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	749.800
265	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN225 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN225 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	926.800
266	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN250 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	414.300
267	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN250 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	499.500
268	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN250 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	582.900
269	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN250 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	753.400
270	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN250 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	952.400
271	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN250 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN250 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.179.500
272	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN280 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	496.800
273	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN280 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	699.800
274	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN280 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	899.000
275	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN280 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN280 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.233.000
276	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN315 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	627.900
277	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN315 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	745.400
278	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN315 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	894.300
279	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN315 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.123.600
280	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN315 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.555.600
281	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN315 (PN 12.5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN315 (PN 12.5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.792.500
282	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN355 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	793.100
283	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN355 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	973.900
284	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN355 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.158.600
285	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN355 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN355 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.503.500
286	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN400 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	995.400
287	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN400 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.237.600
288	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN400 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.471.800
289	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN400 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.905.500
290	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN400 (PN 10)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN400 (PN 10)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.353.900
291	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN450 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.263.100
292	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN450 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.564.300
293	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN450 (PN 6)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN 6)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.866.400

294	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN450 (PN 8)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN450 (PN 8)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.410.000
295	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN500 (PN 4)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN500 (PN 4)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.656.600
296	Vật tư ngành nước	Ống u.PVC DN500 (PN 5)	m	QCVN 16:2023/BXD	DN500 (PN 5)	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.975.400
	Ống PPR								
297	Vật tư ngành nước	Ống PPR D25 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D25 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	49.500
298	Vật tư ngành nước	Ống PPR D32 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D32 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	64.200
299	Vật tư ngành nước	Ống PPR D40 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D40 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	86.100
300	Vật tư ngành nước	Ống PPR D50 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D50 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	126.300
301	Vật tư ngành nước	Ống PPR D63 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D63 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	200.700
302	Vật tư ngành nước	Ống PPR D75 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D75 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	279.100
303	Vật tư ngành nước	Ống PPR D90 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D90 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	407.300
304	Vật tư ngành nước	Ống PPR D110 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D110 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	651.900
305	Vật tư ngành nước	Ống PPR D125 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D125 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	807.500
306	Vật tư ngành nước	Ống PPR D140 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D140 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	996.400
307	Vật tư ngành nước	Ống PPR D160 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D160 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.359.700
308	Vật tư ngành nước	Ống PPR D180 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D180 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.142.300
309	Vật tư ngành nước	Ống PPR D200 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD	D200 PN10	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.599.400
310	Vật tư ngành nước	Ống PPR D25 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D25 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	60.200
311	Vật tư ngành nước	Ống PPR D32 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D32 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	88.600
312	Vật tư ngành nước	Ống PPR D40 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D40 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	137.200
313	Vật tư ngành nước	Ống PPR D50 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D50 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	213.200
314	Vật tư ngành nước	Ống PPR D63 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D63 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	336.000
315	Vật tư ngành nước	Ống PPR D75 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D75 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	465.500
316	Vật tư ngành nước	Ống PPR D90 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D90 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	695.900
317	Vật tư ngành nước	Ống PPR D110 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D110 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	979.700
318	Vật tư ngành nước	Ống PPR D125 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D125 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.318.200
319	Vật tư ngành nước	Ống PPR D140 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D140 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.674.400
320	Vật tư ngành nước	Ống PPR D160 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D160 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.226.600
321	Vật tư ngành nước	Ống PPR D180 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D180 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.500.800
322	Vật tư ngành nước	Ống PPR D200 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD	D200 PN20	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.310.700
	Ống HDPE gân sóng 2 lớp (tên gọi của sản phẩm theo quy chuẩn QCVN 16: 2019/BXD: Ống nhựa bằng chất dẻo (PE) thành kết cấu, bề mặt ngoài không nhẵn kiểu B, không hàn, dùng cho mục đích thoát nước chôn ngầm trong điều kiện không chịu áp, đường kính từ 150 mm đến 600 mm)								
323	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 150 SN 4	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 150 SN 4	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	136.500
324	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 200 SN 4	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 200 SN 4	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	244.500
325	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 250 SN 4	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 250 SN 4	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	375.300

326	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 300 SN 4	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 300 SN 4	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	504.400
327	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 400 SN 4	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 400 SN 4	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	852.800
328	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớpø 500 SN 4	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 500 SN 4	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.289.600
329	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 600 SN 4	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 600 SN 4	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.765.600
330	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 150 SN 8	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 150 SN 8	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	158.600
331	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 200 SN 8	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 200 SN 8	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	283.400
332	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 250 SN 8	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 250 SN 8	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	434.700
333	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 300 SN 8	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 300 SN 8	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	582.400
334	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 400 SN 8	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 400 SN 8	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	985.400
335	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 500 SN 8	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 500 SN 8	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.405.800
336	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE gân sóng 2 lớp ø 600 SN 8	m	QCVN 16:2019/BXD	ø 600 SN 8	Công ty CP ĐT Công Nghiệp Thuận Phát	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.619.800
	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HUY BẢO **Địa chỉ nhà máy: Lô CN3.2C, khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.** **Số điện thoại: 0387908952 - 0387556886**								
1	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN90	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	99.700
2	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN110	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	151.000
3	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN160	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	312.900
4	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN200	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	493.600
5	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN250	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	751.700
6	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PE dùng cho mục đích cấp thoát nước trong Điều kiện có áp suất. (loại PN10. PE100)	m	QCVN 16:2023/BXD	đường kính danh nghĩa DN315	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.192.700
7	Vật tư ngành nước	Ống nhựa gân xoắn 2 lớp bằng HDPE không nguyên sinh dùng trong hệ thống thoát nước không áp suất (SN8)	m	TCVN 11821-3:2017	đường kính trong danh nghĩa: Φ200	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	238.000
8	Vật tư ngành nước	Ống nhựa gân xoắn 2 lớp bằng HDPE không nguyên sinh dùng trong hệ thống thoát nước không áp suất (SN8)	m	TCVN 11821-3:2022	đường kính trong danh nghĩa: Φ800	Công ty TNHH đầu tư thương mại Huy Bảo	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	4.200.000
	CÔNG TY TNHH TM HƯNG TÍN **Địa chỉ: Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại: 0888 352 358**								
	SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM SỨ LONG HẦU								
	Bệt								
1	Vật tư ngành nước	Bệt liền khối Vinaloha - LH1-07N	Bộ	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	1.568.600
2	Vật tư ngành nước	Bệt hai khối Vinaloha - LH-15	Bộ	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	1.113.200
3	Vật tư ngành nước	Bệt hai khối Vinaloha - LH-504	Bộ	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	1.214.400
4	Vật tư ngành nước	Bệt liền khối Vinaloha - LH1-15	Bộ	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	1.973.400
5	Vật tư ngành nước	Bệt liền khối Vinaloha - LH1-26	Bộ	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	1.973.400

	Chậu rửa mặt								
1	Vật tư ngành nước	Bộ chậu vuông Vinaloha - LH-06	Bộ	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	910.800
2	Vật tư ngành nước	Chậu treo tường Vinaloha CT-01 - LH5-01	Cái	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	303.600
3	Vật tư ngành nước	Chậu treo tường Vinaloha CI-03 - LH5-03	Cái	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	303.600
4	Vật tư ngành nước	Chân chậu đứng Vinaloha - LH6-Đ01	Cái	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	303.600
5	Vật tư ngành nước	Chân chậu treo Vinaloha - LH6-T03	Cái	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	303.600
	Tiểu nam								
1	Vật tư ngành nước	Tiểu Nam treo tường Vinaloha - LH7-01	Cái	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	455.400
2	Vật tư ngành nước	Tiểu Nam treo tường Vinaloha - LH7-03	Cái	QCVN16:2023/BXD		Công ty CP Gốm sứ Long Hầu	Việt Nam	Giá bán tại Công ty Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai	870.300
	CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH **Số điện thoại liên hệ: 02163.852.630** **Thông tin về đại lý: Số nhà 349 đường Nguyễn Thái Học, tổ dân phố số 15, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai**								
1	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lít -Đứng	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.127.273
2	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lít - Đứng	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.645.455
3	Vật tư ngành nước	Loại 1.200 Lít - Đứng	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.289.256
4	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lít (1180) - Đứng	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.500.000
5	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lít (1180) - Đứng	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.127.273
6	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lít - Ngang	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.318.182
7	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lít - Ngang	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.227.273
8	Vật tư ngành nước	Loại 1.200 Lít - Ngang	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.709.091
9	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lít (1180) - Ngang	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.690.909
10	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lít (1180) - Ngang	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.790.909
11	Vật tư ngành nước	Loại 2.500 Lít (1180) - Ngang	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	5.763.636
12	Vật tư ngành nước	Loại 3.000 Lít (1180) - Ngang	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.681.818
13	Vật tư ngành nước	Loại 4.000 Lít (1180) - Ngang	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.636.364
14	Vật tư ngành nước	Loại 5.000 Lít (1180) - Ngang	cái	không có thông tin	Bồn nước Inox Việt Hà + SOCA	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	10.572.727
15	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lít	cái	không có thông tin	Bồn nhựa Việt Hà	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.127.273
16	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lít	cái	không có thông tin	Bồn nhựa Việt Hà	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.645.455
17	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lít (1180)	cái	không có thông tin	Bồn nhựa Việt Hà	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.500.000
18	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lít (1180)	cái	không có thông tin	Bồn nhựa Việt Hà	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.127.273
19	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lít	cái	không có thông tin	Bồn nhựa Việt Hà	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.318.182
20	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lít	cái	không có thông tin	Bồn nhựa Việt Hà	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.227.273
21	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lít (1180)	cái	không có thông tin	Bồn nhựa Việt Hà	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.572.727
22	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lít (1180)	cái	không có thông tin	Bồn nhựa Việt Hà	Việt Hà, Soca		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.481.818
23	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lít -Đứng	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.700.000
24	Vật tư ngành nước	Loại 700 Lít -Đứng	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.900.000
25	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lít - Đứng	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.418.182
26	Vật tư ngành nước	Loại 1.200 Lít - Đứng	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.672.727
27	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lít (1180) - Đứng	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.754.545
28	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lít (1180) - Đứng	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.809.091
29	Vật tư ngành nước	Loại 2.500 Lít (1180) - Đứng	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.045.455

30	Vật tư ngành nước	Loại 3.000 Lít (1180) - Đứng	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.909.091
31	Vật tư ngành nước	Loại 500 Lít - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.845.455
32	Vật tư ngành nước	Loại 700 Lít - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.045.455
33	Vật tư ngành nước	Loại 1.000 Lít - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.627.273
34	Vật tư ngành nước	Loại 1.200 Lít - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.909.091
35	Vật tư ngành nước	Loại 1.500 Lít (1180) - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.045.455
36	Vật tư ngành nước	Loại 2.000 Lít (1180) - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	5.200.000
37	Vật tư ngành nước	Loại 2.500 Lít (1180) - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.536.364
38	Vật tư ngành nước	Loại 3.000 Lít (1180) - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	7.454.545
39	Vật tư ngành nước	Loại 3.500 Lít (1180) - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.681.818
40	Vật tư ngành nước	Loại 4.000 Lít (1180) - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	9.681.818
41	Vật tư ngành nước	Loại 5.000 Lít (1180) - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.272.727
42	Vật tư ngành nước	Loại 6.000 Lít (1180) - Ngang	cái	TCCS 06:2014/TM	Bồn nước Tân Mỹ	Tân Mỹ		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	14.563.636
43	Vật tư ngành nước	Bệt C108 trắng	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.245.455
44	Vật tư ngành nước	Bệt C108 cóm	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.272.727
45	Vật tư ngành nước	Bệt C108 nắp êm	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.400.000
46	Vật tư ngành nước	Bệt C117 trắng	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.945.455
47	Vật tư ngành nước	Bệt C117 cốm	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.890.909
48	Vật tư ngành nước	Bệt C117 nắp êm	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.109.091
49	Vật tư ngành nước	Bệt C306 trắng	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.536.364
50	Vật tư ngành nước	Bệt C306 cốm	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.236.364
51	Vật tư ngành nước	Bệt C306 nắp êm	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.763.636
52	Vật tư ngành nước	Bệt C504 trắng	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.845.455
53	Vật tư ngành nước	Bệt C504 cốm	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.481.818
54	Vật tư ngành nước	Bệt AC504 VAN	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.945.455
55	Vật tư ngành nước	Bệt C801 Trắng	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.490.909
56	Vật tư ngành nước	Bệt C801 cốm	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.763.636
57	Vật tư ngành nước	Bệt C828 trắng	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.136.364
58	Vật tư ngành nước	Bệt C828 cốm	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.400.000
59	Vật tư ngành nước	Bệt AC602 VN	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.663.636
60	Vật tư ngành nước	Bệt AC 909 VRN-1/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.927.273
61	Vật tư ngành nước	Bệt AC-900VRN	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.127.273
62	Vật tư ngành nước	Bệt AC 918 VRN-1/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.400.000
63	Vật tư ngành nước	Bệt AC 939 VN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	7.118.182
64	Vật tư ngành nước	Bệt AC1008VRN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	11.190.909
65	Vật tư ngành nước	Bệt AC 959 VAN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	5.845.455
66	Vật tư ngành nước	Bệt AC 991 VRN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	7.709.091
67	Vật tư ngành nước	Bệt AC 991 R+CW-S15VN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.254.545
68	Vật tư ngành nước	Bệt AC- 2700 +CW-KA22A VN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	20.845.455
69	Vật tư ngành nước	Bệt AC-1035VN	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	14.263.636

70	Vật tư ngành nước	Bệt AC -702R+CW-S15VN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.090.909
71	Vật tư ngành nước	Bệt AC 939 +CW-S15VN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	7.572.727
72	Vật tư ngành nước	Bệt AC 1008 +CW-KA22A VN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	28.227.273
73	Vật tư ngành nước	Bệt AC 700+CW-S15	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.663.636
74	Vật tư ngành nước	Bệt AC 700VAN	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.800.000
75	Vật tư ngành nước	Bệt AC 710VAN	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.754.545
76	Vật tư ngành nước	Bệt AC-1035+CW-S15VN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	10.872.727
77	Vật tư ngành nước	Bệt AC 918 +CW-S15VN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.890.909
78	Vật tư ngành nước	Bệt AC 909 +CW-S15VN/BW1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	9.490.909
79	Vật tư ngành nước	Bệt AC 959 +CW-S15	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.463.636
80	Vật tư ngành nước	Bệt AC 1032VN	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	9.845.455
81	Vật tư ngành nước	AC969VN êm trắng	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.372.727
82	Vật tư ngành nước	AC902VN	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	7.963.636
83	Vật tư ngành nước	AC602VAN	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Bệt INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.554.545
84	Vật tư ngành nước	Chậu L284 trắng	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	609.091
85	Vật tư ngành nước	Chậu L284 cốm	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	636.364
86	Vật tư ngành nước	Chậu L282 trắng	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	518.182
87	Vật tư ngành nước	Chậu L288 trắng	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	645.455
88	Vật tư ngành nước	Chậu L297	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.136.364
89	Vật tư ngành nước	Chậu L2395	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.200.000
90	Vật tư ngành nước	Chậu L285	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	654.545
91	Vật tư ngành nước	Chậu L2396	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	863.636
92	Vật tư ngành nước	Chậu L2293	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	945.455
93	Vật tư ngành nước	Chậu L300	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.618.182
94	Vật tư ngành nước	Chậu L465	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.745.455
95	Vật tư ngành nước	Chậu L296	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.963.636
96	Vật tư ngành nước	Chậu L298	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.445.455
97	Vật tư ngành nước	Chậu L445	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.618.182
98	Vật tư ngành nước	Chậu L333	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.754.545
99	Vật tư ngành nước	Chậu L293	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.381.818
100	Vật tư ngành nước	Chậu L2397	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.890.909
101	Vật tư ngành nước	Chậu L294	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.036.364
102	Vật tư ngành nước	Chân chậu L298VC.VD	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	900.000

103	Vật tư ngành nước	Chân chậu L297VC	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	781.818
104	Vật tư ngành nước	Chân chậu L288 VD	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	627.273
105	Vật tư ngành nước	Chân chậu L284	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	590.909
106	Vật tư ngành nước	Tiểu U117V	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.409.091
107	Vật tư ngành nước	Tiểu U440	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.500.000
108	Vật tư ngành nước	Tiểu U-116	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	736.364
109	Vật tư ngành nước	Tiểu U-411	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh INAX (Chậu INAX)	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.018.182
110	Vật tư ngành nước	Sen cây BFV-1305S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sen cây	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.854.545
111	Vật tư ngành nước	Sen cây BFV-2015S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sen cây	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.818.182
112	Vật tư ngành nước	Sen tắm bồn BFV-7000B	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sen cây	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	5.281.818
113	Vật tư ngành nước	Sen cây BFV- 1205S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sen cây	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	5.318.182
114	Vật tư ngành nước	Sen nhiệt độ BFV- 7145T-3C	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sen cây	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	7.218.182
115	Vật tư ngành nước	Sen cây BFV- 70S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sen cây	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.245.455
116	Vật tư ngành nước	Sen cây 50S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sen cây	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	9.990.909
117	Vật tư ngành nước	Sen nhiệt độ BFV- 3413T-4C	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sen cây	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.727.273
118	Vật tư ngành nước	LFV-282S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.727.273
119	Vật tư ngành nước	LFV-1101S-1	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.163.636
120	Vật tư ngành nước	LFV-1102S-1	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.972.727
121	Vật tư ngành nước	LFV-1202S-1	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.127.273
122	Vật tư ngành nước	LFV-1201S-1	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.490.909
123	Vật tư ngành nước	LFV-212S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.672.727
124	Vật tư ngành nước	LFV-221S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.200.000
125	Vật tư ngành nước	LFV-222S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.981.818
126	Vật tư ngành nước	LFV-2012S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.600.000
127	Vật tư ngành nước	LFV-402S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.436.364
128	Vật tư ngành nước	LFV-112S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.409.091
129	Vật tư ngành nước	LFV-7100SH	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.209.091
130	Vật tư ngành nước	LFV-2002S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.718.182
131	Vật tư ngành nước	LFV -112SH	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.154.545
132	Vật tư ngành nước	LFV-211S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.945.455
133	Vật tư ngành nước	LFV-312S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.009.091
134	Vật tư ngành nước	LFV-21S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.109.091
135	Vật tư ngành nước	LFV-11A	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	772.727
136	Vật tư ngành nước	LFV-5000SH	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.481.818
137	Vật tư ngành nước	LFV- 8000SH2	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.063.636
138	Vật tư ngành nước	LFV- 2012S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.600.000
139	Vật tư ngành nước	LFV-1401S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.563.636
140	Vật tư ngành nước	LFV-1402S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.463.636
141	Vật tư ngành nước	LFV-1402SH	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.863.636
142	Vật tư ngành nước	LFV-1111S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.336.364
143	Vật tư ngành nước	LFV-1112S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.154.545
144	Vật tư ngành nước	LFV 4000S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.018.182
145	Vật tư ngành nước	BFV-1003S-2C	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.554.545
146	Vật tư ngành nước	BFV-1103S-4C	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.281.818
147	Vật tư ngành nước	BFV-1203S-4C	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.518.182
148	Vật tư ngành nước	BFV-2003S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.536.364
149	Vật tư ngành nước	BFV-223S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.972.727
150	Vật tư ngành nước	BFV-213S-1C	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.463.636
151	Vật tư ngành nước	BFV-313S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.718.182
152	Vật tư ngành nước	BFV-2013S	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.272.727
153	Vật tư ngành nước	BFV-1403S-4C	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.045.455
154	Vật tư ngành nước	BFV-1113S-4C	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.609.091
155	Vật tư ngành nước	BFV-1113S-8C	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.890.909
156	Vật tư ngành nước	BFV-3413T-8C	bộ	không có thông tin	Sen vòi Inax - Sản phẩm vòi	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.936.364
157	Vật tư ngành nước	SFV- 801S	cái	không có thông tin	Sản phẩm vòi rửa bát	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.527.273
158	Vật tư ngành nước	SFV- 802S	cái	không có thông tin	Sản phẩm vòi rửa bát	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.954.545
159	Vật tư ngành nước	SFV-30	cái	không có thông tin	Sản phẩm vòi rửa bát	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.390.909
160	Vật tư ngành nước	SFV-1013SX	cái	không có thông tin	Sản phẩm vòi rửa bát	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.436.364
161	Vật tư ngành nước	Bồn tắm yếm BFV-1702SL	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.036.364
162	Vật tư ngành nước	Gương KF- 6090 VA	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.245.455

163	Vật tư ngành nước	Gương KF- 5075 VA	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	745.455
164	Vật tư ngành nước	Gương KF- 4560 VA	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	636.364
165	Vật tư ngành nước	Gương KF- 6075 VA	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.118.182
166	Vật tư ngành nước	Gương KF- 5070 VA	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	745.455
167	Vật tư ngành nước	Van tiểu UF-7V	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.118.182
168	Vật tư ngành nước	UF-3VS	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.300.000
169	Vật tư ngành nước	Móc giấy VS KF-416V	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	636.364
170	Vật tư ngành nước	Móc treo khăn KF-417V	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	390.909
171	Vật tư ngành nước	Móc áo KF-411V	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	300.000
172	Vật tư ngành nước	Kệ gương KF-412V	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	545.455
173	Vật tư ngành nước	Kệ đựng ly KF- 413V	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	590.909
174	Vật tư ngành nước	Kệ xà phòng KF- 414V	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	636.364
175	Vật tư ngành nước	Ống thải A-675	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	518.182
176	Vật tư ngành nước	Ống thải nhựa A-325PL	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	145.455
177	Vật tư ngành nước	CFV 102A (xịt hang)	cái	không có thông tin	Sản phẩm khác	Inax		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	309.091
178	Vật tư ngành nước	Bệt BL5 Nano nung +Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.781.818
179	Vật tư ngành nước	Bệt V37 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.872.727
180	Vật tư ngành nước	Bệt V39 +Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.954.545
181	Vật tư ngành nước	Bệt V40 + Xịt VGXP6)	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.900.000
182	Vật tư ngành nước	Bệt C109 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.045.455
183	Vật tư ngành nước	Bệt V38 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.018.182
184	Vật tư ngành nước	Bệt V38M Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.181.818
185	Vật tư ngành nước	Bệt C0504 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.609.091
186	Vật tư ngành nước	Bệt V42 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.654.545
187	Vật tư ngành nước	Bệt V45 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.418.182
188	Vật tư ngành nước	Bệt V41 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.681.818
189	Vật tư ngành nước	Bệt V35 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	381.818
190	Vật tư ngành nước	Bệt V63 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.227.273
191	Vật tư ngành nước	Bệt V62 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.227.273
192	Vật tư ngành nước	Bệt V199 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.863.636
193	Vật tư ngành nước	Bệt V64 Nano nung+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.990.909
194	Vật tư ngành nước	Bệt V51 + Xịt VG826)	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt Két Liền)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.781.818
195	Vật tư ngành nước	Bệt VI107, BS107	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt két rời nắp rơi êm)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.045.455
196	Vật tư ngành nước	Bệt VI6	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt két rời nắp rơi êm)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.936.364
197	Vật tư ngành nước	Bệt VI88 ,VI66 +Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt két rời nắp rơi êm)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.936.364
198	Vật tư ngành nước	Bệt VT34,VT18M+Xịt VG826	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt két rời nắp rơi êm)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.936.364
199	Vật tư ngành nước	Bệt VI66,VI88	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt két rời nắp rơi êm)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.790.909
200	Vật tư ngành nước	Bệt VT18M,VT34	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt két rời nắp rơi êm)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.790.909

201	Vật tư ngành nước	Bệt VI28	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt két rời nắp rơi êm)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.772.727
202	Vật tư ngành nước	Bệt VI77	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt két rời nắp rơi êm)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.727.273
203	Vật tư ngành nước	Bệt VI44	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt két rời nắp rơi êm)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.727.273
204	Vật tư ngành nước	Bệt BTE	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Bệt két rời nắp rơi êm)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.690.909
205	Vật tư ngành nước	Chậu VTL2, VTL3, VI1T, VTL3N	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	381.818
206	Vật tư ngành nước	Chậu góc, chậu trẻ em	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	290.909
207	Vật tư ngành nước	Chậu Dương vành bàn đá CD1	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	754.545
208	Vật tư ngành nước	Chậu âm bàn đá CA2	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.027.273
209	Vật tư ngành nước	Chậu dương vành bàn đá CD6	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	754.545
210	Vật tư ngành nước	Chậu dương bàn đá CD15	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.145.455
211	Vật tư ngành nước	Chậu dương bàn đá CD17	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	909.091
212	Vật tư ngành nước	Chậu dương bàn đá CD19	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.145.455
213	Vật tư ngành nước	Chậu CD20, CD21	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	872.727
214	Vật tư ngành nước	Chậu dương bàn đá V42M	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.081.818
215	Vật tư ngành nước	Chậu dương bàn đá V72	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.354.545
216	Vật tư ngành nước	Chậu dương bàn đá BS415	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.145.455
217	Vật tư ngành nước	Chậu + Chân treo tường V50	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.136.364
218	Vật tư ngành nước	Chậu + chân treo tường VI5	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.018.182
219	Vật tư ngành nước	Chậu + chân treo tường V39	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	936.364
220	Vật tư ngành nước	Chậu V25 nano nung	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	909.091
221	Vật tư ngành nước	Chậu V26 nano nung	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	909.091
222	Vật tư ngành nước	Chậu V27 nano nung	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	909.091
223	Vật tư ngành nước	Chậu V28 nano nung	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	909.091
224	Vật tư ngành nước	Chậu V29 nano nung	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chậu rửa)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	909.091
225	Vật tư ngành nước	Tiểu nam treo tường TT1, tt3	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiểu nam, tiểu nữ)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	381.818
226	Vật tư ngành nước	Tiểu nam treo tường TV5	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiểu nam, tiểu nữ)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	981.818
227	Vật tư ngành nước	Tiểu nam treo tường T1	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiểu nam, tiểu nữ)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.381.818
228	Vật tư ngành nước	Tiểu Nam treo tường T9 dương	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiểu nam, tiểu nữ)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.554.545
229	Vật tư ngành nước	Tiểu Nam treo tườngT9 âm	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiểu nam, tiểu nữ)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.790.909

230	Vật tư ngành nước	Tiểu nam đứng TD4	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiểu nam, tiểu nữ)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.427.273
231	Vật tư ngành nước	Tiểu nam đứng BS604	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiểu nam, tiểu nữ)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.854.545
232	Vật tư ngành nước	Tiểu nữ VB3, VB5	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Tiểu nam, tiểu nữ)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	818.182
233	Vật tư ngành nước	Chân chậu VL1T, VI5	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Chân chậu)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	381.818
234	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VG112	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen cây)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.600.000
235	Vật tư ngành nước	Sen cây 2 bát sen VG592 (VG583)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen cây)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.990.909
236	Vật tư ngành nước	Vòi chậu cao 1 lỗ nóng lạnh VG125	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen cây)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.009.091
237	Vật tư ngành nước	Vòi chậu cao 1 lỗ nóng lạnh VG126	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen cây)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.036.364
238	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VSD1012(VG105)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen cây)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.381.818
239	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VG143	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen cây)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.854.545
240	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VG143.1	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen cây)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.518.182
241	Vật tư ngành nước	Sen cây có vòi 2 bát sen VG593	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen cây)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.772.727
242	Vật tư ngành nước	Sen cây không vòi 2 bát sen VG581	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen cây)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.936.364
243	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VG118	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.090.909
244	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VG119	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.463.636
245	Vật tư ngành nước	Sen tắm có vòi với thanh trượt VG519	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.254.545
246	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VG141	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.718.182
247	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh chân caoVG141.1	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.036.364
248	Vật tư ngành nước	Sen tắm nóng lạnh dây sen nhựaVG541	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.736.364
249	Vật tư ngành nước	Sen tắm nóng lạnh dây sen nhựa VG541.1	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.254.545
250	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VG142	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.854.545
251	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh chân caoVG142.1	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.618.182

252	Vật tư ngành nước	Sen tắm nóng lạnh dây sen nhựa VG542	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.181.818
253	Vật tư ngành nước	Sen gép nóng lạnh có vòi VG511.1	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.390.909
254	Vật tư ngành nước	Sen gép nóng lạnh có vòi VG515.1	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.254.545
255	Vật tư ngành nước	Vòi chậu cảm ứng nóng lạnh dùng bằng pin VG1023	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.345.455
256	Vật tư ngành nước	Vòi cảm ứng lạnh dùng pin VG1028C(VG1028)	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	5.209.091
257	Vật tư ngành nước	Vòi cảm ứng NL dùng pin VG1028M, VG1028.1	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	5.718.182
258	Vật tư ngành nước	Bộ xả tiểu c.ứng dương tường pin VGHX02(VG842)	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.245.455
259	Vật tư ngành nước	Bộ xả tiểu cứng âm tường pin VGHX03(VG843)	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.618.182
260	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh VG302(VSD302)	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.245.455
261	Vật tư ngành nước	Sen tắm nóng lạnh VG502(VSD502)	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.554.545
262	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VG168	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.136.364
263	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh VG368	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.390.909
264	Vật tư ngành nước	Sen tắm nóng lạnh gắn tường VG568	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.881.818
265	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VG111	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.272.727
266	Vật tư ngành nước	Sen tắm nóng lạnh gắn tường VG511	củ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.036.364
267	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VG114	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.127.273
268	Vật tư ngành nước	Sen tắm nóng lạnh gắn tường VG514	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.663.636
269	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh VG315	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.381.818
270	Vật tư ngành nước	Sen tắm nóng lạnh gắn tường VG515	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.890.909
271	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VSD102	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	927.273
272	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh VSD302	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.245.455
273	Vật tư ngành nước	Sen tắm nóng lạnh gắn tường VSD502	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.554.545

274	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh VSD104(VG104)	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	963.636
275	Vật tư ngành nước	Sen tắm nóng lạnh gắn tường VSD504(VG504)	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi - sen thành trượt)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.781.818
276	Vật tư ngành nước	Vòi rửa bát gắn tường cần mềm lạnh VG718/M	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi rửa bát)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	590.909
277	Vật tư ngành nước	Vòi rửa bát gắn tường cần mềm nóng lạnh VG712/M	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi rửa bát)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.481.818
278	Vật tư ngành nước	Vòi rửa bát VG706,VG707	bộ	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi rửa bát)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	636.364
279	Vật tư ngành nước	Vòi rửa bát nóng lạnh gắn chậu VSD7031	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi rửa bát)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.445.455
280	Vật tư ngành nước	Vòi rửa bát gắn tường nóng lạnh VG701	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi rửa bát)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.245.455
281	Vật tư ngành nước	Vòi rửa bát gắn tường NL VG713(đầu cấp nước Ro)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi rửa bát)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.590.909
282	Vật tư ngành nước	Vòi rửa bát gắn chậu nóng lạnh VG714	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi rửa bát)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.063.636
283	Vật tư ngành nước	Vòi rửa bát gắn chậu nóng lạnh VG743	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm vòi rửa bát)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.918.182
284	Vật tư ngành nước	Bộ xả tiểu nhân không có giảm áp VGHX05	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	836.364
285	Vật tư ngành nước	Bộ xả tiểu nhân không có giảm áp VG841	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	936.364
286	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 đường lạnh VG106,VG103	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	681.818
287	Vật tư ngành nước	Vòi chậu 1 đường lạnh VG109	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	790.909
288	Vật tư ngành nước	Vòi chậu liền sen nóng lạnh VG326	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.600.000
289	Vật tư ngành nước	Vòi tiểu nữ VG700(VG101)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	936.364
290	Vật tư ngành nước	Sen tắm 1 đường lạnh VG508	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	672.727
291	Vật tư ngành nước	Sen tắm 1 đường lạnh VG503	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	836.364
292	Vật tư ngành nước	Vòi sịt đồng mạ Crôm VGXP2.1(VG822)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	790.909
293	Vật tư ngành nước	Vòi sịt nhựa VGXP6(VG826)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	200.000
294	Vật tư ngành nước	Vòi máy gặt (Vòi hồ) VSD110(VG110)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	281.818
295	Vật tư ngành nước	Syphong lật 1 VGSP3(VG813)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	536.364

296	Vật tư ngành nước	Syphong lật 2 VGSP4(VG814)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	418.182
297	Vật tư ngành nước	Bộ phụ kiện đồngVGPK05(VG95) (6 món)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	2.054.545
298	Vật tư ngành nước	Bộ cốc đôi VGPK05-1(VG9562)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	436.364
299	Vật tư ngành nước	Bộ đĩa đựng xà phòng VGPK05-2(VG954)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	281.818
300	Vật tư ngành nước	Móc treo khăn VGPK05-3(VG9552)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	254.545
301	Vật tư ngành nước	Hộp đựng giấy VGPK05-4(VG9511)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	318.182
302	Vật tư ngành nước	Gá kính VGPK 05-5(VG952)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	509.091
303	Vật tư ngành nước	Vắt khăn đơn VGPK05-6(VG9531)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	545.455
304	Vật tư ngành nước	Vắt khăn đôi VGPK06.2(VG9632)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.200.000
305	Vật tư ngành nước	Móc treo giấy đôi VGPK06.5B(VG9612)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	763.636
306	Vật tư ngành nước	Móc treo áo đôi VGPK06.6(VG9652)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	327.273
307	Vật tư ngành nước	Vắt khăn giàn VGPK06.7(VG967)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.136.364
308	Vật tư ngành nước	Bộ phụ kiệnVGPK02 (VG92) mạ Cr(5 món)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	1.354.545
309	Vật tư ngành nước	Cốc đơn VGPK02-2(VG9261)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	345.455
310	Vật tư ngành nước	Bộ đĩa đựng xà phòng VGPK02-1(VG924)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	163.636
311	Vật tư ngành nước	Bộ hộp đựng giấy VGPK02-3(VG9211)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	218.182
312	Vật tư ngành nước	Bộ gá kính VGPK02-4(VG922)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	427.273
313	Vật tư ngành nước	Bộ vắt khăn đơn VGPK02-5(VG9231)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	363.636
314	Vật tư ngành nước	Bộ PK Inox 304 VGPK08(VG98)(5 món)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	709.091
315	Vật tư ngành nước	Gương (500x700x5) VSDG1,G2,G3(VG831,32,33)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	436.364
316	Vật tư ngành nước	Gương (450x600x5) VSDG4(VG834)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	363.636
317	Vật tư ngành nước	Gương (600x900x5) VSDG5(VG835)	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	609.091

318	Vật tư ngành nước	Chân vòi	cái	không có thông tin	Thiết bị vệ sinh VIGARACERA (Sản phẩm khác)	Viglacera		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	72.727

PHỤ LỤC III

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ II NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(GẠCH ỐP LÁT, SƠN, TÔN, CỬA KHUNG NHỰA NHÔM, VẬT LIỆU KHÁC,..)

(Kèm theo Văn bản số 4079/SXD-QLHĐXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai)

STT	Nhóm vật liệu (*)	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	ĐVT	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển(*)	Giá bán (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
I	**GẠCH ỐP LÁT**								
	CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH **Số điện thoại liên hệ: 02163.852.630** **Thông tin về đại lý: Số nhà 349 đường Nguyễn Thái Học, tổ dân phố số 15, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai**								
1	Gạch ốp lát	Ốp 10x20 9201,…,9212	viên	BIIa TCVN - 6415				Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	3.611
2	Gạch ốp lát	Ốp 15x17,3 18607,18608,18609,18610,18611,18612	viên	BIIa TCVN - 6415				Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.111
3	Gạch ốp lát	Ốp 15x15: 18002,18004,18007,18008	viên	BIIa TCVN - 6415				Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.704
4	Gạch ốp lát	Ốp mặt tiền 10x30 9716,…,9729,2701,...,2715	viên	BIIa TCVN - 6415				Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.574
5	Gạch ốp lát	Chân tường 12x40 Y11,…,Y17, Y025,..,Y039, 7121,…,7125	viên	BIIa TCVN - 6415				Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.630
6	Gạch ốp lát	Chân tường 12x50 Y527,…,Y648	viên	BIIa TCVN - 6415				Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	5.833
7	Gạch ốp lát	Chân tường 12x50 9000,…,9004	viên	BIIa TCVN - 6415				Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	6.574
8	Gạch ốp lát	Chân tường 12x60 2801,...,2806	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 12x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	9.722
9	Gạch ốp lát	Chân tường 12x60 9637,9635,9636	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 12x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.222
10	Gạch ốp lát	Sàn gỗ 15x60: 9501,9547,9506-5,9510-5	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 15x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	15.093
11	Gạch ốp lát	Sàn gỗ 15x80: 9312,9313,9314,9315,9325	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 15x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	22.778
12	Gạch ốp lát	Sàn gỗ 15x80 8889,8994,8996,8955	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 15x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	34.167
13	Gạch ốp lát	Sàn gỗ 15x80 8890,8991	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 15x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	31.667
14	Gạch ốp lát	Gạch 20x40 trơn ốp trang trí mặt tiền 9803,04,05	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 20x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	9.167
15	Gạch ốp lát	Gạch 20x40 dị hình ốp trang trí mặt tiền 9807,…,9850	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 20x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	10.000
16	Gạch ốp lát	Gạch 25x50: 101,9102,9103,9105,9106,9109	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	16.667
17	Gạch ốp lát	Gạch ốp 25x40 2510, 513, 210,(2200),240 ,270,..,272,7261,,7268,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.056
18	Gạch ốp lát	Gạch ốp 25x40 đỏ, đen 2519,2520	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.981
19	Gạch ốp lát	Gạch ốp 25x40 2274, 2275, 2280, 2281	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.611
20	Gạch ốp lát	Gạch ốp 25x40 2276, 2282	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	10.000
21	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 9574 (9500)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	11.944
22	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 Trang trí 9154, 9155	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	13.704
23	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 Trang trí 9156,…,9161	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	16.759
24	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 đỏ, đen	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	15.093
25	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 màu 9201,02,10,11,16,17,19,20,25,26,28,29,66,67,69,70,94,95, 97,98,9122,23,25,26,28,29,31,32,42,43,9145,46,48,49,51,52,9303,9304,9307,9308	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.870
26	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 dị hình 9222,23,45,..,.53,55,56,63,64,9110,11,13,14,15,16,19,20,9305,9306	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	13.056
27	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 điểm 9203,12,18,21,24,27,30,47,50,53,57..,71,96,99,9112,15,18, 21,27,30,33,24,44,47..,53,9309	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	16.481
28	Gạch ốp lát	Gạch 30x45 7001,…,7012	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x45	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.130
29	Gạch ốp lát	Gạch 30x60 9920,3918	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.167
30	Gạch ốp lát	Gạch 30x60 8412,13,25,26,32,35,38,39,47,51,52,54,55,57,58,60,73,8510,11,17,18,63,66,67,69,70,72,73,75,78,79,81,84,8623,24,,,32,33,35,36,38,39,9836,39,42,45,12988,15301,02,09,10,16,8641,42,,,47,48,50,51,53,9853,55,56,60,69,76	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	25.093
31	Gạch ốp lát	Gạch 30x60 9403,11,14,15,17,25,64,72,73,9543,44,61,62,70,..,78,94,9632,33,37,44,..47,59,61,62,67,68,70,71,9700,09,12,17,18,19,30,32,33,42,44,45,78,80,93,99,9828,29,31,32,34,37,40,43,48,49,51,..,58,61,62,64,65,67,70,71,74,86,88,90,91,93,94,9922,27,35,51,55,61,80,81,82,9205	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	24.444
32	Gạch ốp lát	Gạch 30x60 điểm 8512,19,64,68,71,74,77,80,82,85,8625,28,…,40,43,46,49,52,54,9830,33,35,38,41,44,50,52,56,59,63,66,68,72,75,89,92,95,9734,97,15311,12,15,8427,34,40,53,59,74,9416,21,62,65,74,9545,9603,63,69,12989,9206	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	31.574
33	Gạch ốp lát	Gạch 30x60:17310,04,13,14,22,23,17403, 17404,17419,17420	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	20.278

34	Gạch ốp lát	Gạch 30x60: 17406,07,10,11,13,14,22,23,17301,02,07,08,16,17,25,26,28,29,..44,53,54,56,57,59,60,62,63,65,66,68,69,17301,02,07,08,16,17,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	20.278
35	Gạch ốp lát	Gạch 30x60 17312,17306 Đầu viền	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	23.426
36	Gạch ốp lát	30x60 điểm 17303,305,309,311,315,318,324,327,333,336,339,342,345,358,361,367,17405,17408,17412,17415.17421,17358,17361,17385	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	26.852
37	Gạch ốp lát	30x60 Trang Trí 8657,...,8666	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	29.444
38	Gạch ốp lát	30x60 TP 9300,9302,9303,9304,9305	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	32.963
39	Gạch ốp lát	30x60 Yên Bình 9401,...9405	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.963
40	Gạch ốp lát	40x80 8243,8249,8247,8227,8241,8262,63,8307,8308,8313,8314,8333,8334,8338,8339	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	57.685
41	Gạch ốp lát	40x80 điểm 8244,8250,8248,8228,8242,8309,8315,8335,8340	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	101.481
42	Gạch ốp lát	40x80 17513,17514	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	47.500
43	Gạch ốp lát	40x80 TP 8714,...,8717,8720,8724,8725	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	99.815
44	Gạch ốp lát	30x90 8206,18207,18215,18216,18219, 18220	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x90	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	40.370
45	Gạch ốp lát	30x90 điểm 18208,18218,18221	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x90	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	54.630
46	Gạch ốp lát	60x120 8300,..,8306,8310,8311,8312,...,8320,8335,8336,8338,8342,8366,8369,8370	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x120	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	286.574
47	Gạch ốp lát	60x120 8307,8337,8368	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x120	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	312.037
48	Gạch ốp lát	60x120 8312	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x120	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	338.519
49	Gạch ốp lát	Gạch lát 25x25 284,…,290,2111,…,2119,291,…,299,2305,…,2309,7431,,7437	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 25x25	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	4.722
50	Gạch ốp lát	Gạch lát 30x30 mài thường: 2601,..,2609,2305,..,2392,2201,..,2228, 2103,,2109,2680.,91	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x30	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	7.870
51	Gạch ốp lát	Gạch lát 30x30 sói 9190,…,9196	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x30	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	9.444
52	Gạch ốp lát	Gạch lát 30x30 sói 9145,…,9189	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x30	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	9.444
53	Gạch ốp lát	30x30 KTS 8512,,8530,9314,9328,9346,9343,9083,9085,9095,9325,7731,9314,…,9320,9300,9381,…9389.7360,…,7380.8008,9007,8010,8011,8542,8545,9107,08,09,10,11,9030...,9091,9111,9123,9128	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 30x30	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.222
54	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40: 2002,003,006,208,209,219,246,248,255,262,264,265,266,282,283,284,290,291,292,293,294,295,299,2302,307,309,311,314,315,317,333,324	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.130
55	Gạch ốp lát	Gạch 40x40: 2201,202,206,207,240,242,249,253,254,256,273,288,289,336,2408,501,703,711,757,7831,7832	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.130
56	Gạch ốp lát	Gạch 40x40: 505,506 L1	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.500
57	Gạch ốp lát	Gạch 40x40 KTS 17001,…17019	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.778
58	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 Cotto VP(105,108,109)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.778
59	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 Cotto PY(102,116,114,112,204,205)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.778
60	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 Cotto PY:18001,18002,18004,18005	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	14.444
61	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 Sân vườn 2454,2455,2528	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	14.444
62	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 Sân vườn:2507,28,2401,2461,2468,2469	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	14.444
63	Gạch ốp lát	Gạch lát 40x40 KTS 9202,05,06,07,36,37,45,…,53	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	12.778
64	Gạch ốp lát	40x40 SV 9242,44,61,75,92,93,94,99,9300	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	15.278
65	Gạch ốp lát	40x40 SV 9216,42,44,65,79,80,82,90,9303,09,10,11	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	15.278
66	Gạch ốp lát	40x40 SV 9220,28,39,64,85,88,89,91,95,9301,11,.. 26	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 40x40	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	15.278
67	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 Cotto	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	23.333
68	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 Không mài:2617,39,2024,32	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	20.556
69	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 HC 2863,2874,75,76,77,79,90,94,2900,2902,2904	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	21.481
70	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 HC 7555,2880,81,87,89,2892,93,95,..,99,2901,2903,05.,2926,7855,7856	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	21.481
71	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 PY 2561,91,96,98,7557	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	21.481
72	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 PY 2662,2673..,2689,2540,2541,2580,2592,2594	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	21.481

73	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 PY 2572,76,81,85,93,2661,690,698,7556,7695	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	21.481
74	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 Kỹ thuật số Hoa Cương (94)(95),9419,27,64,89,9501,18,30,32,36,41,9590, 9616	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	22.870
75	Gạch ốp lát	50 KTS HC 9438,73,78,84,9516,17,72,77,78 SL 240h/ngày	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	22.963
76	Gạch ốp lát	50 KTS HC đầu (17) 17101,…,17122	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	22.407
77	Gạch ốp lát	Gạch lát 50x50 KTS Phố Yên (93) 9320,…,9390,9392,...,9396	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	22.870
78	Gạch ốp lát	50x50 KTS Sân Vườn 9391,9521,…,9552,9533,9400,…,9408,9571,67,68,9585,.., 9589	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	25.926
79	Gạch ốp lát	50x50 SV Vĩnh Phúc không mài 2660,...,2670	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	21.944
80	Gạch ốp lát	50x50 SV Vĩnh Phúc không mài suger 2672,2673	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	23.426
81	Gạch ốp lát	50x50 Kỹ thuật số Sân vườn 9580,81,82,83,84,9621	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	27.315
82	Gạch ốp lát	50x50 Bán sứ 9300,…,9306,2630,…,2640,9603....,9626	viên	BIIa TCVN - 6415	Prime 50x50	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	30.278
83	Gạch ốp lát	60x60 K1 9661,63,66,67,69,71,72,74,75,76,9856,9861, 15606,15608,9001,02,03,15,17,18,54,80,92,9101,04,05,09, 17,19,56,57,12021,25,15616,.,18,,9227,9233,9235,9237,92 39,9241,9244,9290	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	60.741
84	Gạch ốp lát	60x60 K0 9892,94,96,12018,19,33,35,37,39,41,51,9010,11,14,28,32, 43,74,76,78,9110,11,12,15,17,17,58,54,63,64,65,9202,925 1,9253,9261,9262,9264,13033,15010,9500,...,9501	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	60.741
85	Gạch ốp lát	60x60K0:17000,,17010,17015,16,17,28,30,17120,…17126 ,17128,17130,17151,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	59.074
86	Gạch ốp lát	Gạch 60x60 K2 9710,...,9716,9735,...,9742,9744,...,9749,9770...,9779,9790 ,1201,..,1206,12010,23,26,12815,22,12746,49,9848,67,97, 98,9994,9123,9600,9864,9615	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	70.370
87	Gạch ốp lát	60x60 Mát 9711,12,9717,…,9720,24,26,9388,12718,19, 9030,31,34,36,37,38,9245,9246,17021,17023	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	67.870
88	Gạch ốp lát	60x60 Suger, Caving 8200,…,06,07,8269,..,82,85,8490,15620,8480,17011	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	85.370
89	Gạch ốp lát	Gạch lát 60x60 K3 8601,…,8620,11601,04,22,11917,...,11620,9087,9743,978 6,9625,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	72.407
90	Gạch ốp lát	Gạch lát 60x60 C Phổ Yên: 9630,…,9696,9630,1,…,9696.1	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	38.704
91	Gạch ốp lát	Gạch lát 60 C Phổ Yên 17001,…,17017,17001.1,…,17017.1,17501,…,17509,1750 1.1,…,17509.1,17701,17701.1,17710,....17714	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	36.667
92	Gạch ốp lát	Gạch lát 60x60 C Phổ Yên 17700	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	37.685
93	Gạch ốp lát	Gạch lát 60x60 SV C Phổ Yên 9901,...,9915	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	43.148
94	Gạch ốp lát	Gạch lát 60x60 P Phổ Yên 9101,...9112	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x60	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	47.037
95	Gạch ốp lát	Gạch lát 80x80 2860,,2862,11844 8801,,8803.,10,11,8912,18,,24,8500,..8505, 8704,8716, 8729,.,8742,8750,8752,8602	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 80x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	175.185
96	Gạch ốp lát	Gạch lát 80x80 8834,8835	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 80x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	185.370
97	Gạch ốp lát	Gạch lát 80x80 Suger,Caving 8943,8944,8600,…,8612,18600,...18602,8618,8671,18508, 18509	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 80x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	200.648
98	Gạch ốp lát	Gạch lát 80x80: 7500,17510,17860,..,17864	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 80x80	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	149.815
99	Gạch ốp lát	60x86 9136,37,38,39	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x86	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	76.111
100	Gạch ốp lát	60x86: 9104,05,11,14, 17,.,28,.,30,17016,17,18	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x86	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	77.130
101	Gạch ốp lát	60x86 9131,...9135	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x86	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	71.019
102	Gạch ốp lát	60x86: 9116,18,09,23,17010,13,15,..19	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x86	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	71.019
103	Gạch ốp lát	60x86 17008,17009,17014	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 60x86	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	71.019
104	Gạch ốp lát	Gạch ốp 50x86 9901,…,9913	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 50x86	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	46.296
105	Gạch ốp lát	Gạch ốp 50x86: 9914,9918,9921,22,.,32,.35	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 50x86	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	47.130
106	Gạch ốp lát	Gạch ốp 50x86 9914,…,9924,9926,…,9932,9934,…,9940	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Prime 50x86	Prime		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	47.130
107	Gạch ốp lát	8010, 8011, 8020, 8021, 8022, 8023, 8034, 8036	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	112.222
108	Gạch ốp lát	8052, 8053,...,8066	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	115.278
109	Gạch ốp lát	8046, 8047, 8048, 8049,80101,...,80105	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	122.130
110	Gạch ốp lát	8012,8015,.,8024,8030,8031,8032,8033,8035,8037,8798,8 799,8058,8025,8026,8027,8028,8029,8070,8071,8072,808 7,80075, 80076	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	145.278
111	Gạch ốp lát	8038, 8039,…, 8045	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	172.037

112	Gạch ốp lát	8101, 8102, 8103, 8104 (Viên điểm)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	138.889
113	Gạch ốp lát	8081, 8082, 8085,8086	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	186.204
114	Gạch ốp lát	6111, 6112, 6116, ...,6137,6251,6252,6253,6254, 1038,...,61041	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	35.185
115	Gạch ốp lát	6150, 6151, 6152, 6153, 6154, 6155, 6156	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	37.778
116	Gạch ốp lát	Sân vườn 6161,6162,6163,6164,6165	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	43.981
117	Gạch ốp lát	6301,...,6305	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	44.722
118	Gạch ốp lát	6201,..., 6206 décor	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	50.093
119	Gạch ốp lát	6039, 6042, 6043, 6044, 6067, 6068, 6069,70,71,72,73,74,75, 6911,16,17,18,29,33,37,38,40,42,43,45,47,48,49,69,6801,02,05,06,07,08,09,10,6955,56,57,58	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	49.444
120	Gạch ốp lát	6076,6077,6078,6959,6960,6961,6962,6079,6081,60082,69063,69064	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	50.741
121	Gạch ốp lát	6065, 6066	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	50.093
122	Gạch ốp lát	6010 (trắng tinh)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	52.037
123	Gạch ốp lát	6601, 6602, 6604, 6606, 6608, 6609,6788,6780,6784,6617,6620,6621,6622,66025,66026	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	58.333
124	Gạch ốp lát	6950,51,52,53	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	58.333
125	Gạch ốp lát	6607 (đen bóng)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	60.463
126	Gạch ốp lát	6651 (đen tia chớp)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	64.815
127	Gạch ốp lát	6630,6631,6632	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	60.463
128	Gạch ốp lát	6612,6615	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	60.463
129	Gạch ốp lát	6616,6652,..,6657,6661,62,63,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	68.056
130	Gạch ốp lát	6610,6611, 6618,6619	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	64.815
131	Gạch ốp lát	6670,6671,6672,6673,6674,6675	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	67.037
132	Gạch ốp lát	3101, 3102, 3103, 3104, 3105, 3106, 3107, 3108, 3150, 3151, 3152, 3153, 3154, 3155 (xương bán sứ, men matt)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	29.630
133	Gạch ốp lát	3180, 31, 81, 3182, 3183 (Viên điểm, xương bán sứ, men matt)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	39.444
134	Gạch ốp lát	3602,…,3605,3614, 3615, 3652, 3653, 3656, 3664, ….. 3666, 3688, 3689,3690,3901,04,1,..16,76……..,91	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.352
135	Gạch ốp lát	3801,…,08,12,..,16,18,20,21,23,25.3929,30,32,33,55,56,57,80,…,84,86,87,92,..,97.3667.80,81,83,..,86,91,92,94,95	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	20.000
136	Gạch ốp lát	3678,82,84,87,93,97,3931,3934	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	27.500
137	Gạch ốp lát	3982,85,88,94,97. 3809,10,11,17,19,22,25	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	27.500
138	Gạch ốp lát	3201,...,3209	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	27.130
139	Gạch ốp lát	3601, 3901(trắng tinh)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.352
140	Gạch ốp lát	3618, 3619, 3620, 3625, 3626, 3627, 3628, 3629, 3630, 3631, 3632, 3633,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.167
141	Gạch ốp lát	3920,3921,3922,3923,…..3925, 3959, 3960, 3961, 3966, 3967, 3968, 3969, 3970, 3971,39101,...,39108	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.167
142	Gạch ốp lát	3637,3638,3639,3640,3641,3642,3643,3644,3645,46,..51	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.167
143	Gạch ốp lát	3926,3927,3928,3908,3909,3910	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	19.167
144	Gạch ốp lát	4801, 4803, 4805, 4806	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 40x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	62.500
145	Gạch ốp lát	4802, 4804, 4807, 4808, 4809	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 40x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	67.963
146	Gạch ốp lát	5501, 5502, …, 5511,5512,...,5520	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 50x50	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	26.111
147	Gạch ốp lát	55501,...,55506,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 50x50	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	26.296
148	Gạch ốp lát	5555, 5556	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 50x50	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	30.093
149	Gạch ốp lát	1201	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x120	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	165.556
150	Gạch ốp lát	1203,1207,1208,1210	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x120	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	191.852
151	Gạch ốp lát	1202,1204,..,1206,1230,...,1235,1251,1252	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x120	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	238.889
152	Gạch ốp lát	3312,…, 3361,33101,33102	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x30	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	10.000
153	Gạch ốp lát	8010, 8011, 8020, 8021, 8022, 8023, 8034, 8036.	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	97.870
154	Gạch ốp lát	8052, 8053,...,8066	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	97.870
155	Gạch ốp lát	8046, 8047, 8048, 8049,80101,...,80105	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	102.500
156	Gạch ốp lát	8012,8015,..,8018, 024,8030,.,8035,8037,8798,8799,8058,8025,8026,8027,8028,8029,8070,8071,8072,8087,80075, 80076	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	112.500
157	Gạch ốp lát	8038, 8039,…, 8045	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	126.667
158	Gạch ốp lát	8101, 8102, 8103, 8104 (Viên điểm)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	109.444
159	Gạch ốp lát	8081, 8082, 8085,8086	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	145.278
160	Gạch ốp lát	6111, 6112, 6116, ...,6137,6251,6252,6253,6254, 1038,...,61041	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	32.037
161	Gạch ốp lát	6150, 6151, 6152, 6153, 6154, 6155, 6156	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	35.278
162	Gạch ốp lát	Sân vườn 6161,6162,6163,6164,6165	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	38.981
163	Gạch ốp lát	6301,...,6305	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	40.000
164	Gạch ốp lát	6201,..., 6206 décor	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	46.111

165	Gạch ốp lát	6039, 6042, 6043, 6044, 6067, 6068, 6069,70,…,75, 6911,16,.18,29,33,37,38,40,...,49,69,6801,02,05,.,10,6955, 56,57,58	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	43.889
166	Gạch ốp lát	6076,6077,6078,6959,6960,..,6962,6079,6081,60082,6906 3,69064	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	44.815
167	Gạch ốp lát	6065, 6066	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	43.889
168	Gạch ốp lát	6010 (trắng tinh)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	45.556
169	Gạch ốp lát	6601, 6602, 6604, 6606, 6608, 6609,6788,6780,6784,6617,6620,….,6622,66025,66026	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	47.778
170	Gạch ốp lát	6950,51,52,53	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	47.778
171	Gạch ốp lát	6607 (đen bóng)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	52.130
172	Gạch ốp lát	6651 (đen tia chớp)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	54.259
173	Gạch ốp lát	6630,6631,6632	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	52.130
174	Gạch ốp lát	6612,6615	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	54.259
175	Gạch ốp lát	6616,6652,..,6657,6661,62,63,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	55.463
176	Gạch ốp lát	6610,6611, 6618,6619	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	55.463
177	Gạch ốp lát	6670,6671,6672,6673,6674,6675,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 80x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	60.926
178	Gạch ốp lát	3101, 3102, 3103, 3104, 3105, 3106, 3107, 3108, 3150, 3151, 3152, 3153, 3154, 3155 (xương bán sứ, men matt)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	23.056
179	Gạch ốp lát	3180, 31, 81, 3182, 3183 (Viên điểm, xương bán sứ, men matt)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	28.519
180	Gạch ốp lát	3602,…,3605,3614, 3615, 3652, 3653, 3656, 3664, 3665, 3666, 3688, 3689,3690,3901,04,14..,16,76,77,..,79,89,..91	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	16.204
181	Gạch ốp lát	3801,…,08,12,..,16,18,20,21,23,25.3929,30,32,33,55,56,57 ,80,…,84,86,87,92,93,95,96,97.3667.80,81,83,85,86,91,92, 94,95	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	16.667
182	Gạch ốp lát	3678,82,84,87,93,97,3931,3934	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	21.667
183	Gạch ốp lát	3982,85,88,94,97, 3809,10,11,17,19,22,25	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	21.574
184	Gạch ốp lát	3201,...,3209	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	21.574
185	Gạch ốp lát	3601, 3901(trắng tinh)	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	16.204
186	Gạch ốp lát	3618, 3619, 3620, 3625, 3626, 3627, 3628, 3629, 3630, 3631, 3632, 3633, 36101,...,36110	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.037
187	Gạch ốp lát	3920,3921,3922,3923,3924,3925, 3959, 3960, 3961, 3966,…. 3970,3971,39101,...,39108	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.037
188	Gạch ốp lát	3637,3638,3639,3640,3641,3642,3643,3644,3645,46,……, 50,51	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.037
189	Gạch ốp lát	3926,3927,3928,3908,3909,3910	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x60	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	17.037
190	Gạch ốp lát	4801, 4803, 4805, 4806, 4802, 4804	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 40x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	46.204
191	Gạch ốp lát	4807, 4808, 4809	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 40x80	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	52.685
192	Gạch ốp lát	5501, 5502, …, 5511,5512,...,5520	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 50x50	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	23.889
193	Gạch ốp lát	55501,...,55506,	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 50x50	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	24.537
194	Gạch ốp lát	5555, 5556	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 50x50	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	27.870
195	Gạch ốp lát	1201	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x120	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	111.296
196	Gạch ốp lát	1203,1207,1208,1210	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x120	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	134.722
197	Gạch ốp lát	1202,1204,.1206,1230,...,1235,1251,1252	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 60x120	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	179.630
198	Gạch ốp lát	3312,…, 3361,33101,33102	viên	BIIa TCVN - 6415	Gạch Catalan (Loại 1) 30x30	Catalan		Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	8.333
	CÔNG TY TNHH TM HƯNG TÍN **Địa chỉ: Số nhà 026, Đại Lộ Trần Hưng Đạo, Phường Cam Đường, Tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại: 0888 352 358**								
	Công ty TNHH TM Hưng Tín - Giá bán từ 20/4/2026 đến hết ngày 19/5/2026								
	Gạch Prime (gạch ốp, lát)								
1	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Porcelain, Các mã đầu 17….	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	160.000
2	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Porcelain, Các mã đầu 29….	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	145.000
3	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Semi Porcelain, Các mã đầu 300….	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	140.000
4	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã đầu 17… và đầu 9…	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Phố Yên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.000
5	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Nhăn Metro đầu 8100…	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Phố Yên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	165.000
6	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 50x50, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã mài cạnh	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	95.000

7	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 50x50, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã không mài cạnh	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	95.000
8	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Ceramic, Nhãn Bentiles	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	100.000
9	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Ceramic, Đầu 22…, Đầu 39…	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.000
10	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Semi Porcelain, Đầu 396…	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	140.000
11	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 40x40, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã không mài cạnh	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	93.000
12	Gạch ốp lát	Gạch gốm, KT 40x40, bề mặt bóng, Cotto, mã 10105	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	85.000
13	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 25x40, bề mặt bóng, Ceramic (mầu trắng)	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Đại Việt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	90.000
14	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x45, bề mặt bóng, Ceramic (mầu trắng)	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Đại Việt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	100.000
15	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Ceramic (mầu trắng)	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Đại Việt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.000
16	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Ceramic (trừ mẫu trắng)	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Đại Việt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000
17	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 30x30, bề mặt Matt, Semi Porcelain	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Yên Bình	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.000
18	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 30x30, chống trơn, Ceramic	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Yên Bình	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.000
19	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80 Semi Porcelain	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Yên Bình	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	160.000
20	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80 Ceramic	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Yên Bình	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	145.000
21	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, men bóng, Porcelain, Các mã đầu 08… đầu 20..., đầu 81..., đầu 216…	m2			CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	225.000
22	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, bề mặt bóng, mỏng, Porcelain, Các mã đầu 27…				CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	205.000
23	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, bề mặt bóng, Semi Porcelain, Các mã đầu 30… , 82 …				CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	165.000
24	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Carving Gold , Porcelain, Các mã từ 21017 đến 21021				CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	285.000
25	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Bóng , Matt thường , Porcelain, Các mã còn lại đầu 210…				CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	245.000
26	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Semi Porcelain, Các mã đầu 83… và đầu 920… (Trừ mã 92014, 92015)				CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	225.000
	Gạch ốp lát của Công ty Cổ phần CMC								
1	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Mầu đen, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	164.200
2	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Mầu đậm, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	159.400

3	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.400
4	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Mầu sáng, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	159.400
5	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Mầu đậm, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	159.400
6	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Granit	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	202.900
7	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Semi Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	123.600
8	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	178.700
9	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Granit	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	241.500
10	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain	m2			Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	120.800
11	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Ceramic, Nhóm KG1	m2			Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	96.600
12	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Ceramic, Nhóm KG2	m2			Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	101.400
13	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain	m2			Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	159.400
14	Gạch ốp lát	Gạch lát sân vườn, KT 40x60, Bề mặt Suger, Ceramic	m2			Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	111.100
15	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Ceramic, Các mã khung KG1	m2			Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.900
16	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Ceramic, Các mã khung KG2	m2			Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	120.800
17	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã khung KG1	m2			Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	82.100
18	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã khung KG2	m2			Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	82.100
19	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 30x30, chống trơn, Ceramic	m2			Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	120.800
	Gạch ốp lát Takao Granit								
1	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Porcelain, Nhóm K1 và K2	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	120.800
2	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt matt, Porcelain, Nhóm K1 và K2	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	125.600
3	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Mầu đặc biệt, Porcelain, Nhóm K4	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	155.500
4	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Porcelain	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	140.100
5	Gạch ốp lát	Gạch lát sân, vườn, KT 60x60, men matt, Nhóm K0 và K1	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	96.600

6	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Fullbody, Porcelain , Nhóm K5 và mầu đen	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	154.600
7	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, mầu trắng, mầu đậm, Porcelain , Nhóm K4	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	149.700
8	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , Nhóm K2	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	140.100
9	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, men matt, Porcelain , Nhóm K1	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	125.600
10	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, men bóng, Porcelain , Nhóm K1	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	120.800
11	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K4	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	191.300
12	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K3	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	183.500
13	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K2	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	164.200
14	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K1	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	149.700
15	Gạch ốp lát	Gạch gốm tráng men KT 40x40	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	84.000
16	Gạch ốp lát	Gạch gốm tráng men KT 50x50	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	89.300
17	Gạch ốp lát	Gạch lát nền, KT 30x30, Ceramic	m2			Công ty cổ phần Takao	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	91.800
	Sản phẩm của Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ								
1	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain, Các mã khung K3	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	149.700
2	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain, Các mã khung K2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	120.800
3	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain, Các mã khung K1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	120.800
4	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Porcelain, Các mã khung K2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	149.700
5	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Porcelain, Các mã khung K1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	149.700
6	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , KG 4	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	149.700
7	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , KG 2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.400
8	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , KG 1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.400
9	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain, KG3	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	169.100
10	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain, KG2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	144.900

11	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain, KG1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	144.900
12	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Semi Porcelain, Các mã khung KG1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	140.100
13	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Porcelain, Các mã khung KG2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	159.400
14	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Porcelain, Các mã khung KG3	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	159.400
15	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 60x120, Porcelain, Các mã khung KG2	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	231.800
16	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 60x120, Porcelain, Các mã khung KG1	m2			Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	280.100
	Công ty TNHH TM Hưng Tín - Giá bán từ 20/5/2026								
277	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Porcelain, Các mã đầu 17….	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	160.000
278	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Porcelain, Các mã đầu 29….	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	145.000
279	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Semi Porcelain, Các mã đầu 300….	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	140.000
280	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã đầu 17… và đầu 9…	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Phố Yên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.000
281	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Nhăn Metro đầu 8100…	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Phố Yên	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	165.000
282	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 50x50, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã mài cạnh	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	95.000
283	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 50x50, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã không mài cạnh	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	95.000
284	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Ceramic, Nhăn Bentiles	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	100.000
285	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Ceramic, Đầu 22…, Đầu 39…	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.000
286	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, bề mặt bóng, Semi Porcelain, Đầu 396…	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	140.000
287	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 40x40, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã không mài cạnh	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	93.000
288	Gạch ốp lát	Gạch gốm, KT 40x40, bề mặt bóng, Cotto, mã 10105	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Vĩnh Phúc	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	85.000
289	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 25x40, bề mặt bóng, Ceramic (mầu trắng)	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Đại Việt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	90.000
290	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x45, bề mặt bóng, Ceramic (mầu trắng)	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Đại Việt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	100.000
291	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Ceramic (mầu trắng)	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Đại Việt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.000
292	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Ceramic (trừ mẫu trắng)	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Đại Việt	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	115.000

293	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 30x30, bề mặt Matt, Semi Porcelain	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Yên Bình	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.000
294	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 30x30, chống trơn, Ceramic	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Yên Bình	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.000
295	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80 Semi Porcelain	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Yên Bình	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	160.000
296	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80 Ceramic	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Yên Bình	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	145.000
297	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, men bóng, Porcelain, Các mã đầu 08… đầu 20..., đầu 81..., đầu 216…	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	225.000
298	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, bề mặt bóng, mỏng, Porcelain, Các mã đầu 27…	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	205.000
299	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, bề mặt bóng, Semi Porcelain, Các mã đầu 30… , 82 …	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	165.000
300	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Carving Gold , Porcelain, Các mã từ 21017 đến 21021	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	285.000
301	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Bóng , Matt thường , Porcelain, Các mã còn lại đầu 210…	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	245.000
302	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Semi Porcelain, Các mã đầu 83… và đầu 920… (Trừ mã 92014, 92015)	m2	QCVN16:2023/BXD		CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME - Tiền Phong	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	225.000
303	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain, Các mã khung K3	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	149.700
304	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain, Các mã khung K2	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.000
305	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain, Các mã khung K1	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.000
306	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Porcelain, Các mã khung K2	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	155.000
307	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Porcelain, Các mã khung K1	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	155.000
308	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Ceramic, Các mã …	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.000
309	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , KG 4	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	160.000
310	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , KG 2	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	140.000
311	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , KG 1	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	140.000
312	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain, KG3	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	180.000
313	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain, KG2	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	160.000
314	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain, KG1	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	160.000
315	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Semi Porcelain, Các mã khung KG1	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	155.000

316	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Porcelain, Các mã khung KG2	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	155.000
317	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 60x120, Porcelain, Các mã khung KG2 men vi tinh	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	295.000
318	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 60x120, Porcelain, Các mã khung KG1	m2	ISO 13006:2019 / BS EN 14411 2016		Nhãn CALIDO - NM Hera Công ty cổ phần công nghiệp Á Mỹ	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	255.000
319	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Mầu đậm, men kim cương ,Porcelain	m2	QCVN16:2019/BXD / TCVN 13113:2020		Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	185.000
320	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain	m2	QCVN16:2019/BXD / TCVN 13113:2020		Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	150.000
321	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain	m2	QCVN16:2019/BXD / TCVN 13113:2020		Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	170.000
322	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Granit	m2	QCVN16:2019/BXD / TCVN 13113:2020		Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	235.000
323	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Semi Porcelain	m2	QCVN16:2019/BXD / TCVN 13113:2020		Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	150.000
47	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 40x80, Semi Porcelain	m2	QCVN16:2019/BXD / TCVN 13113:2020		Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	160.000
325	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Porcelain	m2	QCVN16:2019/BXD / TCVN 13113:2020		Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	200.000
326	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 100x100, Granit	m2	QCVN16:2019/BXD / TCVN 13113:2020		Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	270.000
327	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, Semi Porcelain	m2	QCVN16:2019/BXD / TCVN 13113:2020		Công ty cổ phần CMC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	145.000
328	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Ceramic,	m2	QCVN16:2023/BXD		Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	110.000
329	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain	m2	QCVN16:2023/BXD		Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	185.000
330	Gạch ốp lát	Gạch lát sân vườn, KT 40x60, Bề mặt Suger, Ceramic	m2	QCVN16:2023/BXD		Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.000
331	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Ceramic, Các mã khung KG1	m2	QCVN16:2023/BXD		Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.000
332	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Ceramic, Các mã	m2	QCVN16:2023/BXD		Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	110.000
333	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 30x30, chống trơn, Ceramic	m2	QCVN16:2023/BXD		Công ty cổ phần TTC	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.000
334	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt bóng, Porcelain, Nhóm K1 và K2	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	130.000
335	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 30x60, bề mặt matt, Porcelain, Nhóm K1 và K2	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	135.000
336	Gạch ốp lát	Gạch ốp, KT 40x80, Porcelain	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	155.000
337	Gạch ốp lát	Gạch lát sân, vườn, KT 60x60, men matt, Nhóm K0 và K1	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	105.000
338	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Fullbody, Porcelain , Nhóm K5 và mầu đen	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	154.600

339	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, mầu trắng, mầu đậm, Porcelain , Nhóm K4	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	149.700
340	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, Porcelain , Nhóm K2	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	140.100
341	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, men matt, Porcelain , Nhóm K1	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	128.600
342	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 60x60, men bóng, Porcelain , Nhóm K1	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	125.800
343	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K4	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	230.300
344	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K3	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	230.300
345	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K2	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	164.200
346	Gạch ốp lát	Gạch lát, KT 80x80, Porcelain , Nhóm K1	m2	ISO 13006:2018		Công ty Takao Granit	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	149.700
347	Gạch ốp lát	Gạch gốm tráng men KT 40x40	m2	QCVN16:2023/BXD		Công ty takao Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	84.000
348	Gạch ốp lát	Gạch gốm tráng men KT 50x50	m2	QCVN16:2023/BXD		Công ty takao Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	89.300
349	Gạch ốp lát	Gạch lát nền, KT 30x30, Ceramic	m2	QCVN16:2023/BXD		Công ty takao Việt Nam	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại kho Đường Lê Quảng Ba, tổ 5, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.	91.800
II	**SƠN**								
	CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN JYMEC VIỆT NAM **'- Địa chỉ: BT4-A12, phố Bùi Xuân Phái, Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội;** **- Điện thoại: 0243.226.2959** **- Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình**								
	Sơn lót chống kiềm								
1	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN LÓT CHỐNG KIỀM NỘI THẤT (Tăng cường bám dính cho lớp sơn phủ)	thùng	TCVN 8652:2020	21 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.480.000
2	Vật liệu sơn		lon	TCVN 8652:2020	5 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	953.000
3	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN LÓT CHỐNG KIỀM NỘI THẤT ĐẶC BIỆT (Chống kiềm, chống nấm mốc, độ bền vượt trội)	thùng	TCVN 8652:2020	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.830.000
4	Vật liệu sơn		long	TCVN 8652:2020	5 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.083.000
5	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN LÓT CHỐNG KIỀM NGOẠI THẤT CAO CẤP (Chống kiềm, bảo vệ bề mặt tường với độ ẩm môi trường)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.585.000
6	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	5 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.273.000
7	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN LÓT CHỐNG KIỀM NGOẠI THẤT ĐẶC BIỆT (Tăng độ bền cho lớp sơn phủ khỏi bong tróc, phai màu)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	5.303.000
8	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	5 kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.450.000
	Sơn phủ nội thất								
1	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NỘI THẤT SIÊU CAO CẤP (Màng sơn bóng, màu sắc tươi sáng, siêu bền, lau chùi vượt trội, kháng khuẩn)	lon	QCVN 16:2023/BXD	5lít/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.958.000
2	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	1lít/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	660.000

3	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN BÓNG ÁNH NGỌC TRAI NỘI THẤT CAO CẤP (Ánh ngọc trai sang trọng, lau chùi hiệu quả, chống nấm mốc)	lon	QCVN 16:2023/BXD	5lít/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.222.000
4	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN BÓNG NỘI THẤT CAO CẤP (Lau chùi hiệu quả, chống nấm mốc, chống bám bụi bẩn)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	5.551.000
5	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	5kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.504.000
6	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NỘI THẤT CAO CẤP DỄ LAU CHÙI (Màng sơn mờ, lau chùi hiệu quả, chống nấm mốc)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20kg/th	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.726.000
7	Vật liệu sơn		thùng	QCVN 16:2023/BXD	5kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	828.000
8	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NƯỚC SIÊU TRẮNG NỘI THẤT CAO CẤP (Sơn trần trắng sang trọng, bề mặt sơn láng mịn)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	23kg/th	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.481.000
9	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	6kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	763.000
12	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NƯỚC NỘI THẤT 3 IN 1 (Bề mặt sơn láng mịn, độ phủ cao, dễ thi công, kinh tế)	thùng	QCVN 16:2023/BXD	23kg/th	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.344.000
13	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	6kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	484.000
14	Vật liệu sơn	Sơn nước nội thất	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.167.000
	Sơn phủ ngoại thất								
1	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NGOẠI THẤT SIÊU CAO CẤP MÀU BỀN	lon	QCVN 16:2023/BXD	5lít/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.195.000
2	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	1lít/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	915.000
3	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN BÓNG GIẢM NHIỆT NGOẠI THẤT ĐẶC BIỆT	lon	QCVN 16:2023/BXD	5lít/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.163.000
4	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	1lít/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	708.000
5	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN BÓNG NGOẠI THẤT	thùng	QCVN 16:2023/BXD	16kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	6.353.000
6	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	5kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	2.110.000
7	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	1kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	498.000
8	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NGOẠI THẤT CHỐNG PHAI MÀU	thùng	QCVN 16:2023/BXD	23kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	4.375.000
9	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	6kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.268.000
10	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	1kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	288.000

11	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN NƯỚC NGOẠI THẤT	thùng	QCVN 16:2023/BXD	23kg/th	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	3.274.000
12	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	6kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	970.000
	Chống thấm								
1	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN CHỐNG THẤM ĐA NĂNG	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20 kg/thùng	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	5.075.000
2	Vật liệu sơn		lon	QCVN 16:2023/BXD	5kg/th	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.395.000
3	Vật liệu sơn	JYMEC - SƠN CHỐNG THẤM MÀU	thùng	QCVN 16:2023/BXD	20kg/lon	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	5.273.000
4	Vật liệu sơn		thùng	QCVN 16:2023/BXD	5kg/cặp	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	1.443.000
	Bột Bả								
1	Vật liệu sơn	JYMEC - bột bả nội và ngoại thất	bao	QCVN 16:2023/BXD	40 kg/bao	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	512.000
2	Vật liệu sơn	JYMEC - bột bả ngoại thất	bao	QCVN 16:2023/BXD	41 kg/bao	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	578.000
3	Vật liệu sơn	JYMEC - Bột bả nội thất	bao	QCVN 16:2023/BXD	42 kg/bao	Công ty CP Sơn JYMEC	Việt Nam	Đã bao gồm cước vận chuyển, giao hàng tại chân công trình	432.000
	CHI NHÁNH CÔNG TY CP JOTON HÀ NỘI **Địa chỉ: KCN Vĩnh Tuy, phường Hoàng Mai, Hà Nội** **Số điện thoại: 0911851988**								
1	Nhóm sơn giao thông	Sơn Giao thông Joline (trắng) phẳng	kg	AASHTO M249-12	Thùng 25 kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	39.000
2	Nhóm sơn giao thông	Sơn giao thông Joline (vàng) phẳng	kg		Thùng 25 kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	39.500
3	Nhóm sơn giao thông	Sơn giao thông Joline (trắng) phẳng	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25 kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	36.500
4	Nhóm sơn giao thông	Sơn giao thông Joline (vàng) phẳng	kg		Thùng 25 kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	37.500
5	Nhóm sơn giao thông	Joline Primer (sơn lót) cho hệ nhiệt dẻo	kg	TCVN8791:2011	Thùng 25 kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	94.800
6	Nhóm sơn giao thông	Sơn giao thông hệ dung môi Joway trắng	kg	TCVN 8787:2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	153.900
7	Nhóm sơn giao thông	Sơn giao thông hệ dung môi Joway đen	kg	TCVN 8787:2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	153.900
8	Nhóm sơn giao thông	Sơn giao thông hệ dung môi Joway vàng	kg	TCVN 8787:2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	191.800
9	Nhóm sơn giao thông	Sơn giao thông hệ dung môi Joway đỏ	kg	TCVN 8787:2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	191.700
10	Nhóm sơn giao thông	Hạt phản quang loại A	kg	TCCS 02:2018/JGB	Thùng 25kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	32.700
1	Sơn sàn Công nghiệp	Jones WEPO	kg	TCCS CN24:2022	Bộ 20kg, bộ 4kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	250.000
2	Sơn sàn Công nghiệp	Jona WEPO màu thường	kg	TCCS CN07:2023	Bộ 19,5kg, 6,5kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	299.000
3	Sơn sàn Công nghiệp	Jones Epo Clear	kg	TCCS CN09:2023	Bộ 20kg, bộ 4kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	219.000
4	Sơn sàn Công nghiệp	Jona Epo màu cơ bản	kg	JISK 5659:2018	Bộ 20kg, bộ 4kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	290.000
5	Sơn sàn Công nghiệp	Jona Level New	kg	TCCS CN05:2023	Bộ 19,5kg, 6,5kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	208.000

6	Sơn sàn Công nghiệp	Dung môi TN 305	lit		Lon 5L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	72.600
7	Sơn sàn Công nghiệp	Dung môi TN 401	lit		Lon 5L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	66.000
8	Sơn sàn Công nghiệp	Dung môi TN 304	lit		Lon 5L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	77.000
1	Sơn Kết cấu thép 1 TP	Sp Primer (Chống ri)	Kg		Thùng 20kg, Lon 3,5kg, Lon 1kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	107.250
2	Sơn Kết cấu thép 1 TP	Jimmy (Phủ Alkyd)	Kg	JIS K 5962:1993	Thùng 20kg, Lon 3kg, Lon 0,8kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	157.400
3	Sơn	Bột bả ngoại thất J-Plus	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Bao 40kg, bao 5kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	17.900
4	Sơn	Bột bả Jolia nội thất	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Bao 40kg, bao 25kg	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	9.100
5	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất Joton Altex	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	148.600
6	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất Joton Altin	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 3,8L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	94.700
7	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Fotex	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	148.600
8	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Fotin	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	94.700
9	Sơn	Sơn Joton FA ngoại thất bóng	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17L, Lon 5L, 1L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	323.529
10	Sơn	Sơn Joton FA nội thất	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	109.833
13	Sơn	Sơn Jony ngoại thất mịn	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 15L, Lon 5L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	169.000
14	Sơn	Sơn Jony nội thất mịn	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 15L, Lon 5L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	75.600
1	Hệ sơn sử dụng cho dự án kiến trúc	Sơn lót ngoại thất JOTON ALTEX DA	lit	QCVN 16:2019/BXD	17L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	94.200
2	Hệ sơn sử dụng cho dự án kiến trúc	Sơn lót nội thất JOTON ALTIN DA	lit	QCVN 16:2019/BXD	17L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	61.600
5	Hệ sơn sử dụng cho dự án kiến trúc	Sơn phủ ngoại thất JOTON JONY EXT DA	lit	QCVN 16:2019/BXD	17L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	90.500
6	Hệ sơn sử dụng cho dự án kiến trúc	Sơn phủ nội thất JOTON JONY INT DA	lit	QCVN 16:2019/BXD	17L	Công ty cổ phần L.Q Joton	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển.	40.800
	CÔNG TY TNHH MAXKO VIỆT NAM **Địa chỉ công ty: Số 45A, ngõ 59 phố Hoàng Cầu, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội** **Địa chỉ nhà máy sản xuất: Thôn Yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội, Việt Nam** **Số điện thoại: 0913808099 - 0984965837**								
1	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp DIAMOND-08	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 01L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	306.409
2	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp DIAMOND-08	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.532.045
3	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp DIAMOND-08	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	4.937.603
4	Vật liệu sơn	Sơn bán bóng nội thất cao cấp DAHLIA-10	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.067.420
5	Vật liệu sơn	Sơn bán bóng nội thất cao cấp DAHLIA-10	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	3.284.949
6	Vật liệu sơn	Sơn mịn nội thất cao cấp CLASSIC-04	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	295.455
7	Vật liệu sơn	Sơn mịn nội thất cao cấp CLASSIC-04	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	935.000

8	Vật liệu sơn	Sơn nội thất lau chùi hiệu quả SEMI GLOSS-06	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	659.091
9	Vật liệu sơn	Sơn nội thất lau chùi hiệu quả SEMI GLOSS-06	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.231.818
10	Vật liệu sơn	Sơn siêu trắng nội thất cao cấp SUPER WHITE-02	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	640.909
11	Vật liệu sơn	Sơn siêu trắng nội thất cao cấp SUPER WHITE-02	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.113.636
12	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp gốc Acrylic PLATINUM–09 (ứng dụng cho bề mặt cấu kiện bê tông)	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 01L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	415.000
13	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp gốc Acrylic PLATINUM–09 (ứng dụng cho bề mặt cấu kiện bê tông)	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.075.000
14	Vật liệu sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp gốc Acrylic PLATINUM–09 (ứng dụng cho bề mặt cấu kiện bê tông)	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	7.470.000
15	Vật liệu sơn	Sơn bán bóng ngoại thất cao cấp DAISY-03	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.231.292
16	Vật liệu sơn	Sơn bán bóng ngoại thất cao cấp DAISY-03	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	3.594.150
17	Vật liệu sơn	Sơn mịn ngoại thất cao cấp SMOOTH-05	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	746.455
18	Vật liệu sơn	Sơn mịn ngoại thất cao cấp SMOOTH-05	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.415.477
19	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm đa năng cao cấp Waterproof-MCT	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	856.705
20	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm đa năng cao cấp Waterproof-MCT	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.803.977
21	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm màu Lotus- MCT	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.288.636

22	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm màu Lotus- MCT	lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 09:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	3.550.909
23	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp SEALER-00	lít	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	568.527
24	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp SEALER-00	lít	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.827.955
25	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp PRIMER-01 (ứng dụng cho bề mặt cấu kiện bê tông)	lít	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Lon 05L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	775.000
26	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp PRIMER-01 (ứng dụng cho bề mặt cấu kiện bê tông)	lít	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18L	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.790.000
27	Vật liệu sơn	Sơn lót Epoxy Maxko WEP gốc nước	bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 5kg: 4kg TP A + 1kg TP B	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	906.255
28	Vật liệu sơn	Sơn lót Epoxy Maxko WEP gốc nước	bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 17,5kg: 14kg TP A + 3,5kg TP B	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	2.953.042
29	Vật liệu sơn	Sơn phủ Epoxy Maxko WEF gốc nước	bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 6,5kg: 5,5kg TP A + 1kg TP B	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	1.093.318
30	Vật liệu sơn	Sơn phủ Epoxy Maxko WEF gốc nước	bộ	TCVN 9014:2011	Bộ 17,55kg: 14,85kg TP A + 2,7kg TP B	Công ty TNHH Maxko Việt Nam	Việt Nam	Giá bán giao trên phương tiện bên mua tại kho của công ty TNHH Maxko Việt Nam tại Thôn yên Trường, xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội	3.032.716
	CÔNG TY TÂY BẮC - BQP **Địa chỉ: Km3, đường tỉnh 390D, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam** **SĐT: 02206578234 - 0938668451** **Thông báo tiếp nhận hợp quy số: 194/TB-SXD ngày 09/8/2024 của Sở Xây dựng Hải Dương; Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quy chuẩn hết hạn ngày 01/08/2027**								
1	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp Kantech	kg	TCNV 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	22kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	120.000
2	Vật liệu sơn	Sơn siêu trắng phủ trần cao cấp Kantech	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	100.000
3	Vật liệu sơn	Sơn nội thất mặt mờ cao cấp Kantech	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	98.000
4	Vật liệu sơn	Sơn bán bóng nội thất cao cấp Kantech	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	160.000
5	Vật liệu sơn	Sơn bóng nội thất cao cấp Kantech	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	240.000
6	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp Kantech	kg	TCNV 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	170.000

7	Vật liệu sơn	Sơn ngoại thất cao cấp Kantech	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	135.000
8	Vật liệu sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp Kantech	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	230.000
9	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp KANTECH (BLOCKING – KP 01)	kg	TCNV 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	22kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	100.000
10	Vật liệu sơn	Sơn nội thất cao cấp KANTECH (ECO-LIFE – KP 03)	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	90.000
11	Vật liệu sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp KANTECH (ARMOR – KP 02)	kg	TCNV 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	140.000
12	Vật liệu sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KANTECH (PERFECT – KP 04)	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	130.000
13	Vật liệu sơn	Bột bả ngoại thất cao cấp KANTECH SPACE	kg		Bao 25kg	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	11.000
14	Vật liệu sơn	Bột bả nội thất cao cấp KANTECH SPACE	kg		Bao 25kg	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	10.000
15	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm đa năng cao cấp KT-11A Kantech	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	170.000
16	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm mầu cao cấp KT201	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	200.000
17	Vật liệu sơn	Sơn chống thấm HYDROSHIELD 141 cao cấp	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	15kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	115.000
18	Vật liệu sơn	Chống thấm 2 thành phần POLYSEAL 165 cao cấp	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	38.000
19	Vật liệu sơn	Phụ gia chống thấm BONDLATEX 570 cao cấp	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	10 lít/can	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	50.000
20	Vật liệu sơn	Sơn lót Epoxy Green Kantech	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	200.000
21	Vật liệu sơn	Sơn phủ Epoxy Green Kantech	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	230.000
22	Vật liệu sơn	Sơn lót Đá cao cấp	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	110.000
23	Vật liệu sơn	Sơn Đá kim cương đa sắc	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	20kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	150.000
24	Vật liệu sơn	Sơn Đá thạch anh hiệu ứng	kg	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	21kg/Thùng	Công ty Tây Bắc - BQP	Việt Nam	Giá đã bao gồm cước vận chuyển đến chân công trình áp dụng trên toàn bộ địa bàn tỉnh Lào Cai	160.000
III	**TÔN**								

CÔNG TY CỔ PHẦN AUSTNAM
- Địa chỉ: Số V2A, tầng 3 tòa nhà CT4 Vimeco, Lô H1, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 02438691579 - 0904613663
- Danh sách các đại lý phân phối tại Lào Cai:
+ Đại lý Sáu Hảo - Đường B1, tổ 4 phường Bắc Cường, tỉnh Lào Cai
+ Đại lý Hồng Đức - 99 Ngô Gia Tự, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai
+ Đại lý Trường Chinh - Đại lộ Nguyễn Thái Học, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai
+ Đại lý Việt Quyết - Số 5 Lý thường Kiệt, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai

	Tôn Austnam 1 lớp								
1	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AC11 - 0,45mm - 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	198.182
2	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AC11- 0,47mm - 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	201.818
3	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ATEK1000 - 0,45mm - 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	199.091
4	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ATEK1000 - 0,47mm - 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	202.727
5	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam -ATEK1088 - 0,45mm - 5 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 5 sóng dày 0.45mm, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	194.545
6	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ATEK1088 - 0,47mm - 5 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 25/10	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	199.091
7	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam-AD11 - 0,42mm - 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	184.545
8	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AD11 - 0,45mm - 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	191.818
9	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AD06 - 0,42mm - 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	185.455
10	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AD06 - 0,45mm - 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550, lớp mạ Az150, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	192.727
11	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AD05 - 0,42mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550 lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	181.818
12	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AD05 - 0,45mm - 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, G550 lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	189.091
13	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ADTile - 0,42mm (Sóng giả ngói)	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn sóng ngói 1 lớp, G550 lớp mạ Az100, lớp sơn 18/5	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	193.636
14	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam Alok 420 - 0,45mm(khổ, hiệu dụng 420)	m2	ASTM A755/A792/A924	Liên kết bằng đai kẹp âm, lớp mạ Az150, sơn 25/10 (3 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	254.545
15	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam Alok 420 - 0,47mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn liên kết bằng đai kẹp âm, dày 0.47mm Az150 (3 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	260.000
16	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ASEAM480 - 0,45mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn liên kết bằng đai kẹp âm, dày 0.45mm Az150 (2 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	233.636
17	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ASEAM480 - 0,47mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn liên kết bằng đai kẹp âm, dày 0.47mm Az150 (2 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	238.182
	Tôn Austnam AR-EPS chống nóng, chống ồn 3 lớp, Xốp EPS								
18	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam AR-EPS - 0.45/50/0.35, Ti trọng EPS 11kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn mái chống nóng, xốp EPS 50mm lớp trên 0.45mm, lớp dưới 035mm, G340-G550	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	396.364
	Tôn Austnam chống nóng, chống ồn, xốp PU								

19	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam APU1-0,45mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m3, 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp chống nóng, chống ồn PU dày 18mm, Tôn mạ A/z150	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	289.091
20	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam APU1-0,47mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m3, 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	292.727
21	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam APU1-0,45mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m3, 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	285.455
22	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam APU1-0,47mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m3, 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	290.000
23	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ADPU1-0,40mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m3, 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp PU chống nóng, PU dày 18mm, Tôn mạ A/z100	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	269.091
24	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ADPU1-0,42mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m3, 11 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	275.455
25	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ADPU1-0,40mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m3, 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	265.455
26	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Austnam ADPU1-0,42mm, lớp Pu ti trọng 28-32 kg/m3, 6 sóng	m2	ASTM A755/A792/A924	Nt	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	271.818
	Phụ kiện tôn Austnam								
27	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 300mm, dày 0,42mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	54.545
28	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 400mm, dày 0,42mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	71.364
29	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 600mm, dày 0,42mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	101.818
30	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 300mm, dày 0,45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	59.545
31	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 400mm, dày 0,45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	77.727
32	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 600 mm, dày 0,45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	111.818
33	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 300 mm, dày 0,47mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	60.455
34	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 400 mm, dày 0,47mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	79.545
35	Vật liệu tấm lợp, bao che	Phụ kiện tôn Austnam khổ rộng 600 mm, dày 0,47mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	114.545
	Tôn Suntek 1 lớp								
36	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EC11 (11 sóng) dày 0.40mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 11 sóng dày 0.40mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	126.364
37	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EC11 (11 sóng) dày 0.45mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 11 sóng dày 0.45mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	138.182
38	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EK106 (6 sóng) dày 0.40mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 6 sóng dày 0.40mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	127.273
39	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EK106 (6 sóng) dày 0.45mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 6 sóng dày 0.45mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	139.091
40	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EK108 (5 sóng) dày 0.40mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 5 sóng dày 0.40mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	124.545

41	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EK108 (5 sóng) dày 0.45mm	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn 1 lớp, 5 sóng dày 0.45mm, lớp mạ Az50	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	136.364
42	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek ELOK 420 dày 0.45mm, G550(3sóng)	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn liên kết bằng đai kẹp âm, dày 0.45mm Az50 (3 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	201.818
43	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek ESEAM 480 dày 0.45mm, G340(2 sóng)	m2	ASTM A755/A792/A924	Tôn liên kết bằng đai kẹp âm, dày 0.45mm Az50 (2 sóng)	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	185.455
	Tôn suntek chống nóng, chống ồn, xốp PU								
44	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EPU1 (11 sóng) dày 0.40mm, lớp U tỷ trọng 28-32kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp chống nóng, chống ồn, lớp xốp PU dày 18mm	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	220.000
45	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suutek EPU1 (11 sóng) dày 0.45mm,lớpPU tỷ trọng 28-32kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp chống nóng, chống ồn, lớp xốp PU dày 18mm	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	231.818
46	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EPU1 (6 sóng) dày 0.40mm, lớpPU tỷ trọng 28-32kg/m3	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp chống nóng, chống ồn, lớp xốp PU dày 18mm	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	219.091
47	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Suntek EPU1 (6 sóng) dày 0.45mm,lớpPU tỷ trọng 28-32kg/m33	m2	ASTM A755/A792/A924	Tấm lợp chống nóng, chống ồn, lớp xốp PU dày 18mm	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	230.909
	Phụ kiện tôn Suntek								
48	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suntek khổ 300mm dày 0.40mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	51.818
49	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suuntek khổ 400mm dày 0.40mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	53.636
50	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suntek khổ 600mm dày 0.40mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	74.545
51	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suntek khổ 300mm dày 0.45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	45.455
52	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suntek khổ 400mm dày 0.45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	58.182
53	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK Suntek khổ 600mm dày 0.45mm	md	ASTM A755/A792/A924	Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	82.727
	Vật tư phụ								
54	Vật liệu tấm lợp, bao che	Đai bắt tôn Alok	cái		Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	10.000
55	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vít sắt dài 65mm	cái		Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	2.091
56	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vít sắt dài 45mm	cái		Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	1.545
57	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vít sắt dài 45mm	cái		Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	1.091
58	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vít bắt đai Alok	cái		Phụ kiện	Công ty CP Austnam	Việt Nam	Giá giao tại đại lý thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai trên phương tiện bên mua	636
	CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH **Số điện thoại liên hệ: 02163.852.630** **Thông tin về đại lý: Số nhà 349 đường Nguyễn Thái Học, tổ dân phố số 15, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai**								
1	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn THĂNG LONG 1 lớp 5,6,11 0,35ly; rộng 1,08	m2	JIS G3322-CQ	1 lớp 5,6,11 0,35ly; rộng 1,08			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	89.091
2	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn THĂNG LONG 1 lớp 5,6,11 0,4ly, rộng 1,08	m2	JIS G3322-CQ	1 lớp 5,6,11 0,4ly, rộng 1,08			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	100.000
3	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn THĂNG LONG 1 lớp 5,6,11 0,45ly, rộng 1,08	m2	JIS G3322-CQ	1 lớp 5,6,11 0,45ly, rộng 1,08			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	110.909
4	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn VITEX mạ sóng thẳng 1 lớp 5,6,11 0,35ly, rộng 1,08	m2	JIS G3322-CQ	1 lớp 5,6,11 0,35ly, rộng 1,08			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	96.364
5	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn VITEX mạ sóng thẳng 1 lớp 5,6,11 0,4ly, rộng 1,08	m2	JIS G3322-CQ	1 lớp 5,6,11 0,4ly, rộng 1,08			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	107.273
6	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Liên doanh mạ sóng thẳng 1 lớp 5,6,11 0,35ly; rộng 1,08	m2	JIS G3322-CQ	1 lớp 5,6,11 0,35ly; rộng 1,08			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	81.818
7	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Liên doanh mạ sóng thẳng 1 lớp 5,6,11 0,4ly, rộng 1,08	m2	JIS G3322-CQ	1 lớp 5,6,11 0,4ly, rộng 1,08			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	93.636

8	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn 3 lớp các màu. 0,35ly; rộng 1,08	m2	JIS G3322-CQ	3 lớp các màu. 0,35ly; rộng 1,08			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	143.636
9	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn 3 lớp các màu. 0,4ly, rộng 1,08	m2	JIS G3322-CQ	3 lớp các màu. 0,4ly, rộng 1,08			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	153.636
10	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn 3 lớp các màu. 0,45ly, rộng 1,08	m2	JIS G3322-CQ	3 lớp các màu. 0,45ly, rộng 1,08			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	162.727
11	Vật liệu tấm lợp, bao che	Nóc diềm máng tôn dày 0,3-0,35ly cánh 240	md	không có thông tin	dày 0,3-0,35ly cánh 240			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	49.091
12	Vật liệu tấm lợp, bao che	Nóc diềm máng tôn dày 0,4ly cánh 240	md	không có thông tin	dày 0,4ly cánh 240			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	50.909
13	Vật liệu tấm lợp, bao che	Nóc diềm máng tôn dày 0,3-0,35ly cánh 300	md	không có thông tin	dày 0,3-0,35ly cánh 300			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	52.727
14	Vật liệu tấm lợp, bao che	Nóc diềm máng tôn dày 0,4ly cánh 300	md	không có thông tin	dày 0,4ly cánh 300			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	55.455
15	Vật liệu tấm lợp, bao che	Nóc diềm máng tôn dày 0,35 cánh 400	md	không có thông tin	dày 0,35 cánh 400			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	61.818
16	Vật liệu tấm lợp, bao che	Nóc diềm máng tôn dày 0,4 cánh 400	md	không có thông tin	dày 0,4 cánh 400			Giá bán tại kho của Công ty TNHH Hòa Bình	64.545
	CÔNG TY TNHH NASAKI VIỆT NAM **Địa chỉ: KCN phía Nam - phường Văn Phú - tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại: 0974.683.640** **Giá bán chưa bao gồm cước vận chuyển giao trên phương tiện bên mua tại kho của nhà sản xuất.**								
	Ngói sóng								
1	Vật liệu lợp	Ngói màu LUXURY (9 viên/m2 sử dụng)	viên	TCVN 4313:2023	360x302(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	37.340
2	Vật liệu lợp	Ngói màu NASAKI (9 viên/m2 sử dụng)	viên	TCVN 4313:2023	363x305(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	32.340
3	Vật liệu lợp	Ngói nóc - 3 viên/md	viên	TCVN 4313:2023	320x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	44.340
4	Vật liệu lợp	Ngói cuối nóc	viên	TCVN 4313:2023	330x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	47.340
5	Vật liệu lợp	Ngói rìa - 3 viên/md	viên	TCVN 4313:2023	379x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	44.340
6	Vật liệu lợp	Ngói cuối rìa	viên	TCVN 4313:2023	385x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	47.340
7	Vật liệu lợp	Ngói lót nóc - 3 viên/md (1đôi = 2 viên)	viên	TCVN 4313:2023	305x255(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	52.340
8	Vật liệu lợp	Ngói 3 chạc (chữ Y, chữ T)	viên	TCVN 4313:2023		Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	57.340
9	Vật liệu lợp	Ngói cuối mái	viên	TCVN 4313:2023	340x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	67.340
	Ngói phẳng								

1	Vật liệu lợp	Ngói phẳng Pháp (10 viên/m2)	viên	TCVN 4313:2023	360x255(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	38.840
2	Vật liệu lợp	Ngói phẳng vân hoặc trơn (9viên/m2)	viên	TCVN 4313:2023	440x260(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	41.840
3	Vật liệu lợp	Ngói nóc - 3 viên/md	viên	TCVN 4313:2023	330x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	44.340
4	Vật liệu lợp	Ngói cuối nóc	viên	TCVN 4313:2023	340x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	47.340
5	Vật liệu lợp	Ngói rìa - 3 viên/md	viên	TCVN 4313:2023	300x195(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	43.540
6	Vật liệu lợp	Ngói cuối rìa	viên	TCVN 4313:2023	340x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	47.340
7	Vật liệu lợp	Ngói lót nóc - 3 viên/md (1đôi = 2 viên)	viên	TCVN 4313:2023	305x255(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	52.340
8	Vật liệu lợp	Ngói 3 chạc (chữ Y, chữ T)	viên	TCVN 4313:2023		Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	57.340
9	Vật liệu lợp	Ngói cuối mái	viên	TCVN 4313:2023	330x210(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	67.340
	Ngói phong cách Hàn Quốc								
1	Vật liệu lợp	Ngói NASAKI phong cách Hàn Quốc Kích thước 280x230 (20 viên/m2)	viên	TCVN 4313:2023	250x203(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	40.840
2	Vật liệu lợp	Ngói nóc Kích thước: 160x350 (3viên /md)	viên	TCVN 4313:2023	310x160(mm)\	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	60.840
3	Vật liệu lợp	Ngói ốp tạo hình nóc KT: 240x300x15mm (3.3viên/md)	viên	TCVN 4313:2023	300x240(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	66.840
4	Vật liệu lợp	Ngói diềm bờ nóc KT: 90x90x199mm (5 viên/md)	viên	TCVN 4313:2023	200x110(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	56.840
5	Vật liệu lợp	Ngói úp tạo hình nóc KT: 100x440mm (2.5viên/md)	viên	TCVN 4313:2023	440x100(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	56.840
6	Vật liệu lợp	Ngói diềm cuối mái Kích thước 280x230 (5viên/md)	viên	TCVN 4313:2023	285x200(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	72.840
7	Vật liệu lợp	Ngói đầu đao	viên	TCVN 4313:2023	480x270(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	610.840
	Gạch TERRAZZO								
1	Gạch ốp lát	Terrazzo Ghi Xám Hoàng Gia Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	397.650
2	Gạch ốp lát	Terrazzo Ghi Đen Hoàng Gia Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	412.350

3	Gạch ốp lát	Terrazzo Ngọc Đỏ Suối Giàng Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	1.029.750
4	Gạch ốp lát	Terrazzo Ngọc Xanh Suối Giàng Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	1.029.750
5	Gạch ốp lát	Terrazzo Xanh Rêu Hoàng Gia Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	412.350
6	Gạch ốp lát	Terrazzo Đá Vàng Hoàng Gia Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	412.350
7	Gạch ốp lát	Terrazzo Xám Nhạt Sọc Dưa Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	397.650
8	Gạch ốp lát	Terrazzo Đá Đen Mix Sỏi Trắng Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
9	Gạch ốp lát	Terrazzo Hồng Hạt To Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
10	Gạch ốp lát	Terrazzo Hồng Hạt Nhỏ Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
11	Gạch ốp lát	Terrazzo Black & White Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	568.164
12	Gạch ốp lát	Terrazzo White Marble Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
13	Gạch ốp lát	Terrazzo Xám An Hoà Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
14	Gạch ốp lát	Terrazzo Xám Sọc Dưa Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	405.000
15	Gạch ốp lát	Terrazzo Backstone Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	515.250
17	Gạch ốp lát	Terrazzo Cafe Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	588.750
18	Gạch ốp lát	Terrazzo Mix 6 màu Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	568.164
19	Gạch ốp lát	Terrazzo Xám Mix Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	405.000
20	Gạch ốp lát	Terrazzo Ghi Xám Nhạt Mix Vàng Chanh Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	423.636
21	Gạch ốp lát	Terrazzo An Thạch Xanh Kích thước (mm): 300x600	m2	TCVN 7744:2013	300x600(mm)	Công ty TNHH Nasaki VIỆT NAM	Việt Nam	Giao trên phương tiện của bên Mua tại kho của nhà sản xuất địa chỉ: KCN Phía Nam - Phường Văn Phú - Tỉnh Lào Cai	552.000
IV	**CỬA KHUNG NHỰA, NHÔM**								

	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HIỂN VÂN **Địa chỉ công ty: Số 385 đường Nguyễn Thái Học, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại: 0915586887**								
	NHÔM HỆ 45 HMI, THƯƠNG HIỆU NHÔM HMI DO NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THÀNH HIỂN HÀ NAM - LÔ CN -01, KCN ĐỒNG VĂN IV, XÃ ĐẠI CƯƠNG, HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM, VIỆT NAM (KÍNH AN TOÀN 6.38)								
1	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.680.000
2	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.630.000
3	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.880.000
4	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 4 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.650.000
5	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 1 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.550.000
6	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.650.000
7	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.600.000
8	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.550.000
9	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ mở hất	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.450.000
10	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa sổ 2 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.550.000
11	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.380.000
	PHỤ KIỆN NHÔM HỆ 45 HMI								
12	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.230.000
13	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.740.000
14	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 4 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.150.000
15	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	660.000
16	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	900.000
17	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở trượt	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	410.000
18	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ mở hất	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	665.000
	NHÔM HỆ 55 HMI, THƯƠNG HIỆU NHÔM HMI DO NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH THÀNH HIỂN HÀ NAM - LÔ CN -01, KCN ĐỒNG VĂN IV, XÃ ĐẠI CƯƠNG, HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM, VIỆT NAM								
19	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.880.000
20	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.830.000
21	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiển Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.080.000

22	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 4 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.850.000
23	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 1 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.750.000
24	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.850.000
25	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.800.000
26	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.750.000
27	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ mở hất	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.650.000
28	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa sổ 2 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.750.000
29	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.580.000
	PHỤ KIỆN NHÔM HỆ 55 HMI								
30	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.370.000
31	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.940.000
32	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 4 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.400.000
33	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	740.000
34	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.000.000
35	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở trượt	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	460.000
36	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ mở hất	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	740.000
	NHÔM HỆ VIỆT PHÁP HÀ NỘI, CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM VIỆT PHÁP HÀ NỘI- ĐỘI 9, XÃ NGỌC HỒI, HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM								
37	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.970.000
38	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.920.000
39	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.180.000
40	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 4 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.940.000
41	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 1 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.840.000
42	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.940.000
43	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.890.000

44	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.830.000
45	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ mở hất	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.730.000
46	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa sổ 2 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.830.000
47	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.660.000
	PHỤ KIỆN NHÔM HỆ VIỆT PHÁP								
48	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.440.000
49	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.040.000
50	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 4 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.520.000
51	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	780.000
52	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.050.000
53	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở trượt	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	480.000
54	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ mở hất	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	780.000
	NHÔM HỆ XINGFA VIỆT NAM DO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ MÁY NHÔM XINGFA VIỆT NAM, 99 ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA, QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH								
55	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.480.000
56	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.430.000
57	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.680.000
58	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 4 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.250.000
59	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 1 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.150.000
60	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.450.000
61	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.400.000
62	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.350.000
63	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ mở hất	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.250.000
64	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa sổ 2 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.150.000
65	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.980.000
	PHỤ KIỆN NHÔM HỆ XINGFA VIỆT NAM								
66	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.720.000
67	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.290.000

68	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 4 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.750.000
69	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.090.000
70	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.350.000
71	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở trượt	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	810.000
72	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ mở hất	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.090.000
	NHÔM XINGFA VIỆT NAM HỆ XINGFA 55 DO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ MÁY NHÔM XINGFA VIỆT NAM, 99 ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA, QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH								
1	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.180.000
2	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.130.000
3	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.380.000
4	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 4 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.550.000
5	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa đi 1 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.450.000
6	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.150.000
7	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.100.000
8	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở trượt	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	4.050.000
9	Cửa khung nhựa, nhôm	Cửa sổ mở hất	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.950.000
10	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định có diện tích cửa sổ 2 cánh mở quay chiếm ≤ 50% diện tích tổng thể	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.450.000
11	Cửa khung nhựa, nhôm	Vách kính cố định	m2	TCCS		Công ty TNHH XD và TM Hiền Vân	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.280.000
	PHỤ KIỆN NHÔM HỆ XINGFA VIỆT NAM HỆ XINGFA 55								
1	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.240.000
2	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	2.990.000
3	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa đi 4 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	3.550.000
4	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 1 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.390.000
5	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở quay	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.750.000
6	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ 2 cánh mở trượt	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.060.000
7	Cửa khung nhựa, nhôm	Phụ kiện cửa sổ mở hất	bộ			Công ty cổ phần Sevenday	Việt Nam	Gía bán đã bao gồm lắp đặt, vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn toàn tỉnh Lào Cai	1.390.000
	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL **Địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh** **Số điện thoại: 0963.846.666 - 0888.545.555**								
	I. HỆ 55 VÁT CẠNH								
1	Cửa nhôm kính	Vách cố định Kích thước: 2000 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38 mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dầy 1,2mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 55 dày 1,2mm (±8%)	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	1.816.000

2	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh kích thước: 800 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dày 1,4mm (±8%). - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	Hệ 55 dày 1,4mm (±8%).	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.444.000
3	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dày 1,4mm (±8%). - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	Hệ 55 dày 1,4mm (±8%).	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.447.000
4	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở hất kích thước 800*1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh singhal hệ 55 vát cạnh độ dầy 1,2mm (±8%) -Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2021	Hệ 55 dày 1,2mm (±8%)	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.446.000
5	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở hất kích thước 1200 * 1600 mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dầy 1,2mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2022	Hệ 55 dày 1,2mm (±8%)	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.446.000
6	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở lùa kích thước: 1400 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dầy 1,2mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2023	Hệ 55 dày 1,2mm (±8%)	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.144.000
7	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở lùa kích thước: 2400 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 vát cạnh độ dầy 1,2mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2024	Hệ 55 dày 1,2mm (±8%)	Công ty CP Tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.144.000
	II.NHÔM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA								
1	Cửa nhôm kính	Vách cố định kích thước: 2000 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38 mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 mặt cắt Xingfa độ dầy 2,0 mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 55 Xingfa dày 2,0 mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	1.823.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh kích thước: 1000 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38 mm - Nhôm thanh singhal hệ 55 mặt cắt Xingfa độ dày 2,0 mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	Hệ 55 Xingfa dày 2,0 mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.252.000
3	Cửa nhôm kính	: Cửa đi 2 cánh kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 mặt cắt Xingfa độ dày 2,0 mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	Hệ 55 Xingfa dày 2,0 mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.261.000
4	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở hất kích thước: 800 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 mặt cắt Xingfa độ dầy 1,4mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2021	Hệ 55 Xingfa dày 1.4mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.122.000

5	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở hất kích thước: 1400 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 55 mặt cắt Xingfa độ dầy 1,4mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2022	Hệ 55 Xingfa dày 1.4mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.182.000
	III. SINGHAL Hệ 56 SẬP LIỀN								
1	Cửa nhôm kính	Vách cố định kích thước: 2000 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dầy 1,2mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	1.717.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay kích thước: 1000 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.824.000
3	Cửa nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay liền vách kích thước: 1000 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.825.000
4	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.858.000
5	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay liền vách kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.825.000
6	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở trượt kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.492.000
7	Cửa nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở trượt liền vách kích thước: 1600 * 2200mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dày 1,2 mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.2mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.492.000
8	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở hất kích thước 800 * 1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38 mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dầy 1,0 mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.606.000
9	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay kích thước 1200*1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dầy 1,0mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.889.000

10	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay liền vách kích thước 1200*1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dầy 1,0mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.927.000
11	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở trượt kích thước 1200*1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dầy 1,0mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.779.000
12	Cửa nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở trượt kích thước 2400*1600mm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Nhôm thanh Singhal hệ 56 độ dầy 1,0mm (±8%) - Gioăng chèn hãng Đông Á		Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ 56 sập liền dày 1.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.779.000
	V NHÔM SINGHAL HỆ MẶT DỰNG -65								
1	Cửa nhôm kính	Hệ vách dựng nối đố: - Nhôm Singhal dày 2,5 mm(±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ vách dựng, dày 2.5mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.285.000
2	Cửa nhôm kính	Hệ vách dựng nối đố + có cửa mở hất - Nhôm Singhal dày 2,5 mm(±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ vách dựng, dày 2.5mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.421.000
3	Cửa nhôm kính	Hệ vách dựng dấu đố + cửa sổ 1 cánh mở hất - Nhôm Singhal dày 2,5 mm (±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ vách dựng, dày 2.5mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.171.000
	VI NHÔM SINGHAL HỆ MẶT DỰNG -52								
1	Cửa nhôm kính	Hệ vách dựng nối đố : - Nhôm Singhal dày 2,0mm (±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ vách dựng, dày 2.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.092.000
2	Cửa nhôm kính	Vách dựng cố định nối đố+ có cửa sổ 1 cánh mở hất - Nhôm Singhal dày 2,0mm (±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm -Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ vách dựng, dày 2.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.486.000
3	Cửa nhôm kính	Hệ vách dựng dấu đố+ có cửa sổ 1 cánh mở hất. - Nhôm Singhal dày 2,0mm (±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6,38mm - Gioăng chèn hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ vách dựng, dày 2.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.172.000
	VII HỆ THUỶ LỰC:								
1	Cửa nhôm kính	Khung K200*SC180 nhôm Singhal độ dày 2,0mm (±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38 mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ thủy lực K200*SC 180, dày 2.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	6.055.000

2	Cửa nhôm kính	Khung K200 * SC120 Nhôm Singhal, độ dày 2,0mm (±8%) - Cửa đi 2/3/4/5/7 tấm - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ thủy lực K200* SC120, dày 2.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	5.622.000
3	Cửa nhôm kính	Khung SK200*SC140, Nhôm Singhal, độ dày 2.0mm (±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38 mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ thủy lực K120* SC140, dày 2.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	5.864.000
4	Cửa nhôm kính	Khung SK120* SC180 Nhôm Singhal, dày 2,0mm (±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38 mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ thủy lực SK120* SC180, dày 2.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	5.050.000
5	Cửa nhôm kính	Khung K120*SC120 Nhôm Singhal, độ dày 2,0mm (±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38 mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ thủy lực K120* SC120, dày 2.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	4.666.000
6	Cửa nhôm kính	Khung SK120 * cánh SC140, Nhôm singhal, độ dày 2,0mm (±8%) - Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 10,38mm - Gioăng hãng Đông Á	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Hệ thủy lực SK120* SC140, dày 2.0mm (±8%)	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	4.678.000
	B. CỬA CUỐN SINGDOOR								
	1. NAN CỬA CUỐN								
1	Cửa cuốn	**Nan cửa cuốn chống bão G91:** - Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, sơn màu caphe, lỗ thoáng hình kim tiền, Bản nan 90mm, giảm âm 2 chiều lên xuống.	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	bản nan 90mm, lô thoáng hình kim tiền.	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.234.000
2	Cửa cuốn	**Nan cửa cuốn SE03:** - Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, sơn màu caphe, lỗ thoáng hình ôvan, bản nan 50mm, 4chân, 2 vít, giảm âm 1 chiều lên, xuống.	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2019	bản nan 50mm, lỗ thoáng hình ovan.	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	3.143.000
3	Cửa cuốn	**Nan cửa cuốn G90:** - Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm,kết hợp 2 nam sơn màu ghi sáng + caphe, lỗ thoáng kim tiền, bản nan 90mm, giảm âm 2 chiều lên, xuống.	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2020	bản nan 90mm, lô thoáng hình kim tiền.	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.985.000
4	Cửa cuốn	**Nan cửa cuốn G60:** - Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, sơn màu ghi sáng, lỗ thoáng kim tiền, bản nan 60mm, giảm âm 2 chiều lên, xuống.	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2021	Bản nan 60mm, lỗ thoáng hình kim tiền	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.730.000
5	Cửa cuốn	**Nan cửa cuốn G61:** - Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm,kết hợp 2 nan, sơn màu caphe, lỗ thoáng hình hoa văn, bản nan 88mm, giảm âm 2 chiều lên, xuống.	m2	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2022	Bản nan 60mm, lỗ thoáng hình hoa văn	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Giá bán tại kho địa chỉ: CCN Hà Mãn - Trí Quả, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh chưa bao gồm chi phí vận chuyển và lắp đặt tại công trình.	2.640.000
	CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HÀ DƯƠNG **Địa chỉ: SN 261, đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai** **Điện thoại: 0366666691**								
	Cửa và vách nhôm thường Đông Á								
1	Cửa nhôm kính	Cửa đi nhôm thường Đông Á, độ dày nhôm 0,6-1,0mm. Kính thường dày 5mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,6 - 1,0mm; Kính thường dày 5mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.150.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa sổ nhôm thường Đông Á, độ dày nhôm 0,6-1,0mm. Kính thường dày 5mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,6 - 1,0mm; Kính thường dày 5mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.090.000

3	Cửa nhôm kính	Vách kính cố định nhôm thường Đông Á, đọ dày nhôm 0,6 - 1,0mm. Kính thường dày 5mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,6 - 1,0mm; Kính thường dày 5mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.050.000
	Cửa và vách nhôm hệ Xingfa (DY-56) Đông Á, kính an toán 2 lớp 6,38mm.								
1	Cửa nhôm kính	Cửa đi mở quay nhôm Đông Á hệ Xingfa (DY-56) độ dày mã chính nhôm dày 1,4mm. Trên lắp kính an toàn 6,38mm, dưới bưng lá hộp nhôm 2 mặt. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 -Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm mã chính 1,4mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.340.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa sổ mở quay, mở hất nhôm Đông Á hệ Xingfa (DY-56) độ dày mã chính nhôm 1,2mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,2mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.150.000
3	Cửa nhôm kính	Vách kính cố định nhôm Đông Á hệ Xingfa (DY-56), độ dày mã chính nhôm 1,2mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,2mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.080.000
	Cửa và vách nhôm hệ Vát Cạnh (DY-55) Đông A, kính an toán 2 lớp 6,38mm.								
1	Cửa nhôm kính	Cửa đi mở quay nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55) độ dày mã chính nhôm 1,0-1,3mm, Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m^2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 - Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,0-1,3mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.100.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa đi mở quay nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55) độ dày mã chính nhôm 0,9-1,1mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m^2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,9 - 1,1mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.950.000
3	Cửa nhôm kính	Cửa sổ mở quay, mở hất nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55) độ dày mã chính nhôm 1,0-1,3mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,0 - 1,3mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.930.000
4	Cửa nhôm kính	Cửa sổ mở quay, mở hất nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55) độ dày mã chính nhôm 0,8 -1,1mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,8 - 1,1mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.850.000

5	Cửa nhôm kính	Vách kính cố định nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55), độ dày mã chính nhôm 1,1-1,3mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,1 - 1,3mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.780.000
6	Cửa nhôm kính	Vách kính cố định nhôm Đông Á hệ Vát cạnh (DY-55), độ dày mã chính nhôm 0,9-1,1mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 0,9 - 1,1mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.740.000
	Cửa đi và cửa sổ mở trượt nhôm Đông Á, kính an toàn 2 lớp 6,38mm.								
1	Cửa nhôm kính	Cửa đi mở trượt nhôm Đông Á hệ lùa ray inox DA-L55 độ dày mã chính nhôm 1,0-1,2mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,0 - 1,2mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.140.000
2	Cửa nhôm kính	Cửa sổ mở trượt nhôm Đông Á hệ DY-50 độ dày mã chính nhôm 1,15-1,20mm. Kính an toàn 6,38mm. Phụ kiện Huy Hoàng. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,15 - 1,20mm; Kính thường an toàn 2 lớp dày 6,38mm;	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.910.000
	Cửa nhôm hệ Thủy Lực (DY-160) Đông Á								
1	Cửa nhôm kính	Cửa nhôm Đông Á hệ thủy lực (DY-160), bản cánh rộng 180mm, bản khung 200mm, độ dày mã chính nhôm 1,8-2.0mm. Kính an toàn 8,38mm. Lắp đặt tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	m2	Nhôm đạt tiêu chuẩn 6063 Độ cứng T5 - Thí nghiệm thành phần Nhôm (AL) đạt 98,75% trở lên.	Độ dày nhôm 1,8 - 2,0mm; Kính an toán dày 8,38mm	Sản xuất tại Công ty TNHH Nhôm Đông Á (Sản phẩm có tại Công ty TNHH MTV & TM Hà Dương Số nhà 261 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cam Đường;	Việt Nam	Lắp đặt & vận chuyển tại công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.250.000
V	**VẬT LIỆU KHÁC**								
	CÔNG TY CỔ PHẦN TM&XD DUYÊN HẢI **- Địa chỉ: Lô 18, đường Thủ Dầu 1, Khu tiểu thủ công nghiệp Bắc Duyên Hải, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai** **- Điện thoại: 0978.399.896**								
	Cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn âm dương dài 1m, tải trọng thiết kế HL93 (cấp tải TC)								
1	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D400 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cống 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	559.000
2	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D600 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cống 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	879.000
3	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D750 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-6.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cống 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.135.000
4	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D800 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-6.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cống 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.255.000
5	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1000 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cống 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.765.000

6	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1000 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-6.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cống 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.880.000
7	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1200 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cống 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	2.440.000
8	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1200 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(4.0-9.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cống 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	2.525.000
9	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1500 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-9.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cống 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	4.520.000
10	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D2000 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-9.0)m	m	TCVN 9113:2012	đốt cống 1m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	8.660.000
	Cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn âm dương dài 2m, tải trọng thiết kế HL93 (cấp tải TC)								
11	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D400 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.085.609
12	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D600 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.716.797
13	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D750 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-6.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	2.218.409
14	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D800 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-6.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	2.467.313
15	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1000 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	3.445.195
16	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1000 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-6.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	3.675.315
17	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1200 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(0.5-4.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	4.706.950
18	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Cống tròn D1200 âm dương - Tải trọng thiết kế HL93, áp dụng cho chiều cao đất đắp trên cống H=(4.0-9.0)m	2m dài	TCVN 9113:2012	đốt cống 2m	Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	5.042.337
	Gối cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn, tải trọng thông thường (tải T)								
19	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D400, tải trọng thông thường (Tải T)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	105.000
20	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D600, tải trọng thông thường (Tải T)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	180.000

21	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D750, tải trọng thông thường (Tải T)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	221.000
22	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D800, tải trọng thông thường (Tải T)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	235.000
	Gối cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn, tải trọng cao (tải C)								
23	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D600, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	189.840
24	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D750, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	235.750
25	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D800, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	247.500
26	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D1000, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	272.000
27	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D1200, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	365.000
28	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D1500, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	553.000
29	Cấu kiện cống tròn đúc sẵn	Gối cống tròn D2000, tải trọng cao (Tải C)	cái	TCVN 9113:2012		Công ty CP TM&XD Duyên Hải	Việt Nam	Giá bán trên phương tiện bên mua tại thôn Mường 1, xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai	1.047.000
	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT TOP ASIA **Địa chỉ: Số 24 Ngõ 14 Hồ Rùa, phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội** **Số điện thoại: 0896699996** **Giá bán đã bao gồm chi phí vật liệu phụ, vận chuyển, thi công lắp đặt hoàn thiện tại chân công trình, chưa bao gồm chi phí làm cột, vì kèo, khung xương cấu tạo.**								
1	Vật liệu khác	Tấm nhựa Polycarbonate (Nhựa kính cường lực) dạng đặc, trong suốt Asia Lite dày 3mm	m2	TCVN10103:2013	3,0mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	480.000
2	Vật liệu khác	Tấm nhựa Polycarbonate (Nhựa kính cường lực) dạng đặc, trong suốt Asia Lite dày 4mm	m2	TCVN10103:2013	4,0mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	639.000
3	Vật liệu khác	Tấm nhựa Polycarbonate (Nhựa kính cường lực) dạng đặc, trong suốt Asia Lite dày 5mm	m2	TCVN10103:2013	5,0 mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	800.000
4	Vật liệu khác	Tấm nhựa Polycarbonate (Nhựa kính cường lực) dạng đặc, trong suốt Asia Lite dày 6mm	m2	TCVN10103:2013	6,0 mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.051.000
5	Vật liệu khác	Tấm nhựa Polycarbonate (Nhựa kính cường lực) dạng đặc, trong suốt Asia Lite dày 8mm.	m2	TCVN10103:2013	8,0 mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.400.000

6	Vật liệu khác	Tấm nhựa Polycarbonate (Nhựa kính cường lực) dạng đặc, trong suốt Asia Lite dày 10mm	m2	TCVN10103:2013	10,0 mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.750.000
7	Vật liệu khác	Tấm nhựa Polycarbonate (Nhựa kính cường lực) dạng đặc, trong suốt Asia Lite dày 12mm	m2	TCVN10103:2013	12,0 mm	Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất Top Asia	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.182.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN INDECONS VINA **Địa chỉ: Số 21C, ngõ 142 Nguyễn Đình Hoàn, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.** **Điện thoại: 02437321199 - 02432039290**								
	BIỂN BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ CHO ĐƯỜNG TIÊU CHUẨN CAO TỐC								
1	Vật liệu khác	Biển tròn D=0,9m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2018	- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang là 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	2.795.000
2	Vật liệu khác	Biển tròn D=1,4m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2019	- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang là 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	8.294.000
3	Vật liệu khác	Biển tam giác L=0,9m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2020	- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang là 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.466.000
4	Vật liệu khác	Biển tam giác L=1,4m	cái	QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2022	- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang là 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	3.211.000
5	Vật liệu khác	Biển CN, S<1m2	m2	QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2023	- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang là 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	4.154.000
6	Vật liệu khác	Biển CN, S<5m2	m2	QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2024	- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang là 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	5.538.000
7	Vật liệu khác	Biển CN, S>5m2	m2	QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2025	- Mặt biển nhôm tấm dày 2.5mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương T20x40x2.4mm; T50x100x3.2 - Màng phản quang là 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	6.923.000

8	Vật liệu khác	Biển cọc H	cái	QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2025	- Mặt biển nhôm tấm dày 2.0mm hoặc tôn mạ kẽm d2.0mm - Khung xương và hộp đỡ biển T20x40x2.4mm hoặc L30x3(không bao gồm bulong và chi tiết liên kết cột) - Màng phản quang là 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng - Quấn nylon khi vận chuyển	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	760.000
9	Vật liệu khác	Biển cột Km (bao gồm cột)	cái	QCVN 41:2019/BGTVT: ASTM B209-H34 TCVN7859 SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2025	- Mặt biển tôn mạ kẽm d2.0mm - Cột đỡ 2xD60x3.0 - Màng phản quang là 3M loại XI - Toàn bộ thép mạ kẽm nhúng nóng - Quấn nylon khi vận chuyển	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	6.750.000
10	Vật liệu khác	Màng phản quang loại XI	m2	TCVN 7887:2018 ASTN D4956	Quấn thành cuộn bọc nylon khi vận chuyển	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.715.000
11	Vật liệu khác	Cột đỡ biển báo D88,3x3 mạ kẽm	m	'SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2018	Dán màng phản quang trắng đỏ loại III	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	689.000
12	Vật liệu khác	Giá long môn	kg	'SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2018	- Bao gồm cả bu lông móng và dưỡng bu lông móng. - Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng - Bu lông liên kết dầm-cột CB8.8. Bu lông móng CB5.6	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	56.700
13	Vật liệu khác	Cột tay vươn	kg	'SS400 ASSHTO-M180 TCVN 7887:2018	- Bao gồm cả bu lông móng và dưỡng bu lông móng. - Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng - Bu lông liên kết dầm-cột CB8.8. Bu lông móng CB5.6	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	55.900
	TÔN LƯỢN SÓNG CHO ĐƯỜNG CAO TỐC VÀ ĐƯỜNG GOM								
14	Vật liệu khác	Hộ lan tôn sóng mạ kẽm loại 2 sóng, 3320x310x4mm	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.988.000
15	Vật liệu khác	Hộ lan tôn sóng mạ kẽm loại 2 sóng, 6320x310x4mm	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	3.709.500
16	Vật liệu khác	Hộ lan tôn sóng mạ kẽm loại 3 sóng, 4330x460x4mm	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	4.374.000
17	Vật liệu khác	Hộ lan tấm sóng nối loại 2 sóng và 3 sóng , 4330x460x4 mm	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	2.980.000
18	Vật liệu khác	Tấm cuối 610x310x4mm (2 sóng)	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	618.000
19	Vật liệu khác	Tấm cuối 610x460x4mm (3 sóng)	tấm	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	988.800
20	Vật liệu khác	Hộp đệm 156x70x300x5mm	cái	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	118.000
21	Vật liệu khác	Hộp đệm 389x624x4,3mm	cái	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	721.000

22	Vật liệu khác	Hộp đệm chữ C 160x400x110x5mm	cái	- SS400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	398.700
23	Vật liệu khác	Tiêu phản quang tam giác d2 dán MPQ đỏ vàng loại XI	cái	- SS400 - ASSHTO-M180 -TCVN 7887:2018	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	17.500
24	Vật liệu khác	Cột tôn lượn sóng D141,3x4,5x2500mm	cột	- STK400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.727.500
25	Vật liệu khác	Cột tôn lượn sóng D141,3x4,5x2150mm	cột	- STK400 - ASSHTO-M180	- Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.519.100
26	Vật liệu khác	Bulong M16x33	cái		CB5.6	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	9.000
27	Vật liệu khác	Bulong M18x40	cái		CB5.6	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	12.000
28	Vật liệu khác	Bulong M20x180	cái		CB5.6	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	40.000
	LƯỚI CHỐNG CHÓI CHO ĐƯỜNG CAO TỐC VÀ ĐƯỜNG GOM								
29	Vật liệu khác	Lưới chống chói (tấm đầu cuối) - Khung thép D33,5 dày 3mm, tấm tôn tai cột 50x75 dày 3mm	tấm	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.191.480
30	Vật liệu khác	Lưới chống chói loại 2m thông thường (tấm giữa) - Khung thép D33,5 dày 3mm, tấm tôn tai cột 50x75 dày 3mm	tấm	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	1.453.030
31	Vật liệu khác	Trụ ống thép D60 dày 3mm (H=748mm) bao gồm tai cột, gân cột , cho các vị trí giữa	cột	- STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	314.100
32	Vật liệu khác	Trụ ống thép D60 dày 3mm (H=250mm) bao gồm tai cột, gân cột, cho các vị trí chuyển tiếp	cột	- STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	177.600
	HÀNG RÀO BẢO VỆ B40								
33	Vật liệu khác	Tấm lưới rào B40 KT 1500x2730mm, khung thép ống D50x3mm, lưới thép 4mm, mắt lưới 63x63mm	tấm	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	2.826.950
34	Vật liệu khác	Cột ống thép D60x3mm, L=1.44, bịt đầu mũ chóm cầu, đế cột và tai liên kết (cột chịu lực trên)	cột	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	669.990
35	Vật liệu khác	Cột ống chịu lực D60x3mm, L=1.59, mặt bích 120x10mm (Trụ móng)	cột	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	662.240
	HÀNG RÀO BẢO VỆ THÉP GAI								
36	Vật liệu khác	Dây thép gai 2x2,5mm	md		Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	5.500
37	Vật liệu khác	Cột chịu lực ống thép D60x3mm, L=1.59m (Trụ móng)	cột	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	721.140

38	Vật liệu khác	Cột ống thép D60x3mm, L=1.64m, bản thép đế cọc và 12 móc thép D8-L120mm (cột chịu lực trên)	cột	- SS400 - STK400 - ASSHTO-M180	Toàn bộ mạ kẽm nhúng nóng	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	789.060
	ĐINH PHẢN QUAN								
40	Vật liệu khác	Đinh phản quang nhôm 1 mặt 110x130x250mm	cái	TCVN 12584	Đóng thùng caton	Công ty Cổ phần Indecons Vina	Việt Nam	Giá đã bao gồm công giao hàng đến kho bãi công trình các dự án trên toàn tỉnh, không bao gồm việc rải vật tư dọc tuyến đường tại từng vị trí lắp đặt	320.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN CARBON VIỆT NAM **Địa chỉ: Tòa nhà Carboncor, 127 Hoàng Ngân, phường Yên Hòa, TP Hà Nội** **Số điện thoại: 0946668286 - 0919658688 - 0983661735** **Địa điểm đặt nhà máy sản xuất: Lô 2B, Cụm CN Nam Châu Sơn, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình**								
	Vật liệu khác	Carboncor Asphalt - CA 9.5, CA 12.5	Tấn	Lớp vật liệu CarboncorAsphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm theo TCCS 09:2024/CĐBVN	Bao 25 kg	Công ty cổ phần Carbon Việt Nam	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến khu vực phường Yên Bái	4.081.000
	Vật liệu khác	Carboncor Asphalt - CA6.7	Tấn	Lớp vật liệu CarboncorAsphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm theo TCCS 09:2024/CĐBVN	Bao 25 kg	Công ty cổ phần Carbon Việt Nam	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến khu vực phường Yên Bái	4.120.000
	Vật liệu khác	CarboncorAshalt- CA19 (Bê tông nhựa rộng Carbon)	Tấn	Lớp vật liệu CarboncorAsphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm theo TCCS 09:2024/CĐBVN	Bao 25 kg	Công ty cổ phần Carbon Việt Nam	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến khu vực phường Yên Bái	3.300.000
1	Vật liệu khác	Carboncor Asphalt - CA 9.5, CA 12.5	Tấn	Lớp vật liệu CarboncorAsphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm theo TCCS 09:2024/CĐBVN	Bao 25 kg	Công ty cổ phần Carbon Việt Nam	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến khu vực phường Lào Cai	4.415.000
2	Vật liệu khác	Carboncor Asphalt - CA6.7	Tấn	Lớp vật liệu CarboncorAsphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm theo TCCS 09:2024/CĐBVN	Bao 25 kg	Công ty cổ phần Carbon Việt Nam	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến khu vực phường Lào Cai	4.454.000
3	Vật liệu khác	CarboncorAshalt- CA19 (Bê tông nhựa rộng Carbon)	Tấn	Lớp vật liệu CarboncorAsphalt trong xây dựng và sửa chữa kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm theo TCCS 09:2024/CĐBVN	Bao 25 kg	Công ty cổ phần Carbon Việt Nam	Việt Nam	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến khu vực phường Lào Cai	3.634.000
	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI, TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG VĨNH HƯNG **Địa chỉ công ty: Lô BT2 - Ô số 49 Khu Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Tp Hà Nội** **Địa chỉ kho công ty: Khu CN Dệt may Phố Nối B, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên** **Số điện thoại 0984984098**								
1	Vật liệu khác	Cáp dự ứng lực 12,7mm	Tấn		Cáp dự ứng lực, không vỏ bọc, 7 sợi, độ chùng thấp, đường kính 12,7 mm theo chuẩn ASTM A416, Grade 270	Hãng Southern PC Steel Sdn Bhd	Malaysia	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	30.500.000
2	Vật liệu khác	Cáp dự ứng lực 15.24mm	Tấn		Cáp dự ứng lực, không vỏ bọc, 7 sợi, độ chùng thấp, đường kính 15,24 mm theo chuẩn ASTM A416, Grade 270	Hãng Southern PC Steel Sdn Bhd	Malaysia	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	30.500.000
3	Vật liệu khác	Neo công tác QMV13A7 (YJM13A-7)	Bộ		Bộ neo gồm: 01 đế, 01 bát, 07 nêm và 01 lò xo	Hãng Liuzhou QM Construction Machinery Co.,Ltd	Trung Quốc	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.100.000
4	Vật liệu khác	Neo công tác QMV13A7 (YJM13A-9)	Bộ		Bộ neo gồm: 01 đế, 01 bát, 09 nêm và 01 lò xo	Hãng Liuzhou QM Construction Machinery Co.,Ltd	Trung Quốc	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.500.000

5	Vật liệu khác	Neo công tác QMV13A7 (YJM13A-12)	Bộ		Bộ neo gồm: 01 đế, 01 bát, 12 nêm và 01 lò xo	Hãng Liuzhou QM Construction Machinery Co.,Ltd	Trung Quốc	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.800.000
6	Vật liệu khác	Neo công tác QMV13A7 (YJM13A-15)	Bộ		Bộ neo gồm: 01 đế, 01 bát, 15 nêm và 01 lò xo	Hãng Liuzhou QM Construction Machinery Co.,Ltd	Trung Quốc	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.500.000
7	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 150x250x35mm	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 375KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	780.000
8	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 150x250x35+3mm (PTFE=3mm)	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 375KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.490.000
9	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 250x300x50mm	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 750KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	2.240.000
10	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 250x300x50+3mm (PTFE=3mm)	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 750KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	3.640.000
11	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 350x450x78mm	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 1575KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	7.330.000
12	Vật liệu khác	Gối cao su tổng hợp 350x450x78+3mm (PTFE=3mm)	Chiếc	- Gối cao su thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	Tải trọng lớn nhất ở trạng thái giới hạn sử dụng (SLS): 1575KN, góc xoay: 0,005 Rad	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.280.000
13	Vật liệu khác	Gối chậu cố định VHB-1.2FX	Chiếc	- Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	- Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN - Các vật liệu chế tạo gối phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017. - Vòng chặn POM theo tiêu chuẩn EN1337-5 / TCVN 13594-8 - Lớp phủ bảo vệ gối: bề mặt tiếp xúc với môi trường bên ngoài phải được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 150µm + sơn Epoxy dày 100µm, độ dính bám tối thiểu 4,5 MPa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	22.000.000
14	Vật liệu khác	Gối chậu di động đơn hướng VHB-1.2GS	Chiếc	- Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	- Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN - Các vật liệu chế tạo gối phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017. - Vòng chặn POM theo tiêu chuẩn EN1337-5 / TCVN 13594-8 - Lớp phủ bảo vệ gối: bề mặt tiếp xúc với môi trường bên ngoài phải được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 150µm + sơn Epoxy dày 100µm, độ dính bám tối thiểu 4,5 MPa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	25.000.000
15	Vật liệu khác	Gối chậu di động song hướng VHB-1.2FS	Chiếc	- Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	- Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN - Các vật liệu chế tạo gối phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017. - Vòng chặn POM theo tiêu chuẩn EN1337-5 / TCVN 13594-8 - Lớp phủ bảo vệ gối: bề mặt tiếp xúc với môi trường bên ngoài phải được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 150µm + sơn Epoxy dày 100µm, độ dính bám tối thiểu 4,5 MPa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	23.000.000

16	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C20	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn răng lược chuyển vị 20mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu cuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	7.500.000
17	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C30	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn răng lược chuyển vị 30mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu cuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	9.000.000
18	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C40	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn răng lược chuyển vị 40mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu cuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.000.000
19	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C50	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn răng lược chuyển vị 50mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu cuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	12.500.000
20	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C60	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn răng lược chuyển vị 60mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu cuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	13.000.000
21	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C80	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn răng lược chuyển vị 80mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu cuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	14.000.000

22	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C100	Mét	- Khe co giãn được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế TCVN11823-2017.	- Khe co giãn răng lược chuyển vị 100mm. - Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu cuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng	Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	15.500.000
23	Vật liệu khác	Neo thép D25 bao gồm đai ốc	m	ASTM A615, A706	Mạ kẽm nhúng nóng đầu ren; bao gồm đai ốc	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	124.000
24	Vật liệu khác	Neo thép D32 bao gồm đai ốc	m	ASTM A615, A706	Mạ kẽm nhúng nóng đầu ren; bao gồm đai ốc	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	206.000
25	Vật liệu khác	Lưới sức kháng cao, khoảng cách cáp 30cm	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%.	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	1.205.000
26	Vật liệu khác	Lưới thép xoắn kép khoảng cách cáp 100cm kết hợp lưới địa 3 trục gốc polyme	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%.	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	876.830
27	Vật liệu khác	Lưới thép xoắn kép khoảng cách cáp 200cm kết hợp lưới địa 3 trục gốc polyme	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%.	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	752.000
28	Vật liệu khác	Tấm đế neo	cái	EN 10025	Bảo vệ chống ăn mòn bằng mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày tối thiểu 85µm	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	384.000
29	Vật liệu khác	Khóa chữ U cho cáp D8	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	54.000
30	Vật liệu khác	Khóa chữ U cho cáp D12	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	195.000
31	Vật liệu khác	Khóa chữ U cho cáp D16	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	259.000
32	Vật liệu khác	Thiết bị liên kết các tấm lưới	cái	EN 13411-5	Cấu tạo từ sợi thép cường độ cao cấp 1770 MPa, D=4mm. Kích thước danh định: 50x20mm.	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	16.000
33	Vật liệu khác	Cáp biên D12 cấp 1770Mpa	m	EN 12385-4	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D12	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	112.000
34	Vật liệu khác	Cáp biên D16 cấp 1770Mpa	m	EN 12385-4	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D16	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	128.000
35	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật 3 trục gốc Polyme	m2	Vật liệu Polypropylene, có cấu trúc đa chiều được sử dụng để ngăn ngừa xói mòn và hiện tượng trượt bề mặt trên mái dốc, khối lượng riêng 490g/m2, điểm chảy 160 độ C, kháng tia UV, bền trong đất tự nhiên, tuổi thọ cao		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	249.000
36	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 1000 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Cột thép tròn Ø 114.3 mm, chiều dày 5 mm, thép S235JRH (EN 10219-1) - Tấm đế neo: Kích thước 250x500mm, chiều dày 10mm, thép S235JR (EN10025) - Dây cáp thép: Ø 16 mm and Ø 18 mm (6x19+WSC) (EN 12385-4), Cường độ chịu kéo Min.1770 Mpa; - Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm có đường kính 30 ø mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	9.490.000
37	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 1500 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Hệ lưới chính: Hệ tấm lưới được tạo thành từ các vòng thép đường kính 350mm, đường kính sợi thép tạo vòng 3mm, cường độ chịu kéo Min.1380Mpa, mạ Zn hoặc Zn95/Al5 (EN10244-2, phần Dãy A)		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	10.500.840

38	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 2000 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Hệ lưới bổ sung: Hệ lưới xoắn kép hình lục giác loại 8x10, đường kính dây Ø 2.20 mm (EN 10223-3), lớp mạ Zn hoặc Zn95/Al5 (EN10244-2, phần Dãy A)		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	11.957.000
39	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 3000 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Khóa chữ U: Dùng cho dây cáp thép Ø 16 mm và Ø 18 mm (EN 13411-5).		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	13.652.000
40	Vật liệu khác	Tường chống ồn hấp thụ âm (bao gồm tấm chống ồn hấp thụ âm, cột thép, các phụ kiện)	m2	- Tiêu chuẩn thiết kế: + TCCS45:2022/TCĐBVN: Tường chống ồn đường ô tô - Yêu cầu thiết kế. + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. + TCVN11823:2017: tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ. + BS EN 1794:2003: Thiết bị giảm tiếng ồn giao thông. - Tiêu chuẩn vật liệu: + Cột thép hình loại H (JIS G3101-SS400, hoặc HSGS400-TCVN7571 hoặc tương đương); + Thép tấm (JIS G3101-SS400, hoặc tương đương). + Cáp giữ an toàn cho tấm: GB/T 20118-2006. + Hợp kim nhôm theo tiêu chuẩn : GB/T-3880:2006-3003-H24 hoặc tương đương + Thép mạ kẽm: BS EN 10346:2015 - DX51D-Z275 tương đương. - Tiêu chuẩn thí nghiệm / đánh giá âm học: + ASTM C423:2017: Tiêu chuẩn quốc tế	- Cấu tạo chính bao gồm hệ thống cột giữ, cáp giữ an toàn, tấm chống ồn dạng hấp thụ âm và hệ phụ kiện lắp đặt. - Cấu tạo cột thép hình loại H, đáy cột được hàn vào bản mã chân cột, bố trí các sườn tăng cường để đảm bảo khả năng chịu lực. - Tấm chống ồn: Là dạng tấm chống ồn hấp thụ âm, được đặt trong khung bao hợp kim nhôm: + Tấm mặt trước: hợp kim nhôm. + Tấm mặt sau: thép mạ kẽm. + Vật liệu hấp thụ âm: polyester hoặc bông khoáng hoặc tương đương.		Tấm tường chống ồn: Trung Quốc Hạng mục còn lại: Việt Nam	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	6.920.000
47	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 30	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thì có khía cạnh Cấp 30: Lực kéo đứt 30 kN - Bề rộng dải 83mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	120.000
48	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 40	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thì có khía cạnh Cấp 40: Lực kéo đứt 40 kN - Bề rộng dải 83mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	125.000
49	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 50	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thì có khía cạnh Cấp 50: Lực kéo đứt 50 kN - Bề rộng dải 87mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	140.000
50	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 75	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thì có khía cạnh Cấp 75: Lực kéo đứt 75 kN - Bề rộng dải 90mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	150.000
51	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 85	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thì có khía cạnh Cấp 85: Lực kéo đứt 85 kN - Bề rộng dải 90mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	160.000
52	Vật liệu khác	Dải Polymer cấp 100	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài của dải gia cường thì có khía cạnh Cấp 100: Lực kéo đứt 100 kN - Bề rộng dải 90mm	- TCVN 11823 - 2017 - AASHTO LRFD - ISO/TR 20432	Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	170.000
53	Vật liệu khác	Móc cẩu	cái	D10mm		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	60.000

54	Vật liệu khác	Tấm đệm EPDM	cái	EPDM 150x70x22mm		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	120.000
55	Vật liệu khác	Hốc neo nhẹ	cái	Vật liệu HDPE		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	110.000
56	Vật liệu khác	Hốc neo nặng	cái	Vật liệu HDPE		Hãng Maccaferi	Sản xuất tại nhà máy ở Châu Á	Giá bán đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai	135.000
	CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG NAM **Địa chỉ: Tổ dân phố Thanh Sơn – Phường Nam Cường – Tỉnh Lào Cai** **Số điện thoại: 0888275297 - 0912097162**								
	BÊ TÔNG CHỮ H								
1	Vật liệu khác	Cột H - 6,5A	Cái	TCCS 01:2011	(215x315) (140x140)	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.238.000
2	Vật liệu khác	Cột H - 6,5B	Cái	TCCS 01:2011	(215x315) (140x140)	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.444.000
3	Vật liệu khác	Cột H - 6,5C	Cái	TCCS 01:2011	(215x315) (140x140)	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.504.000
4	Vật liệu khác	Cột H - 7,5A	Cái	TCCS 01:2011	(220x345) (140x140)	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.454.000
5	Vật liệu khác	Cột H - 7,5B	Cái	TCCS 01:2011	(220x345) (140x140)	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.691.000
6	Vật liệu khác	Cột H - 7,5C	Cái	TCCS 01:2011	(220x345) (140x140)	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.789.000
7	Vật liệu khác	Cột H - 8,5A	Cái	TCCS 01:2011	(240x360) (140x140)	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.685.000
8	Vật liệu khác	Cột H - 8,5B	Cái	TCCS 01:2011	(240x360) (140x140)	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.874.000
9	Vật liệu khác	Cột H - 8,5C	Cái	TCCS 01:2011	(240x360) (140x140)	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.231.000
10	Vật liệu khác	Cột VT - 7AV-65I	Cái	TCCS 01:2011	(190x280) (100x100)	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.697.000
	CỘT BÊ TÔNG LY TÂM CỘT KHÔNG NỐI BÍCH CỘT NGỌN 160								
1	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.7- 3,0	Cái	TCVN5847-2016	253x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.970.000
2	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.7- 3,5	Cái	TCVN5847-2016	253x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.971.000
3	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.7- 4,3	Cái	TCVN5847-2016	253x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.152.000
4	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.7,5- 2,0	Cái	TCVN5847-2016	260x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	1.883.000
5	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.7,5- 3,0	Cái	TCVN5847-2016	260x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.041.000
6	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.7,5- 5,4	Cái	TCVN5847-2016	260x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.624.000
7	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8- 3,0	Cái	TCVN5847-2016	266x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.150.000
8	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8- 3,5	Cái	TCVN5847-2016	266x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.152.000
9	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8- 4,3	Cái	TCVN5847-2016	266x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.293.000
10	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8- 5,0	Cái	TCVN5847-2016	266x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.718.000
11	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8,5- 2,5	Cái	TCVN5847-2016	273x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.133.000
12	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8,5- 3,0	Cái	TCVN5847-2016	273x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.283.000
13	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8,5- 4,3	Cái	TCVN5847-2016	273x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.407.000
14	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8,5- 5,0	Cái	TCVN5847-2016	273x160	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.830.000
	CỘT NGỌN 190								
1	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8,5- 3,0	Cái	TCVN5847-2016	303x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.248.000
2	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8,5- 4,3	Cái	TCVN5847-2016	303x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.287.000
3	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.8,5- 5,0	Cái	TCVN5847-2016	303x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.532.000
4	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.10- 3,5	Cái	TCVN5847-2016	323x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	2.954.000

5	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.10-4,3	Cái	TCVN5847-2016	323x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	3.053.000
6	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.10-5,0	Cái	TCVN5847-2016	323x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	3.405.000
7	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.12-5,4	Cái	TCVN5847-2016	350x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	4.108.000
8	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.12-7,2	Cái	TCVN5847-2016	350x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	4.554.000
9	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.12-9,0	Cái	TCVN5847-2016	350x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	5.298.000
10	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.12-10,0	Cái	TCVN5847-2016	350x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	5.565.000
	CỘT NỐI BÍCH								
1	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.12-5,4 Bích chìm	Cái	TCVN5847-2016	350x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	7.246.000
2	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.12-7,2 Bích chìm	Cái	TCVN5847-2016	350x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	7.835.000
3	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.12-9,0 Bích chìm	Cái	TCVN5847-2016	350x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	8.773.000
4	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.12-10,0 Bích chìm	Cái	TCVN5847-2016	350x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	9.017.000
5	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.14-8,5	Cái	TCVN5847-2016	377x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	9.581.000
6	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.14-9,2	Cái	TCVN5847-2016	377x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	10.094.000
7	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.14-11,0	Cái	TCVN5847-2016	377x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	11.096.000
8	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.14-13,0	Cái	TCVN5847-2016	377x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	12.516.000
9	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.16-9,2	Cái	TCVN5847-2016	403x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	12.239.000
10	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.16-11,0	Cái	TCVN5847-2016	403x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	13.084.000
11	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.16-13,0	Cái	TCVN5847-2016	403x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	14.383.000
12	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.18-9,2	Cái	TCVN5847-2016	430x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	13.698.000
13	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.18-11,0	Cái	TCVN5847-2016	430x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	14.555.000
14	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.18-13,0	Cái	TCVN5847-2016	430x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	16.755.000
15	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.20-9,2	Cái	TCVN5847-2016	456x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	15.492.000
16	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.20-11,0	Cái	TCVN5847-2016	456x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	18.004.000
17	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.20-13,0	Cái	TCVN5847-2016	456x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	19.583.000
18	Vật liệu khác	Cột điện ly tâm HN-NPC.20-14,0	Cái	TCVN5847-2016	456x190	Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	21.516.000
19	Vật liệu khác	Gốc 4 - 8.5	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	4.047.000
20	Vật liệu khác	Gốc 4 - 9.2	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	4.114.000
21	Vật liệu khác	Gốc 4 - 11.0	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	4.435.000
22	Vật liệu khác	Gốc 4 - 13.0	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	4.773.000
23	Vật liệu khác	Gốc 6 - 9.2	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	6.260.000
24	Vật liệu khác	Gốc 6 - 11,0	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	6.423.000
25	Vật liệu khác	Gốc 6 - 13,0	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	6.640.000
26	Vật liệu khác	Gốc 8 - 9.2	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	7.718.000
27	Vật liệu khác	Gốc 8 - 11.0	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	7.894.000
28	Vật liệu khác	Gốc 8 - 13.0	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	9.012.000

29	Vật liệu khác	Gốc 10 - 9.2	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	9.513.000
30	Vật liệu khác	Gốc 10 - 11.0	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	11.343.000
31	Vật liệu khác	Gốc 10 - 13.0	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	11.840.000
32	Vật liệu khác	Gốc 10 - 14.0	Cái	TCVN5847-2016		Hồng Nam	Việt Nam	Giao trên xe ở kho bên bán tại địa chỉ: TDP Thanh Sơn-P.Nam Cường-T.Lào Cai	13.291.000